# CUỘC ĐỜI

# VIVEKANANDA

ROMAIN ROLLAND

Dịch Thuật : NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

# - I -

# CUỘC ĐỜI

# VIVEKANANDA

## Mở Đầu

Người cao-đệ sắp tiếp-tục sứ-mệnh tâm-linh thừa-hưởng của Ramakrishna và reo rắc ra thế-giới hạt-giống tư-tưởng của Ngài, thì về sinh-lý và tinh-thần hoàn-toàn trái-ngược .

Sư-phụ Tối-cao suốt đời sống dưới gối hay trong lòng Người yêu Thần-linh, Đức Mẹ _ Thượng-Đế sống. Từ thơ-ấu, Ngài đã hứa hôn với Thần, ví như trong các cuộc hôn-nhân Ấn-Độ kia ; trước khi có ý-thức về mình, Ngài đã ý-thức là mình yêu Thần. Và nếu về sau, đã phải trải qua hàng năm vật-lộn để tới với Thần, ấy cũng ví như trong truyện Anh-hùng-ca, các

hiệp-sĩ phải phiêu-lưu, mà tất cả những thử-thách chỉ có mục-tiêu là làm cho xứng-đáng với người yêu và chinh-phục được nàng. Chỉ có Nàng để kết-thúc tất cả những con đường chằng-chịt trong rừng-rậm. Chỉ có Nàng, Thượng-Đế thiên biến vạn hóa, mới có nhiều bộ mặt. Và một khi đã đạt tới thì ông đã học hiểu lần lượt các bộ mặt ấy, thuộc lòng tất cả. Như thế ở nơi Nàng, ông ôm-ấp cả thế-giới. Và từ đấy cho đến cùng, ông sống trọn đời trong không-khí viên-mãn bình-thản của lạc-cảnh vũ-trụ, mà ở Tây-phương Beethoven và Schiller đã ca hát sự khải-ngộ .

Nhưng ông đã thực-hiện hơn các vị anh-hùng bi-kịch của chúng ta rất nhiều. Cái Lạc-cảnh chỉ hiện ra cho Beethoven như một cái nhìn xanh biếc qua những đám mây mù hỗn-độn, chập-chùng, xung-đột lẫn nhau. Còn vị Thánh Paramahamsa _ thiên-nga Ấn-Độ, đã vượt qua bức màn che của những ngày dồn-dập, đã đỗ cánh Đại-Hạc trắng phau trên mặt hồ ngọc biếc của vĩnh-cửu .

Các đệ-tử đắc ý nhất của ông cũng không dễ mấy mà theo kịp ông. Người đệ-tử thế-lực nhất trong đám, có tinh-thần bay bổng nhất _ Vivekananda _ chỉ vỗ cánh từng hồi mà vươn tới trong cơn bão-táp, khiến tôi đòi phen tưởng nhớ đến những lúc vỗ cánh của Beethoven. Cả đến khi y đậu lại, cánh buồm trên chiếc thuyền của y cũng phồng lên với ngọn gió bốn phương. Tất cả tiếng kêu trên mặt đất, những đau khổ của thời-đại bao-bọc lấy y như bầy hải-âu đói. Tất cả tham-vọng của sức mạnh ( không phải của nhu-nhược ) sâu-xé trái tim sư-tử ấy. Y là năng-lực hiện-thân người, và y truyền nó cho loài người. Đối với y cũng như đối với Beethoven, năng-lực là cơ-bản của tất cả đức-tính. Y tin vào nó đến nỗi, trong sự ác-cảm với tính thụ-động như cái ách hàng thế-kỷ đè nặng trên vai con bò Đông-phương, y đã tuyên-bố :

> _ " Trước hết tất cả, các anh hãy dũng và mãnh. Các anh thanh-niên, tôi kính-trọng cả đối với kẻ dữ nếu nó dũng và mãnh ; vì sức mạnh của nó, một ngày

kia sẽ làm cho nó bỏ được tính dữ và bỏ cả những hành-vi ích-kỷ. Và sức mạnh của nó dẫn nó đến Chân-lý ." _ ( 1891 )

Vẻ người lực-sĩ của Vivekananda phản lại thân hình mảnh-mai hết sức ẻo-lả _ rất dẻo dai của Ramakrishna. Cao 1m,8, vai ngang, ngực nở, lực-lưỡng và nặng-nề ; bắp tay gân-guốc, tập-luyện tất cả các môn thể-thao. Mầu da tai-tái, khuôn mặt đầy-đặn, trán rộng, hàm nở khoẻ ; mắt tuyệt đẹp, to, thâm, hơi lồi với mi mắt dầy và điển-hình ví với cánh hoa sen. Không một ai tránh được sức nhìn thôi-miên hấp-dẫn của Vivekananda, cái nhìn có thể quyến-rũ không sao cưỡng lại, tinh-thần thiên-tài, chói-lọi, mỉa-mai, hoặc chìm trong siêu-thần nhập-hóa hay là lặn sâu oai-nghiêm vào tận đáy các tâm-hồn mà nổi lên như sấm-sét. Nhưng, nhất là, không một người nào đến gần ông ở Ấn-Độ hay ở Mỹ-quốc mà không sửng-sốt về cái vẻ uy-nghiêm vương-giả của ông. Ông sinh ra là Vua. Khi người thanh-niên hai mươi chín tuổi ấy, bấy giờ chưa ai biết, xuất-

hiện tại Chicago, ở buổi khai-mạc Hội-nghị các Tôn-giáo, do Hồng-y Giáo-chủ Gibbons chủ-tọa, vào tháng 9 năm 1893, ông ta đã làm lu mờ tất cả mọi người chung-quanh, ông thống-ngự. Sức-mạnh và vẻ đẹp của ông, dáng-điệu và tác-phong đàng-hoàng về diện-mạo, đôi mắt nhìn thâm-trầm, cử-chỉ oai-vệ, và khi vừa lên tiếng thì âm-điệu đầm-ấm làm cho quần-chúng Anglo-Saxon Mỹ-quốc, đang có thành-kiến mầu da, đối với ông phải khuất-phục. Và tư-tưởng chiến-sĩ tiên-tri của Ấn-Độ điểm dấu móng vuốt vào lưng Hiệp-Chủng-Quốc .

Không một ai có thể tưởng-tượng Vivekananda ở hàng thứ-yếu. Bất cứ vào đâu, ông cũng đứng hàng đầu. Cả đến sư-phụ của ông, là Ramakrishna, trong một thần-ảo đã kể, ( q.I ) tự nhận là một đứa trẻ bên cạnh một Đại Tiên-tri ( Rishi ). Mặc dầu Vivekananda cố từ-chối những danh-dự ấy, tự xét mình nghiêm-khắc, nhún mình hết mực, _ mỗi người, ngay lúc mới thấy ông, đều nhận ra ông là một lãnh-tụ, con cưng của Chúa, người mang dấu sức

mạnh để chỉ-huy mọi người. Có một người gặp ông ở sườn núi Tuyết-Sơn ( Himalayas ) sửng-sốt đứng lại và kêu lên : _ " Thần Çiva ! "

Hình như vị Thần hộ-mệnh, ông ưa-chuộng, đã dấu tên hiệu Ngài vào trán ông vậy.

Nhưng cái trán làm thày ấy bị gió tinh-thần bốn phương thổi táp như ở một đỉnh núi. Và thật, không mấy lúc ông được biết cái không-khí yên-tĩnh, những cõi trời trong-trẻo của tư-tưởng trong ấy Ramakrishna vui-thích mỉm cười. Cái thân-thể quá mạnh-mẽ ấy, cái bộ óc quá rộng-lớn ấy là một chiến-trường chỉ-định cho tất cả xung-động của tâm-hồn bão-tố. Hiện-tại và quá-khứ, Đông-phương và Tây-phương, mộng-tưởng và hành-động, tất cả tấn-công rồn-rập. Ông biết nhiều quá, có nhiều khả-năng quá để phải chịu nhận một hòa-điệu bằng cách từ bỏ một phần bản-tính mình, một phần chân-lý đi. Và sự tổng-hợp các năng-lực lớn, mâu-thuẫn trái-nghịch, đòi nhiều năm phấn-đấu trong đó anh-hùng-tính của ông tiêu

mòn với cả cuộc đời. Chiến-đấu và sinh-tồn đối với ông là đồng nghĩa. Ông định-nghĩa cho sự sống là : " Khuynh-hướng của bản-thể muốn phát-triển trong những hoàn-cảnh muốn đè bẹp nó xuống ." _ ( 1891 )

Thật là ngắn-ngủi số ngày ông được ban định. Mười sáu năm, kể từ lúc Ramakrishna nhập-tịch cho đến ngày nhập-tịch của Đại đệ-tử... Một ngọn lửa bùng cháy !... Ông chưa đầy bốn mươi tuổi, khi người ta khiêng lực-sĩ lên hỏa-đài. Nhưng ngọn lửa thiêu ấy, cho tới nay vẫn cháy. Và cũng như chim phượng-hoàng cổ-tích, từ trong đống tro cốt của ông đã phục-sinh cái ý-thức Ấn-Độ _ con chim thần-thông _ cái tín-ngưỡng vào sự thống-nhất Ấn-Độ và cái đại Sứ-mạng mà từ những lời thơ của Kinh Vedas về tinh-thần ấp-ủ, mơ-mộng một dân-tộc cứu-thế, và nó phải chịu trách-nhiệm với toàn-thể nhân-loại .

***

# - II -

# PARIVRAJARA : LỮ-HÀNH

## Tiếng Gọi Của Đất Nước Vào Tâm-Hồn Phiêu-Lưu.

Sau đêm Phục-Sinh ( Noël ) 1880 như tôi đã kể lại ở tập trước _ cái đêm trắng huyền-bí ở Baranagore mà Cộng-đồng sứ-đồ mới đã thành-lập trong nước mắt của tình-thương với kỷ-niệm về sư-phụ khuất bóng _ nhiều tháng và năm trôi qua mới tổ-chức được công-trình có nhiệm-vụ đem tư-tưởng Ramakrishna vào hành-động thực-tế .

Cái cầu còn phải bắc. Và các đệ-tử chưa ai quyết-định. Người độc-nhất có năng-lực và tài-ba xây-dựng chính là Naren ( Vivekananda sau này ) đang phân-vân. Ông cũng như tất cả đạo-hữu, hơn tất cả nữa, còn đang bất định,

giằng co giữa mộng và thực, tư-tưởng và hành-động. Và trước khi bắt được nhịp cầu nối liền hai bờ nước, ông phải hiểu-biết và thám-hiểm cái " bờ bên kia " : _ Ấn-Độ thực và thế-giới hiện-tại. Nhưng chưa có chút gì là rõ-rệt cả ; sứ-mệnh tương-lai còn âm-ỉ cháy trong lòng nóng sốt của chàng thanh-niên tiền-định hai mươi ba tuổi. Nhiệm-vụ mới nặng-nề, to lớn, phức-tạp làm sao ! Làm thế nào ôm cả được, dù trong tinh-thần ? Và bao giờ bắt đầu, và từ đâu ? Trong lo sợ, ông lùi mãi vào quyết-định. Nhưng làm sao ngăn cấm cuộc tranh-luận hăm-hở trong thầm kín tư-tưởng mình ? Nó đã tiếp-diễn mỗi đêm, kể từ thời niên-thiếu _ không phải giữa các ý-niệm mà giữa những bản-năng hăng-hái và trái-nghịch của bản-tính ông, giữa những dục-vọng khao-khát : Dục-vọng chiếm hữu, chiến-thắng, làm bá-chủ địa-cầu. Dục-vọng từ bỏ tất cả tục-trần để được Thượng-Đế ...

Cuộc tranh-đấu cứ diễn đi diễn lại suốt đời ông. Đối với con người chiến-sĩ của linh-

hồn, con người chinh-phục ấy, thì phải được cả : thế-giới và Thượng-Đế. Bá-chủ tất cả. Từ bỏ tất cả. Năng-lực đầy tràn căng phồng cái thân-thể lực-sĩ La-Mã kia và cái bộ óc hoàng-đế La-Mã kia đòi sự chỉ-huy. Nhưng năng-lực quá rồi-rào ấy, giòng thác nước đổ ấy, còn lòng sông nào đủ rộng lớn để chứa-đựng, nếu chẳng phải chỉ có lòng sông Thượng-Đế, hiến-dâng hoàn-toàn cho Duy-Nhất. Cái sức gì sẽ cắt đứt được cuộc tranh-chấp của lòng kiêu-hãnh và tình-yêu khẩn-thiết, của những đại Dục-vọng anh em ruột thịt cạnh-tranh và tối thượng ?

Đấy là một yếu-tố thứ ba mà chính Vivekananda không ngờ đến, mà chỉ có con mắt nhìn xa, tiên-tri của Ramakrishna đã thấy. Ở một thời-điểm mà các người khác biểu-lộ sự lo-lắng hay hoài-nghi về người thanh-niên này, tâm-hồn có nhiều năng-lực bồng-bột đang xâu-xé, sư-phụ đã báo trước rằng :

> _ " Một ngày kia, khi nào Naren ( Vivekananda sau này ) tiếp-xúc với những thống khổ của những kẻ khốn-nạn,

thì tính-tình kiêu-ngạo của hắn sẽ tan ra thành một tấm lòng từ-bi vô bờ bến. Đức tin mãnh-liệt ở hắn sẽ là dụng-cụ để dựng lại lòng tự nhiệm và tín-ngưỡng lạc-lõng trong tâm-hồn chán-nản. Và cử-chỉ phóng-túng của hắn lập cước trên sự tự-chủ vững mạnh, sẽ biểu-lộ rực-rỡ trước mắt người khác như là sự biểu-hiện của Bản-tính tự-do chân-thật ."

Sự gặp-gỡ ấy với sự đau-khổ và khốn cùng của nhân-loại _ không phải mơ-hồ và đại-khái _ sự khốn cùng xác-thực, sự khốn cùng gần gũi, sự khốn cùng của dân-tộc, sự khốn cùng của Ấn-Độ _ sẽ phải là cái đập mạnh của đá lửa làm nẩy bật tia lửa đốt cháy tất cả tâm-hồn. Và trên hòn đá lửa thiêng Tổ-quốc ấy, trong sứ-mệnh phụng-sự nhân-loại, lòng kiêu-ngạo, lòng bão-phụ với tình thương-yêu và tín-ngưỡng, tri và hành, tất cả những năng-lực, tất cả những dục-vọng được ném vào đấy, được hợp-hóa vào đấy, hòa trộn các ngọn lửa của chúng thành một ngọn lửa duy-nhất :

> _ " Một Tôn-giáo đem lại cho ta sức tự tin vào mình và sự kính-trọng của người ngoài, cái khả-năng nuôi nấng những kẻ đói khát, thắng phục khốn cùng, nâng cao quần-chúng. Nếu các anh muốn thấy Thượng-Đế, hãy phục sự con Người ."
> _ ( Cuộc đời Vivekananda, q. II, lời vần đáp trước năm 1893 )

Nhưng cái ý-thức về sứ-mệnh của ông chỉ phải đến với ông và bắt-buộc ông sau những năm kinh-nghiệm bản thân trực-tiếp, trong ấy chính mắt ông mục-kích, tự tay đụng chạm vào cái thân-thể khốn cùng và vẻ-vang của nhân-loại _ bà Mẹ Ấn-Độ của mình trong sự trơ-trụi bi-thảm .

Chúng ta cùng với ông sắp làm lại cuộc hành-hương của những bước đường du-sinh ấy. ( Wanderjahre ) ( Những ngày lang-thang ) .

***

Những tháng đầu năm thứ nhất ở Baranagore là để cống-hiến cho sự xây-dựng lẫn nhau của các đệ-tử Ramakrishna. Không một ai trong bọn là sẵn-sàng làm việc truyền giáo cả. Họ còn phải tập-trung tinh-thần vào việc tìm thực-hiện tâm-linh thần-hóa ; và những lạc-thú đời sống nội-tâm làm cho họ không để mắt hướng ra bên ngoài. Naren ( Vivekananda ) tuy cảm-thông mối hoài-niệm về vô-biên của các đạo-hữu, nhưng ông cũng cảm thấy những nguy-hiểm cho tâm-hồn thụ-động của sự hấp-dẫn nguyên-thủy ấy, nó hành-động như thể hấp-dẫn-lực vào hòn đá rơi _ Naren mà tất cả đến mơ-mộng với ông cũng là hành-động _ không chịu đựng chút nào sự đắm chìm si-ngốc trong định-niệm. Ông biến thời-kỳ tĩnh-tâm tu-viện này thành một tổ siêng-năng của trí-tuệ, một Cao-đẳng Học-viện Tinh-thần. Sự ưu-tú của thiên-tài ông và học-thức của ông, dễ bắt ngay các đồng-đạo tuân theo sự lãnh-đạo mạc-nhiên nhưng nghiêm-túc của ông, mặc dầu trong đám có mấy người hơn

tuổi. Khi vĩnh-biệt, sư-phụ chẳng đã nói lời cuối cùng cho Naren :

_ " Con hãy săn sóc những trò nhỏ này ! "

Naren nhất-quyết bắt tay điều-khiển cái Chủng-viện trẻ ấy, và ông không cho phép nó an-nghỉ vào Thượng-Đế. Ông bắt họ nín thở, nỗ-lực ; ông luôn luôn thúc đẩy các tâm-hồn, ông đọc cho họ nghe các tác-phẩm vĩ-đại của tư-tưởng nhân-loại, ông trình-bày cho họ biết lịch-sử tiến-hóa của tinh-thần đại-đồng, ông bắt họ tranh-luận sôi-nổi và nghiêm-khắc về tất cả đại vấn-đề triết-học và tôn-giáo, ông không mệt mỏi hướng họ về những chân-trời rộng xa của Chân-lý không biên-giới, vượt lên trên các bức tường học-phái và chủng-tộc, vừa bao-hàm, vừa thống-nhất tất cả các chân-lý đặc-thù. Cái tổng-hợp tinh-thần ấy hoàn-thành những hứa hẹn về sứ-mạng yêu-thương của Ramakrishna. Sư-phụ vô-hình ngồi chủ-tọa cho những cuộc thảo-luận của họ .

Nhưng bản-tính tín-ngưỡng Ấn-Độ _ ( mặc dầu ở Âu-Tây người ta muốn nghĩ thế nào về bất-động-tính Á-Châu ) _ không phải là cố-thủ vào một chỗ như các trưởng-giả nước Pháp. Cả đến những hạng trầm-tư mạc-tưởng cũng có ở trong máu cổ-truyền cái bản-năng đi lang-thang khắp vũ-trụ, không nơi nhất-định, không hệ-lụy, bất cứ ở đâu cũng độc-lập, và bất cứ ở đâu cũng là khách lạ. Cái khuynh-hướng tu-sĩ du-hành ấy trong đời sống tin-ngưỡng tôn-giáo Ấn mang một cái tên đặc-biệt là Parivra-jaka (Bàn-lị-phạt-la-cú-ca = 般利伐羅句迦 = Phiêu-bạt ) chẳng bao lâu đã khiến cho các anh em Baranagore cảm thấy sức hấp-dẫn không sao cưỡng lại được. Ngay ở buổi đầu tập họp của họ, tập-đoàn không bao giờ có được đủ mặt. Hai đạo-hữu chính là Yogananda và Latu không dự lễ cúng hiến Phục-Sinh 1886. Các đạo-hữu khác thì theo góa-phụ Ramakrishna về Brindaban. Có người như thanh-niên Sarada-nanda, bất thình lình biến đi không ai biết là đi đâu. Naren có nhiệm-vụ trông nom bảo-vệ những mối liên-hệ của hội-đoàn, chính ông

cũng bối rối trong lòng về ý muốn giải-thoát... Các nhu-cầu di-tản của linh-hồn khao-khát lặn chìm vào trong Đại-dương không-trung. Con chim cu-mồi thấy ngạt thở trong chuồng bồ-câu !... Làm sao điều-giải khuynh-hướng ấy với sự định-cư cần-thiết của tổ-chức mới thành-lập ?... Người ta thu-xếp, ít ra phải có một số phần-tử luôn luôn có mặt ở tại Baranagore, để cho một số khác theo đuổi tiếng " Gọi của Rừng ". Và trong đám chỉ có được một người là Sasi ( Soshi ) không bao giờ rời tổ. Trụ-trì trung-thành của Giáo-hội, trục bất di bất dịch, đỉnh chuồng chim, để cho đàn bồ-câu phiêu-lưu bay lượn chung-quanh ...

Naren ( Vivekananda ) trong hai năm cưỡng lại sự thôi-thúc giải-thoát. Trừ một vài cuộc đi thăm ngắn, ông vẫn ở tại Baranagore cho tới năm 1888. Rồi thình-lình ông đi, nhưng đầu tiên không phải đi một mình mà đi với bạn đồng hành ; và dù ý muốn đi khỏi có nồng-nàn mấy nữa, suốt hai năm rưỡi trời ông vẫn thường trở về, do đạo-hữu gọi hay là do một

vài việc bất ngờ. Rồi ông bị sự điên cuồng thoát tục thiêng-liêng tràn ngập tâm-hồn ; cái dục-vọng dồn ép suốt năm năm trời đã phá vỡ đê ngăn cản. Và năm 1891, một mình, không bạn, không tên tuổi, tay gậy tay bát, như một kẻ hành-khất không ai biết, ông đã lặn chìm vào Ấn-Độ mênh-mông vô-hạn hàng năm trời .

Có một cái lý tiềm-tàng chỉ-huy sự chạy đua hớt hải ấy. Câu nói bất hủ là : _ " Con sẽ không đi tìm ta, nếu con đã không thấy ta." _ không bao giờ thật hơn đối với những tâm-hồn bị một Thần-linh vô-hình ốp. Họ phấn-đấu với Thần-linh để dành dựt lấy bí-quyết của sứ-mệnh mà Ngài muốn giao-phó .

Một sứ-mệnh đã giao-phó, điều ấy Naren không còn nghi-ngờ chi nữa ; sức khoẻ của ông, tài ba ông đáp ứng cho ông điều đó, và cơn nóng sốt của thời-đại, sự khốn-khổ của thời-cuộc, và tiếng gọi âm-thầm ông nghe thấy tự trong lòng Ấn-Độ bị áp-bức nổi lên, cảnh trái nghịch bi đát giữa sự vĩ-đại tôn-nghiêm của

dân-tộc ngàn năm của ông, giữa vận-mệnh của nó không hoàn-thành và giữa cái đất sa-đọa, bị các con đã phản-bội, cái mối lo-âu tiêu-diệt và phục-sinh, thất-vọng và thương-yêu đang nung-nấu tâm-hồn ông. Nhưng cái sứ-mệnh ấy sẽ ra sao ? Ai sẽ tuyên-bố cho ông ? Thánh-sư mất rồi mà chưa kịp qui-định cho ông. Và trong số những vị đang sống, ai là người đủ khả-năng soi đường cho ông ? Chỉ có một mình Thượng-Đế. Xin Ngài nói lên ! Tại sao Ngài im-lặng ? Tại sao Ngài từ-chối ông lời giải đáp ? ...

Naren đi tìm lời giải đáp .

_ Lời giải-đáp ấy đã đến với ông qua vị Thánh được các vị hiền-triết nhất Ấn-Độ sùng-bái, ấy là Pavhari Baba đất Ghazipur. Nhà ẩn-dật vĩ-đại này, dòng-dõi Bà-La-Môn, ở tỉnh Benarès, rất thông-thái, hiểu-biết tất cả các tôn-giáo Ấn-Độ, tất cả các triết-học, các tiếng cổ-ngữ Dravidien và Bengali xưa, từng du-hành khắp xứ, rồi rút vào trong tĩnh-mịch và thực-hành phép khổ-hạnh cực nghiêm. Sự bình-thản

của tâm-hồn mạo-hiểm, sự khiêm-tốn, anh-dũng của Ngài dạy người ta nhìn thẳng vào những sự thật ghê-gớm nhất với nụ cười bình-tĩnh, nó đã khiến, trong sự đau đớn bị con rắn hổ-mang cắn phải, mà Ngài tuyên-bố đấy là " một sứ-mệnh của Thượng-Đế Yêu-thương ", Ngài đã hấp-dẫn đến mê-li các tinh-thần cao-siêu Ấn-Độ. Giáo-chủ Keshab Chunder Sen đã từng đến bái thăm Ngài. Và bấy giờ Naren cũng đã đến thăm bái Ngài, ngay lúc còn sinh-thời Ramakrishna, mà Pavhari công-nhận Ramakrishna đã đắc đạo. Naren còn trở lại thăm Pavhari trong thời-gian khủng-hoảng tinh-thần, sau khi Ramakrishna quy tịch ; ông đến thăm hàng ngày và sắp-sửa đi theo hầu ông này để xin được khải đạo tâm-truyền. Naren đã trải qua một cơn bão-tố trong tâm-hồn suốt mấy tuần : ông bị giằng co bởi hai tiếng gọi tâm-linh của Ramakrishna và Pavhari Baba. Tiếng gọi xuất-thế của Pavhari thỏa-mãn lòng khao-khát về vực-thẳm thần-linh hơn, trong đó tâm-hồn cá-nhân từ bỏ hết và thâm-nhập hoàn-toàn vào nội-tâm, không nghĩ trở về đời. Và nó

làm nguôi lòng hối-tiếc ghi sâu trong tâm-hồn Naren, là từ bỏ thế-gian với lý-tưởng phụng-sự xã-hội, vì ông tin-tưởng rằng tinh-thần có thể cứu giúp tha-nhân không cần cả đến thân-thể, và hành-động nhiệt-thành là hành-động trầm-tư nhiệt-thành nhất. Tinh-thần tín-ngưỡng nào chẳng từng biết điều ấy, và tiếng gọi giết người ấy. Suốt hai mươi mốt ngày trời, Naren, thiếu một chút là nhượng-bộ. Và suốt hai mươi mốt đêm, đêm nào Ramakrishna cũng hiện đến để lôi ông ra khỏi đấy. Sau cùng, sau một cuộc phấn-đấu nội-tâm từng giờ, từng phút mà ông đã giữ kín những khúc-mắc, ông đã quyết chọn mãi mãi tiếng gọi. Ông đã chọn phụng-sự Thượng-Đế tại con Người .

Thình-lình năm 1888, ông từ-biệt Calcutta đi qua Benarès, Dayodia, Lucknow, Agra, Brindaban, miền Bắc Ấn, Hy-mã-lạp-sơn. Người ta không biết gì về cuộc du-hành ấy và những chuyến sau _ Naren giữ kín những kinh-nghiệm tâm-linh ấy của ông _ nếu không có những ký-ức của đạo-hữu, anh em từng bắt

gặp ông hay là đồng-hành. Ngay chuyến hành-hương đầu tiên năm 1888, sau Brindaban, ở một trạm xe lửa nhỏ, Hatra, ông gặp người đệ-tử đầu tiên của ông, mà ông không cố ý cầu tìm. Đây là một người, trước kia không từng biết ông bao giờ, bị hấp-dẫn chỉ vì con mắt nhìn của ông, mà y tức thì bỏ tất cả để theo ông, và cho tới chết y trung-thành với ông, đấy là Chendra Gupta ( lấy pháp-danh là Sada-nanda ) .

_ Sadananda là trưởng trạm xe lửa trẻ tuổi ở Hatras. Y nhìn thấy Naren đến trạm, đang đói. Y bị khuất-phục bởi con mắt nhìn của ông này... " Tôi theo dõi hai con mắt quái dị "... theo y kể lại sau này. Y mời ông ta vào trong nhà ; và khi người khách đó ra đi, y bèn đi theo cho đến trọn đời .

Cả hai đều là thanh-niên, vừa nghệ-sĩ lẫn thi-sĩ. Nhưng khác với sư-phụ mình, ở Sadananda trí-thức có vai-trò thứ yếu, mặc dù y có học-thức ( y đã học tiếng Ba-tư và chịu ảnh-

hưởng Hồi-giáo ). Cũng như sư-phụ, y có khiếu thẩm-mỹ rất mau lẹ và thích-thú đến mê-li cảnh-vật thiên-nhiên, phong-cảnh, không một đồ-đệ nào trung-thành với Vivekananda hơn là y. Y thấm-nhuần tâm-thể của thày, y chỉ cần nhắm mắt lại, tâm-niệm vào nét mặt và điệu-bộ của thày để có thể thâm-nhập vào tận đáy tư-tưởng của thày liền. Vivekananda thường nói về y là " Y là con đẻ của tâm-hồn tôi ". Tuy không được biết Ramakrishna, mà tính-tình y gần với Ramakrishna hơn ai hết ; và những cảnh-ngộ của đời y gợi lên những cảnh-ngộ của Ramakrishna Paramahamsa _ cũng như một số sắc-thái các vị Thánh trong " Thần-thoại hoàng kim " ( Légende dorée ) : _ Y thấy một con trâu bị đánh đập, tức thì những vết roi in hằn lên thân-thể y ; y chữa chạy cho người cùi với tinh-thần phụng-thờ như Thượng-Đế. Suốt trắng một đêm, y ôm-ấp vào lòng một người lên đậu mùa, để làm dịu cơn sốt của bệnh-nhân. Hơn tất cả một ai trong hàng đệ-tử tương-lại, y có tinh-thần dân-chủ, mà theo Cô Christine, y thừa-hưởng của Hồi-giáo. Y là một trong

những người đầu tiên của Sứ-đồ Ramakrishna để tổ-chức một đoàn quét đường trong thời-kỳ dịch-tệ. Y yêu-thương những tiện-dân Ấn-Độ và san sẻ cuộc sống với chúng. Y rất được thanh-niên quyến-luyến. Trong khi y lâm bệnh, lần cuối cùng, có cả một đoàn-thể thanh-niên xin đến phục-dịch, chúng bỏ hết tất cả để vì y, cũng như y đã bỏ hết tất cả để theo Vivekananda. Y không chịu-đựng được mối quan-hệ thông-thường thày trò với những người theo y, y chỉ nhận họ làm bạn đồng-hành _ " Tôi chả làm gì được hơn là chỉ biết dẫn các anh đến với " Đạo-sĩ yêu mến " ( Swamiji ) tức Vivekananda. Tuy rằng đối với đệ-tử, y rất nghiêm-khắc, nhưng gặp cơ-hội, y luôn luôn tràn ngập hoan-hỷ, như pháp-danh y đã ngụ ý. Và cái vui ấy y truyền vào chúng. Chúng âu-yếm nhớ mãi trong lòng hình-ảnh của y .

Vivekananda và Sadananda cùng nhau đi hành-khất, thường bị người ta sua đuổi, có khi đói lả và khát cháy cổ, không để ý đến giai-cấp xã-hội, và cũng hút thuốc khi cần cùng điếu với

hạng cùng-đinh Ấn-Độ. Sadananda bị bệnh và Naren vác y lên vai mà đi vượt qua rừng-rậm nguy-hiểm. Rồi đến lượt chính ông cũng bị bệnh và phải trở về Calcutta .

Chuyến đi đầu ấy đã xuất-hiện ra trước con mắt nhìn sâu xa của ông cái Ấn-Độ cổ xưa, Ấn-Độ bất-tử, đất sinh-động của Vedas với dân-tộc anh-hùng và thần-linh của nó, nó khoác cái hào-quang thần-thoại và lịch-sử, Aryen, Mogol và Dravidien, tất cả là một. Ngay phút đầu, ông đã thực-hiện đồng-nhất tâm-linh của Ấn-Độ, thống-nhất-tính của Á-châu, và cái giác-ngộ ấy, ông đã truyền cho anh em đạo-hữu ở Baranagore .

Chuyến đi thứ hai, vào năm 1889, ở Ghazipur, hình như ông đã thu-hoạch được một trực-giác về Thánh kinh Nhân-loại, mà vô-tình các nền dân-chủ mới Tây-phương đã nhắm mắt viết ra. Ông nói với anh em đạo-hữu :

_" Ở Tây-phương lý-tưởng cổ xưa về Thánh-quyền vốn là của riêng, trước

kia của một người, dần dần đã được thừa-nhận là của chung tất cả, không phân-biệt giai-cấp ; và tinh-thần nhân-loại như thế đã thành tri-giác về thần-linh-tính của Thiên-nhiên và Duy-nhất tính ."

Ông nhìn thấy và tuyên-bố liền sự thiết-yếu phải du-nhập vào Ấn-Độ những tư-tưởng ấy, mà chúng đã được thí-nghiệm hoàn-hảo ở Mỹ-Châu và Âu-Châu _ Vậy là ngay từ đầu, cái tinh-thần quảng-đại và tự-do của ông biểu-hiện, cầu tìm và mong muốn điều thiện chung, sự tiến-bộ tâm-linh của tất cả nhân-loại, bằng nỗ-lực hợp-nhất của tất cả loài người .

Những chuyến đi ngắn tiếp theo năm 1889 và 1890 ở Allahabad và Ghazipur còn soi sáng thêm vào quan-niệm đại-đồng của ông. Như người ta thấy trong những câu chuyện Vấn-đáp của ông ở Ghazipur, thì quan-niệm đại-đồng ấy kết-thúc vào sự tổng-hợp tín-ngưỡng Ấn-Độ với khoa-học cận-đại ; những lý-tưởng của triết-học Vedas ( Vedanta ) với

các thực-hiện xã-hội ngày nay. Tinh-thần thuần-túy với vô số thần-linh coi như là những " ý-niệm phụ " cần-thiết cho sự nhu-nhược của nhân-loại, tất cả các tôn-giáo đều chân-thật cả, coi như là những hiện-tượng của ý-thức, của phương-pháp-luận khác nhau và là những độ đường phát-triển khác nhau của tinh-thần nhân-loại, ỳ ạch leo lên thượng đỉnh của Bản-thể .

Đấy chỉ mới là những tia chớp, những nét phác của tư-tưởng tương-lai của ông. Nhưng tất cả tự thu gọn vào và tất cả được nghiền-ngẫm trong trí não. Và một năng-lực vĩ-đại đang phồng nở ở người thanh-niên kia, ông cảm thấy chật chội trong cái tu-viện Baranagore, vì vai-trò bảo-lãnh gìn-giữ tu-viện đã được giao-phó trong bầu thông cảm chính-đáng với đạo-hữu của mình. Ông không thể chịu nổi cái vai-trò lãnh-đạo ở đó nữa, ông phải phá tung tất cả trói buộc, vứt hết xiềng xích, vai-trò này, cái tên này, cái thân-thể này _ tất cả cái tên Naren này _ làm lại những tên khác, một cái ngã khác để cho cái bản-thể khổng-lồ nó đã trưởng-thành có

thể thở tự-do thoái-mái. Ông phải tái sinh _ và sẽ là Vivekananda !

Người ta tưởng như người khổng-lồ Gargantua phá nôi, trong đó nó ngạt thở... Đừng nói là chỉ có một tiếng Gọi tôn-giáo để cho người hành-hương đó từ-giã đoàn người anh em ruột thịt của mình để theo Thượng-Đế ! Ở người lực-sĩ trẻ tuổi ấy, đã chết ngất vì năng-lực vô-dụng của mình, là cả bản-năng sinh-tồn nó điều-động và có phen nó tự phản-bội ra lời nói tàn-bạo này, mà các đệ-tử ngoan đạo của ông không có thể che dấu qua tấm màn mỏng. Lời nói ấy ở Benarès :

> _ " Tôi đi đây ; nhưng tôi sẽ không trở về trước khi tôi đã nổ tung vào xã-hội như một trái tạc-đạn, và xã-hội theo tôi như con chó. "

Và chúng ta biết rõ rằng, chính ông đã vò nát những con quỷ ghê-gớm ấy và ông đã uốn chúng vào đường phụng-sự những kẻ hèn yếu, uốn chúng phải tôn nhường tuyệt-đối. Nhưng

chúng ta nghĩ rằng những con quỷ ấy ở ngay tại bản thân ông, ông tức thở vì những năng-lực kiêu-hãnh và hoài-bão man mọi, ngạt thở vì sự " thái quá " cho một người nó muốn thống-trị, vì ở mình ông có một Nã-Phá-Luân (Napoléon)

Vậy ông đoạn-tuyệt, vào đầu tháng bẩy năm 1890 và lần này lâu hàng mấy năm trời _ đoạn-tuyệt với cái tổ ấm Baranagore do ông dựng lên, cái tổ của linh-hồn mà Ramakrishna đã ấp-ủ. Cánh chim bằng mang ông đi. Trước hết, ông đến xin " Thánh Mẫu " ( quả-phụ của Ramakrishna ) ban phúc cho ông trong chuyến đi dài hạn. Ông muốn vứt bỏ tất cả ràng buộc và thoái lui vào Hy-mã-lạp-sơn. Nhưng trong tất cả những của báu thì tịch mịch _ ( cái kho báu ấy ! và sự sợ hãi kia của những tâm-hồn tập-thể ! ) _ tịch mịch là khó chinh-phục nhất. Cha mẹ thân-quyến, bầu bạn tranh giành với mình. ( Tolstoi từng nếm điều ấy, ông không có thể bao giờ lấy lại được với họ, cho tới phút cuối cùng ở Astopovo... ) Đời sống xã-hội viện cớ có hàng ngàn quyền đối với kẻ nào trốn nó.

Lại càng viện cớ nhiều hơn đối với kẻ vượt ngục, còn đang là thằng tù trẻ tuổi !... Naren nhận-thức ra điều ấy chống với mình. Nhưng cũng thiệt-thòi cho những người yêu mến ông nữa. Các anh em tu-sĩ cố sức bám lấy ông. Có khi ông phải phũ-phàng cắt đứt những giây leo ấy. Nhưng thế-giới bi-kịch không cho phép ông quên nó được. Cái chết của người em gái báo tin đến tận cõi tĩnh-mịch của ông. Nạn-nhân đáng thương của một xã-hội độc-ác, cô ta nhắc nhở ông số-phận hy-sinh của phụ nữ Ấn và những vấn-đề sinh sống đau khổ của dân-tộc, mà ông không có thể làm ngơ lãnh-đạm mà không mang tội. Nhờ một chuỗi cơ-hội mà người ta có thể bảo là tiền-định, ông luôn luôn bị lôi ra khỏi " Cảnh-lạc Cô-tịch, Cô-độc Cực-lạc " ( Beata Solitudo, Sola Beatitudo ) vào đúng lúc ông nghĩ bắt được rồi, và bị những ngọn Tuyết-sơn xua đuổi, lang-thang từ chốn tịch-mịch trở về đồng-bằng của nhân-quần mù bụi và ồn ào. Trong những cơn vật lộn của tư-tưởng và mệt-nhọc thiếu-thốn ấy, ông đã bị hai lần kịch bệnh, một lần ở Shrinagar và một lần ở

Meerut dưới chân Hy-mã-lạp-sơn, và trên bờ sông Hằng-Hà ( Gange ) ; ông suýt chết về bệnh bạch-hầu ( diphterie ). Và sự suy-nhược cực-độ tiếp-theo càng làm cho chí định đại hành-khất cô-đơn của ông càng thêm khó-khăn.

Nhưng ông quyết lên đường. Nếu phải chết thì chết trên đường, và giữa đường, con đường mà Thượng-Đế đã chỉ định ! Tháng hai năm 1891, một mình, trái với ý bạn bè, ông lên đường rời Delhi. Lần này là chuyến đi chính. Khác nào người thợ lặn, ông lặn sâu xuống đại-dương Ấn-Độ. Và đại-dương Ấn-Độ đã bao-trùm lấy ông. Trong những làn sóng và xác nổi trên mặt sóng, cũng như trăm ngàn kẻ hành-khất khác, ông chỉ còn là một đạo-sĩ lữ-hành ( sannyasin ) vô-danh, khoác áo vàng rách mướp. Nhưng trong con mắt của ông là lửa thiên-tài. Một hoàng-tử ẩn-thân. Dễ ai muốn trá hình mà được !

# - III -

# NGƯỜI LỮ-HÀNH ẤN-ĐỘ

Chuyến lữ-hành lớn hai năm, vòng quanh Ấn-Độ _ rồi ba năm vòng quanh thế-giới _ ( phải chăng ngay từ bước đầu, ông đã trực-giác rõ-rệt ? ) Đấy là giải đáp thích-ứng của bản-năng ông cho sự đời hỏi sinh đôi của bản-tính mình : độc-lập và phụng-sự. Ông đi, giải-phóng khỏi tất cả tổ-chức, tất cả đẳng cấp xã-hội, khỏi tất cả gia-tộc, một mình với Thượng-Đế, lang-thang hoài hoài bất tận. Và không một giờ phút nào trong cuộc đời ông mà nó không đặt ông trực-tiếp với những đau khổ, những dục-cầu và những lạm-dụng ; và sự đau-khổ cùng tất cả cơn nóng sốt của những kẻ sống, giầu và nghèo, thành-thị và thôn-quê, ông đều phối-hợp với cuộc sinh-tồn của chúng ; và quyển Sách Sống vĩ-đại đã biểu-lộ cho ông điều mà tất cả sách của thư-viện không có thể

đem lại ( vì chúng chỉ là kho chứa cỏ nuôi súc-vật ), và cả đến lòng yêu-thương nhiệt nồng của Ramakrishna cũng chỉ là liếc thấy trong mộng : _ bộ mặt bi-kịch của ngày nay, Thượng-Đế vật lộn trong nhân-loại, tiếng kêu gào của dân-tộc Ấn-Độ, của nhân-dân thế-giới, và bổn-phận anh dũng của Œdipe mới ( anh-hùng dân-tộc Hy-Lạp trong thần-thoại ) nó phải giải-phóng thành Thèbes khỏi móng vuốt của Quái-vật Sphinx hay là cùng chết với Thèbes .

Du-hành, hành-hương. Giáo-dục duy-nhất... Ông không phải chỉ là người tu-sĩ thường, khúm-núm xin ngủ nhờ trong chuồng bò, ngựa hay là trên chõng tre như kẻ ăn mày. Ông ngang hàng với tất cả mọi người. Hôm nay là kẻ ăn mày bị nhiếc mắng, được bọn cùng-đinh tiếp đón. Ngày mai là thượng khách của Quận-vương, thảo-luận bình-đẳng với Thượng-thư, Thủ-tướng và các Vua Chúa. Anh em với những kẻ bị áp-bức, thăm hỏi đến cảnh khốn cùng của chúng. Soi xét sự sa-hoa của trưởng-giả, thức tỉnh tâm-hồn mê mệt của họ

để tâm họ lo đến hạnh-phúc chung. Kiểm-soát khoa bác-học cũng kỹ như các vấn-đề kinh-tế kỹ-nghệ và nông-nghiệp mà chúng chi-phối đời sống của nhân-dân. Vừa dạy học vừa tự học. Và từng bước một, ông tự làm cái Ý-thức của Ấn-Độ, tính Thống-nhất và Vận-mệnh của nó. Chúng thể-hiện ở ông. Và thế-giới nhìn thấy chúng qua Vivekananda .

Hành-trình của ông đi qua Rajpoutana, Alwardabad và Kashiawar ( cuối tháng 9 ). Junagad và Gujrat, Porbandar (ở lại từ 8 đến 9 tháng ), Dvaraka, Palitana đô-thị đền đài gần eo bể Kambaze, Tiểu-bang Baroda, Khandwar, Poona, Belgami ( tháng 10-1892 ), Bangalore trong Tiểu-bang Mysore, Cochin, Malabar, Tiểu-bang Travancore, Trivandru, Madura... Ông tiến tới về cực đoan của kim-tự-tháp vĩ-đại, mỏm Comorin, nơi dựng lên Benarès của Nam-Ấn là Rameswaram, thành La-Mã của anh-hùng-ca Râmâyana, và xa hơn là Kanya-kumari, cung-điện của vị Đại Nữ-Thần ( cuối năm 1892 ).

Từ Bắc chí Nam, đất cổ Ấn đầy những thành-tín ; và cái sợi giây liên-tục của cánh tay vô kể chỉ làm thành một Thượng-Đế duy-nhất. Ông thực-hiện tính thống-nhất cả vật-chất lẫn tinh-thần. Ông cũng thực-hiện cả trong sự cảm-thông những người sống của tất cả đẳng-cấp xã-hội và ngoài đẳng-cấp, ông dạy chúng tính thống-nhất ấy. Ông đem lại cho chúng, từ người này sang người kia, sự thông-cảm hỗ-tương, _ cho những tinh-thần cương-cường, cho trí-thức say mê trừu-tượng, sự tôn kính hình-ảnh những Thần-linh ngẫu-tượng _ ông đem cho những người thanh-niên bổn-phận nghiên-cứu sách cổ danh-tiếng quá-khứ ; Kinh Vedas, Pûranas, những niên-giám cổ xưa _ và hơn thế nữa, những dân-tộc chúng hiện sống, _ cho tất cả, ông đem lại tình-yêu thiêng-liêng của người Mẹ Ấn-Độ và lòng ham say tự hiến thân để cứu-vớt lấy Bà .

Ông thu-hoạch chừng nào, ông cho đi chừng nấy. Tinh-thần quảng-đại của ông, không một ngày ngừng làm việc mở rộng tầm

trí-thức của mình, những kinh-nghiệm bản-thân, phối-hợp tất cả suối tư-tưởng chúng phân-tán và chìm biến mất hút trong đất Ấn, và nguồn gốc chúng hiện ra cho ông, đồng-nhất. Xa cách với sùng-bái mù-quáng của tín-đồ chính-thống bị mê độn trong hơi vẩn đục của nước tù-hãm, cũng như xa cách với chủ-nghĩa duy-lý thui chột của các nhà cải-cách Brahmo-samaj, mặc dầu họ có thiện-chí nhất và cũng đang hăm-hở làm khô héo những nguồn năng-lực tâm-linh tiềm-tàng, ông muốn bảo-tồn tất cả, điều-hòa bằng cách khai thông tất cả mạch nước quấn-quýt chằng-chịt của một lục-địa tâm-hồn tín-ngưỡng .

Ông còn muốn hơn nữa : _ ( Người ta không phải vô can là người đồng thời của các đại kỹ-sư mở đường giao-thông giữa các biển, và muốn hay không, nối vòng tay các lục-địa ) _ Bất cứ đi đâu, ông cũng mang theo quyển " Imitation de Jésus " ( Noi gương Jésus ) và với " Kinh Bhagavad " ( Thế-Tôn Ca ). Ông

reo rắc tư-tưởng Cơ-Đốc. Đối với thanh-niên, ông ra lệnh học hỏi khoa-học Tây-phương .

Ngay bước đầu chuyến hành-trình đến Ahwar, tại Rajpoutana ( tháng 2 - 3, 1891 ), ông đau khổ vì thiếu tinh-thần chính-xác, đứng đắn và phê-phán khoa-học trong lịch-sử Ấn-Độ. Ông đối-chiếu tỉ-dụ Tây-phương. Ông muốn có một trường-học noi theo phương-pháp Tây-phương để đào-tạo chuyên-gia Ấn chuyên làm sống lại quá-khứ Ấn-Độ : _ " Đấy sẽ là Giáo-dục Quốc-gia chân-chính ; và như thế một tinh-thần dân-tộc chân-thật sẽ thức tỉnh . "

Nhưng tư-tưởng khai-phóng của ông không phải chỉ ảnh-hưởng trong phạm-vi những ý-tưởng. Một cuộc cách-mệnh đang hành-động vào thế-giới quan tinh-thần các người khác và trong mối quan-hệ với họ. Nếu bao giờ có sự kiêu-ngạo của thanh-niên, cố-chấp của trí-thức, khinh-khi quý-phái đối với tất cả điều gì xa cách lý-tưởng tinh-khiết kiêu-

hãnh của ông, thì đấy là người thiếu-niên Naren. Ông nói :

_ " Năm hai mươi tuổi _ tôi là một người cuồng tín, hoàn-toàn thiếu cảm-tình, không có khả-năng nhân-nhượng chút nào. Tôi không muốn cả đến đi trên hè đường phiá có rạp hát trong thành-phố Calcutta ! ... "

Ngay trong những tháng đầu chuyến lữ-hành, ở nhà một vương-giả Maharajah, tiểu-bang Khetri, gần jaipur, ( tháng 4, 1891 ) vô tình một vũ-nữ hèn hạ đã cho ông một bài học khiêm-nhường. Lúc nàng xuất-hiện, nhà tu-sĩ ta khủng-khỉnh đứng lên để bỏ đi. Ông hoàng giữ ông ở lại. Nang vũ-nữ nhỏ hát lên :

_ " Chúa ơi, đừng xét đến những tính xấu của con ! Chúa đã nói : _ “ Trước mắt ta, tất cả đều như nhau .” Hãy làm cho chúng ta hai người cùng là một, Brahman ! Miếng sắt này thì ở trên pho-tượng trong đền. Miếng kia là con dao trong tay người đồ-tể. Đến khi chúng

chạm vào hòn đá điểm kim, cả hai đều biến thành vàng. Vậy thì, hỡi Chúa, đừng xét đến tính xấu của con ! Chúa đã nói :

_ " Trước mắt ta, tất cả đều như nhau !..."

" Hạt nước này thì ở trong giòng Jumna thiêng-liêng. Hạt kia rơi vào hồ nhơ bẩn. Khi chúng chảy vào sông Hằng-Hà ( Gange ) cả hai trở nên Thánh-hóa. Như thế, hỡi Chúa đừng xét đến những tính xấu của con ! Chúa đã nói : " Trước mắt ta, tất cả đều như nhau !... " "

Naren bị đảo lộn cả tinh-thần. Cái tín-ngưỡng tự tin của lời nói khiêm-tốn đó thâm-nhập tâm-hồn ông suốt đời .

Nhiều năm sau, ông nhắc lại còn thấy súc-động .

Những thành-kiến của ông lần lượt rơi rụng, cả đến những thành-kiến ông đã cho là có

cơ sở kiên-cố nhất. Trong núi Hy-mã-lạp-sơn, ông từng sống với người Tây-Tạng thực-hành tục đa phu. Ông là khách trọ trong một gia-đình mà sáu anh em ruột chung nhau một người phụ-nữ ; và trong tinh-thần sốt-sắng của tín-đồ, ông đòi thuyết giảng sự vô luân của họ. Nhưng chính bài giảng đạo-đức của ông đã làm cho họ tức-giận mà nói : " Chủ-nghĩa đó ích-kỷ làm sao ! Muốn tư-hữu vợ mình riêng của mình!..." Chân-lý dưới chân núi. Lầm lỗi trên đỉnh núi ! Ông đã nhìn thấy sự tương-đối của đạo-đức, _ hay ít ra, về những đạo-đức mà người ta bám chặt lấy với tin-tưởng nhất của chân-lý truyền-thống. Và một sự chua-chát siêu-hình, theo như ở Pascal, đã dạy ông mở rộng quan-niệm luân-lý của mình, là nên phán-xét điều thiện, điều ác của một dân-tộc, hay là của một thời-đại theo quan-điểm của dân-tộc ấy hay của thời-đại ấy .

Ở chỗ khác, ông trà-trộn với bọn đạo-tặc hạ-từng xã-hội, và nhận thấy ở bọn cướp đường " những kẻ tội-lỗi tiềm-tàng khả-năng của những thánh hiền." _ Ông gặp một đứa kẻ-

trộm đã bóc lột Thánh-sư của ông là Pavhari Baba, và rồi y hối-hận đã qui-y làm tu-sĩ. _ Bất cứ đến đâu, ông cũng đã cùng với các từng lớp bị áp-chế, san sẻ nỗi thiếu-thốn và tủi-nhục. Ở trung-bộ Ấn-Độ, ông từng sống trong một gia-đình những kẻ hèn-hạ, hốt rác quét phân. Ông khám-phá thấy những kho-báu linh-hồn của đám dân hạ-lưu ấy bị xã-hội chà-đạp ; và nỗi khốn cùng của họ làm ông nghẹt thở. Ông không quay mặt làm thinh được nữa, ông nức nở than :

_ " Ôi, dân-tộc ! Ôi, đồng-bào ! "

Khi nghe tin qua báo chí ở Calcutta người ta vừa mới bị chết đói. Ông tự hỏi, tay đập ngực, rằng :

_ " Chúng ta tự-phụ là hạng Đạo-sĩ, người của Chúa, chúng ta đã làm được gì cho quần-chúng ? ... "

Ông nhớ lại lời cay-đắng của Rama-krishna : _ " Tôn-giáo không phải để cho

những bụng đói, không thực không vực được đạo ! "

Và nổi giận đối với những suy-luận trí-thức của tín-ngưỡng vị-kỷ, ông qui-định cho tôn-giáo, nhiệm-vụ đầu tiên là " nuôi dưỡng kẻ nghèo và nâng giá-trị của chúng ". Ông đòi hỏi nhiệm-vụ ấy ở nhà giầu, ở các bộ-trưởng và các vương-gia :

_ " Không có một ai trong số các ông có thể hy-sinh một đời vì tình-yêu kẻ khác sao ? Đọc triết-học Vedas, thực-hành định-niệm, hãy bỏ đấy, hãy dành chúng lại cho kiếp sắp tới sau ! Cái thân này, đời này, hãy hy-sinh đi để phụng-sự tha-nhân ! Và bấy giờ tôi mới thấy các ông đến với tôi, không phải là uổng phí, hão ... "

Một ngày kia, giọng nói bi-thống của ông phải làm vang lên tiếng kêu tuyệt luận :

_ " Ước sao tôi được sinh ra và còn tái sinh để chịu-đựng muôn ngàn khổ-

thống, miễn là tôi có thể phụng-thờ và phục-dịch Thượng-Đế duy-nhất hiện-thực là Tổng-thể tất cả linh-hồn, và trên hết, Thượng-Đế của tôi ở những kẻ ác,
Thượng-Đế của tôi ở những kẻ khốn-nạn,
Thượng-Đế của tôi ở tất cả những kẻ nghèo khó thuộc tất cả chủng-tộc ! ... "

Ở vào niên-biểu 1892, ấy là sự thống-khổ gần, thống-khổ của Ấn-Độ choán hết tư-tưởng ông, lấn át tất cả cái khác. Nó theo đuổi ông như bị một con hổ săn, từ Bắc chí Nam, trên đường chạy trốn qua hết Ấn-Độ. Nó thiêu đốt tâm-hồn ông những đêm không ngủ. Đến mỏm Comorin, ông bị nó vây ; nó nghiền nát ông trong hàm nó. Đến đây, ông hiến cả thân tâm cho nó. Ông hiến cả cuộc đời cho đại-chúng đau-khổ .

Nhưng làm cách nào để giúp chúng ? Tiền của không có, và thời-giờ thì cấp-bách, chẳng phải những món quà tặng vương-giả của một vài ông chúa Maharajahs, hay là những

cúng dàng của một vài nhóm thiện-chí có thể nuôi nổi một phần ngàn những nhu-cầu khẩn-trương nhất. Trước khi Ấn-Độ thức tỉnh giấc ngủ li-bì và tự tổ-chức vào công-việc ích-lợi chung, thì sự sụp đổ của Ấn-Độ đã xong rồi. Ông quay nhìn ra đại-dương, bên kia bờ biển. Phải trông-cậy vào cả thế-giới mới được. Cả thế-giới cần đến Ấn-Độ. Vận-mệnh Ấn-Độ, sống chết của Ấn-Độ sẽ là của chung. Những kho-tàng vô-biên của linh-hồn, phải chăng thế-giới sẽ để tiêu-diệt cũng như nó đã để cho những kho-tàng của Ai-Cập và của Chaldée mai một, mà rồi mãi về sau mới hăm-hở khai-quật, khi chỉ còn những mảnh vụn xương khô, mà linh-hồn đã chết ?... Tiếng gọi của Ấn-Độ tới Âu-Châu và Mỹ-Châu được phác-họa trong tư-tưởng cô-liêu. Chính vào cuối năm 1891, giữa đường từ Junagad đến Porbandar, mà hình như, ông đã nghĩ đến điều đó lần đầu tiên. Ở Porbandar, ông bắt đầu học Pháp-văn, có một bác-học Ấn giục ông đi sang Tây-phương, nơi mà tư-tưởng của ông sẽ được hiểu hơn là ở tại chính nước mình :

_ " Hãy chinh-phục nó đi và trở về!"

Ở Khandwa đầu mùa thu 1892, ông nghe nói tới một Hội-nghị các Tôn-giáo sẽ được tổ-chức năm sau tại Chicago, và ý-tưởng đầu tiên của ông là đến tham-dự. Tuy nhiên ông tự lo, không vận-động gì để thực-hiện dự-định, và từ-chối các ủng-hộ trợ giúp, trước khi ông hoàn-thành cái nguyện-vọng đại hành-trình vòng quanh Ấn-Độ. Tại Bangalore, vào cuối tháng mười, ông nói rõ cho tiểu-vương Maharajah ý-định của mình đi sang Tây-phương để xin " những phuơng-tiện cải-thiện đời sống vật-chất của Ấn-Độ ", và đem lại cho Tây-phương Thánh kinh Vedanta để trao đổi. Cuối năm 1892, ý ông đã quyết-định .

Vào lúc ấy, ông đi tới những cương vực cuối cùng của Ấn-Độ, ở điểm cực Nam mà Hanuman ( Tề-Thiên Đại Thánh ) từ đấy đã nhảy một bước thần-thoại. Ông là một người như chúng ta và không có đường thần-thông của Á-Thánh, chính với hai chân không mà ông

đã đi suốt đất Ấn mênh-mông. Thân-thể ông, từ hai năm ròng-rã nếm trải suốt cả mùi đời để tiếp-xúc với cái thân-thể vĩ-đại của Ấn-Độ. Ông đã phải chịu-đựng sự đói khát, thiên-nhiên hiểm độc, người đời thoá-mạ ; ông tới đích kiệt sức. Và ở mũi Comorin, ông không còn một đồng để trả tiền đò sang tới đích của hành-trình, là Thánh-địa tối-linh Kanyakumari : ông nhảy xuống bể và bơi qua trong đám cá mập... Đấy là tới đích ; và từ đấy, ông ngoảnh lại nhìn như là từ trên đỉnh một ngọn núi, ông bao-quát tất cả Ấn-Độ ông vừa trải qua, và thế-giới tư-tưởng chúng vây hãm ông từ hai năm nay. Kể từ hai năm qua, ông đã sống trong sự sôi-sục của tâm-hồn, một cơn sốt nung-nấu ông, ông mang một " tâm-hồn " đang cháy, ông là " một cơn bão-tố ". Abhedananda, gặp ông tháng 10 năm 1892 ở Tiểu-bang Baroda, mô-tả ông như thế. Chẳng khác gì những tội-nhân xưa kia bị hình phạt dìm nước, ông cảm thấy bị tràn ngụp bởi những năng-lực ông tập-trung ; những cái vỏ của thực-thể ông như sắp nứt vỡ .

_ " Tôi cảm thấy một quyền-năng vĩ-đại ! Hình như là tôi sắp nổ tung... Bao nhiêu là năng-lực ở nơi tôi ! Hình như tôi có thể đảo lộn cả thế-giới ... "

Và trên bậc thềm của lầu tháp ông vừa leo lên, nơi cực điểm của thế-giới, và từ đấy bầy ra một thế-giới nhất lãm, _ đến lúc ông dừng chân thì mạch máu trong mình sôi đập ở hai bên thái-dương như là sóng bể đập vào bờ dưới chân ông ; ông suýt ngã. Đấy là cuộc tấn-công tối hậu của các thần-linh xung-đột ở nơi ông vậy... Khi cuộc tấn-công chấm dứt, trận đầu đã thắng. Ánh sáng bừng lên. Ông đã nhận thấy con đường đang chờ đợi... Sứ-mệnh của ông đã được chọn xong .

Ông bơi trở lại lục-địa Ấn-Độ. dọc theo bờ biển đối-chiếu, ông ngược lên phiá Bắc. Đi bộ qua Ramnad và Pondichery, ông về Madras. Và tại đây, vào những tuần-lễ đầu năm 1893, ông tuyên-bố công-khai ý-chí của mình về Sứ-mệnh sang Tây-phương. Tên tuổi ông, chẳng

phải cầu-cạnh, tự-nhiên đã được truyền-bá ; trong cái tỉnh Madras này, thông-minh, trí-thức, sống-động, mà ông từng hai phen đến thăm, ông bị bao vây bởi khách thăm hỏi, và ông tìm thấy được nhóm đệ-tử đầu tiên hết lòng tự hiến thân cho ông và trung-thành không bỏ ông nữa ; khi ông xuất-dương, họ tiếp-tục ủng-hộ ông bằng thư-từ và lòng tin của họ. Còn ông, từ đất xa lạ, tiếp-tục duy-trì sự hướng-đạo đối với bạn-hữu ở Madras. Tình-yêu Ấn-độ nồng-nhiệt của ông đã thức tỉnh ở họ những vang dội nhiệt-thành. Và lòng hăng-hái của họ làm tăng bội phần sức tin-tưởng của ông lên. Ông phản-đối chủ-trương cầu tìm giải-thoát cá-nhân, nêu cao hạnh-phúc chung, phục-hồi Mẹ tổ-quốc, làm sống lại những năng-lực tâm-linh Ấn-Độ và làm sáng-tỏ ra khắp hoàn-cầu ...

_ " Thời cơ đã đến... Đức tin của Tiên-tri ( Rishis ) phải trở nên động-lực... Phải ra khỏi nội-tâm... "

Các nhà phú-hào,chủ ngân-hàng tặng ông lộ-phí hành-trình xuất-dương. Ông từ-chối. Ông yêu cầu đệ-tử của mình có tìm lạc-quyên thì hãy đến hỏi các giới trung-lưu, vì rằng :

_ " ... Chính vì nhân-dân và người nghèo mà ông ra đi ! ... "

Như trước kia ông đã làm, ngay khi bắt đầu cuộc hành-trình, ông xin " Thánh Mẫu " ( bà góa-phụ Ramakrishna ) ban phúc cho chuyến đi du-hành dài hạn của ông. Và bà liền gửi ân-điển của Ramakrishna đã trao cho bà trong giấc mộng để đưa cho đệ-tử yêu quý của ông ta .

Hình như ông không có viết tin cho anh em đạo-hữu ở Baranagore ( có lẽ ông nghĩ rằng những người trầm-tư mạc-định ấy quen với không-khí của tổ ấm, họ sẽ hoảng-sợ về những ý-tưởng của mình : phụng-sự xã-hội và du-hành truyền-giáo sang các xứ ngoại-đạo ; những điều ấy làm rối-loạn tín-ngưỡng yên-tĩnh của các tâm-hồn tự tìm cứu-độ cho mình,

không lo-lắng đến người khác ). _ Nhưng sự tình-cờ đã muốn, trước khi ông khởi-hành, tại trạm xe lửa Mont-Abu, gần Bombay, ông đã gặp hai đạo-hữu trong đoàn-thể là Brahmananda và Turiyananda ; và ông đã nói cho họ biết, với giọng cảm-động nhiệt-thành, mà sự rung-động đã truyền về Baranagore là tiếng gọi quyết-liệt của Ấn-Độ đau-khổ bắt buộc ông ra đi :

> _ " Tôi đã đi khắp đất Ấn, và thực là một sự đứt ruột đau lòng mục-kích cảnh nghèo khổ và khốn cùng ghê-gớm của đại-chúng. Tôi không cầm được nước mắt. Bây giờ thì tôi tin-tưởng chắc-chắn là thật vô-ích, mà đi truyền-giáo cho những kẻ khổ-sở, nếu không làm nhẹ được cho chúng sự nghèo-khổ và đau-đớn. chính là vì lý-do ấy, chính là để cứu-vớt kẻ nghèo-đói của Ấn-Độ mà tôi sắp đi sang Mỹ-Châu ."

Brahmananda và Turiyananada đang rút lui vào núi Mont-Abu và cả hai thực-hành một

kỷ-luật nghiêm-khắc về tâm-niệm và khổ-hạnh ( tapasya ). Họ không ngờ được gặp Naren. họ đã nhìn thấy ông ở trạm xe lửa đường Abu vài tuần trước, khi Naren xuống tầu xuất-ngoại. Naren nói cho họ biết chương-trình của mình, những nỗi băn-khoăn, sự tin-tưởng rằng Hội-nghị các Tôn-giáo là ý muốn của Thượng-Đế để sửa-soạn sự thành-công của mình. Turiya-nanda nhắc lại từng lời của Naren nói, từng giọng nói một :

_ " Đạo-hữu, Naren kêu, máu nóng bốc lên mặt tôi, tôi không sao hiểu nổi cái gì của anh gọi là tôn-giáo cả ! ... "

Với vẻ mặt đau đớn sâu xa và thâm-trầm cảm-xúc, anh ta đặt tay run lật-bật lên trái tim và nói tiếp :

_ " Nhưng tim tôi đã mở ra nhiều lắm, nhiều lắm, và tôi đã biết cảm-thông sự đau-khổ của kẻ khác. Hãy tin tôi, tôi cảm thấy đau đớn vô cùng. Tiếng nói của anh ta bị xúc-động làm tắc nghẹn. Anh ta

im bặt, nước mắt chảy ròng ròng trên má ."

Turiyananda kể lại câu chuyện ấy tự mình còn thấy rất xúc-động, và đôi mắt ứa lệ :

_ " Các anh hãy tưởng-tượng, Turiyananda nói, cái gì đã xuyên qua tâm-hồn tôi khi nghe những lời thống-thiết ấy, và khi thấy cái buồn vĩ-đại của Đạo-sĩ yêu-mến đó. _ Tôi tự nghĩ, phải chăng đó chính lời nói, tâm-tình của Bouddha ? _ Và tôi còn nhớ lại rằng, trước đấy đã lâu, khi anh ấy đi đến thăm Bouddha Goya ( nơi Phật thành đạo ) để định-niệm dưới gốc Bồ-đề, anh ấy đã có một ảo-giác về đức Phật Thế-Tôn nhập vào thân-thể anh ấy... Tôi có thể tri-giác rõ-rệt rằng sự đau khổ toàn-thể của nhân-loại thâu nhập vào trái tim nóng-hổi của anh ta. Không một ai, Turiyananda nhiệt-tình nói tiếp, không một ai có thể hiểu nổi Vivekananda, nếu y không tri-giác được

ít nhất một phần nhỏ nỗi lòng bốc cháy như núi lửa nó dâng lên ở nơi anh ấy ."

Turiyananda còn kể lại một cảnh khác cùng loại mà ông đã chứng-kiến, sau khi Vivekananda ở Mỹ trở về _ có lẽ ở tại nhà Balaram, tỉnh Baghbazar ( Calcutta ) :

_ " Tôi đến thăm anh ta, và thấy anh đang đi bách bộ ở hành-lang như một con sư-tử. Anh đang lặn chìm trong suy-tư và không biết có tôi tới... Anh đang lẩm-nhẩm hát khúc hát có tiếng và cảm-động " Mirabhai ". Và nước mắt anh ròng ròng chẩy. Anh đứng lại, tựa vào lan-can, hai bàn tay úp lên mặt. Cất giọng nói cao hơn, và anh hát, láy đi láy lại nhiều lần :

" _ “ Ôi ! có ai hiểu được nỗi lòng đau đớn của tôi ! ... ”

" Và còn nữa :

" _ “ Chỉ người nào từng đau khổ mới biết được những lo âu về đau khổ !...”

" Tiếng nói của anh ta xuyên qua tim tôi như một mũi tên. Và tôi không sao hiểu được nguyên-nhân của nỗi đau đớn ấy... Rồi thình-lình tôi tỉnh-ngộ ! Đấy là cái cảm-tình đoạn-trường làm cho anh thường phải sa lệ máu nóng hổi... Và không bao giờ thế-giới biết được điều ấy... "

Bỗng nhiên, Turiyananda quay về phiá thính-giả, ông nói :

( _ " Các ông tưởng rằng những giòng huyết-lệ ấy nhỏ ra uổng sao ? Không đâu ! Mỗi giọt lệ ấy nhỏ xuống đất nước này, mỗi hơi thở nồng-nhiệt của trái tim mãnh-liệt của anh ta đã làm nổi dậy các đội quân anh-dũng. Và chúng sẽ

rung-động thế-giới với tư-tưởng và hành-động của chúng ! " _ )

Vivekananda đi sang Khetri, ở đấy, người bạn Vương-giả ( Maharajah ) của ông, cho quan Tổng-lý ( Dewan ) của mình tiễn ông đến Bombay để xuống tầu qua Mỹ-quốc. Vào lúc từ-giã, ông Bộ-trưởng khoác cho ông cái áo cà-sa lụa đỏ và cái khăn nâu, đồng thời với cái Pháp-danh, Vivekananda, mà ông mang đi chinh-phục thế-giới .

# - IV -

# CUỘC ĐẠI HÀNH-TRÌNH SANG ÂU-TÂY VÀ HỘI-NGHỊ CÁC TÔN-GIÁO

Chuyến viễn-du này, thực ra là một cuộc phiêu-lưu kỳ lạ. Nhà đạo-sĩ Swami trẻ tuổi lao mình vào đấy, không tính-toán, nhắm mắt. Ông đã nghe đại khái về một Hội-nghị các Tôn-giáo sẽ triệu-tập ở một nơi nào, một ngày kia, tại Mỹ-quốc ; và ông ta đi đến đấy, mà tự mình, chứ các đệ-tử của mình và bạn-hữu Ấn, sinh-viên, bác-học ( pandits ) thượng-lưu hay tiểu-vương đều không từng để ý thăm dò manh mối tới việc đó. Ông không biết chi hết, cả kỳ hạn chính-xác lẫn điều-kiện tham dự. Ông không có giấy-tờ gì để giới-thiệu cả. Ông đi đến trước

nó, tin chắc vào thực-kiện của nó, như là chỉ cần có ông tự trình-diện ra, vào giờ của mình _ giờ của Chúa. Và tuy Tiểu-vương Maharajah xứ Khetri đã lấy cho ông vé tầu, trái ý ông, đã sắm cho ông cái áo đẹp, nó sẽ cùng với tài hùng-biện của ông làm cho dân Mỹ ngây-ngô bị mê huyễn. Cả ông lẫn các người kia, không từng nghĩ đến những thủy-thổ và phong-tục : trời mưa tuyết lạnh trên tầu khi tới Canada, ông còn mặc áo lễ-phục và áo mát ở Ấn-Độ .

Ông khởi-hành từ Bombay ngày 31 tháng 5 năm 1893, qua Tích-Lan ( Ceylan ), Penhong, Singapoor, Hongkong, có ghé thăm Quảng-Đông, đến Nagasaki lên bộ đến Yokohama, thăm Osaka, Kyoto và Tokyo. Bất cứ ở đâu, ở Tầu cũng như ở Nhật, ông đều chú-ý đến tất cả điều xác-chứng cho giả-thuyết _ tin tưởng của ông _ về ánh phản-chiếu tôn-giáo Ấn-Độ cổ xưa trên các Đế-quốc Á-Đông và sự thống-nhất tinh-thần Á-Châu. Đồng thời tư-tưởng về những đau khổ mà nước ông chịu-đựng không rời khỏi tâm-trí ông, và thấy cảnh tiến-bộ mà

Nhật-Bản đã thực-hiện được càng làm ông thêm đau lòng .

Ông đi từ Yokohama đến Vancouver ; và bằng xe lửa, ông tới Chicago vào giữa tháng bẩy, choáng-váng. Trên đường trường, ông đã để lại dấu-tích. Ví như một con thú bị thu hút đối với người rình bắn, từ đàng xa người ta nhìn thấy ông ! Và trước hết, cái anh con nít lớn đầu ấy, đi lang-thang như mán vào chợ, miệng há hốc, trong cái Hội-chợ, Hội-chợ Quốc-tế Chicago. Tất cả cái gì cũng mới lạ đối với ông, khiến ông ngơ-ngác. Ông không từng bao giờ tưởng-tượng được cái năng-lực, sự giầu-có, tài phát-minh của thế-giới Tây-phương này. Với một sinh-lực mạnh hơn và dễ cảm với sức mạnh hơn là một Tagore hay một Gandhi bị nghẹt thở vì sự vận-động rầm-rộ và tiếng ồn-ào, bởi máy-móc Âu-Mỹ ( nhất là Mỹ ), Vivekananda thấy được thoải-mái ở đây ; ông say-sưa bồng-bột, và cái xu-hướng đầu tiên của ông là hưởng-ứng ; ông không dè-dặt sự hâm-mộ của mình. Suốt cả mười hai ngày trời, ông

để mắt ngắm nhìn háo-hức cái thế-giới mới này. Rồi sau đó ông mới nghĩ đi đến văn phòng thông-tin về Hội-nghị các Tôn-giáo... Ồ, lạ thay ! Ông được biết rằng Hội-nghị chỉ khai-mạc sau ngày 10 tháng chín _ rằng việc ghi danh các đại-biểu và kỳ-hạn đã qua rồi _ và rằng, vả lại, người ta chỉ nhận cho ghi danh với sự giới-thiệu chính-thức. Vậy mà ông chẳng có chút điều-kiện nào cả, ông là một kẻ vô-danh, không có một hội nào chính-thức chứng-nhận cho cả ; và túi tiền cạn dần, nó không còn đủ để cho phép ông chờ đến ngày Hội-nghị. Ông ngã ngửa ! Ông gửi điện-tín cho bạn hữu ở Madras về tình-cảnh cấp-cứu của ông để xin có một Giáo-hội chính-thức nào hỗ-trợ cho. Nhưng các Giáo-hội chính-thức không khi nào tha-thứ cho những tinh-thần độc-lập, dám vượt mặt họ. Một hội-trưởng của loại hội ấy thốt ra một câu trả lời :

_ " Để cho thằng quỷ chết rét ! "

Thằng quỷ không chết và chẳng chịu hàng... Và phó-thác cho số-mệnh, thay vì ấp-ủ,

bất-động mấy đồng Mỹ-kim còn lại, ông tiêu cho hết để đi thăm Boston. Số mệnh đã giúp ông. Số-mệnh luôn luôn giúp người nào biết giúp nó. *" Tài giả bồi chi ! "* Một người như Vivekananda đi đâu mà không được người ta để ý. Con người vô-danh ấy thật hấp-dẫn. Trong một toa xe lửa đi Boston, bộ-dạng ông, những giải-đáp của ông, làm cho một nữ hành-khách ngồi bên cạnh chú-ý. Bà là một người nhà giầu ở tỉnh Massachusetts. Bà hỏi chuyện ông, để ý đến ông, mời ông về nhà bà, giới-thiệu ông với một nhà bác-học cổ-điển Hy-Lạp là J.H. Wright, giáo-sư Đại-học Harvard ; và ông này liền ngạc-nhiên về thiên-tài của người thanh-niên Ấn đó, bèn bắt tay vào việc giúp-đỡ ông : ông ta cố nài để Vivekananda đại-biểu cho Ấn-Độ-giáo tại Hội-nghị các Tôn-giáo ; ông ta viết cho Chủ-tịch Ủy-ban Tổ-chức ; ông biếu nhà lữ-hành tay không một vé xe lửa đi Chicago, cùng với các lá thư giới-thiệu cho ủy-viên lưu-trú. Tóm lại, tất cả đều được thu-xếp xong suôi .

Vivekananda trở về Chicago. Chuyến xe đến nơi vào buổi chiều muộn ; và ông đãng-trí đã bỏ mất địa-chỉ của Ủy-ban thường-vụ, không còn biết đi đâu. Chẳng có ai thèm chỉ-dẫn cho con người da mầu ấy nữa. Ông thấy có một cái thùng rỗng, lớn trong góc nhà trạm xe lửa, liền ngả lưng và ngủ khì. Đến sáng ra, ông đi lang-thang tìm đường và hành-khất, từ nhà nọ sang nhà kia như kiểu đạo-sĩ hành-khất ( sannyasin ) bên Ấn-Độ cổ-điển. Nhưng hiện ông đang ở tại một cái tỉnh như Panurge, biết ngàn lẻ một, cách làm tiền, trừ có một cách của Thánh François là khất-thực Thượng-Đế. Tôi phải nói thêm điều này là ông hiện ở tại khu phố của những người chỉ nói tiếng Đức, không một ai hiểu ông cả ; người ta xử với ông như đối với mọi da đen, và vội đuổi ông khỏi cửa. Sau khi đi lang-thang một hồi lâu, mệt mỏi, ông ngồi phệt xuống vệ đường. Từ một cửa sổ nhà trước mặt, có người để ý thấy, ra hỏi có phải ông là đại-biểu cho Hội-nghị các Tôn-giáo không ? Người ta mời ông vào trong nhà, và lại một lần nữa, số-mệnh đã sui-khiến cho ông

tìm được một trong những bạn đồng-chí Mỹ tốt nhất là bà Hale. Khi ông đã được nghỉ-ngơi rồi, người ta dẫn ông đến Hội-nghị. Và ở đấy, ông có nơi cư-trú .

Cuộc lữ-hành phiêu-lưu mà ông sắp sửa bị ngã gục giữa đường, thì lần này đã đưa đến bến. Nhưng không phải để nghỉ-ngơi mà là bắt đầu hành-động. Và bây giờ đây, giai-đoạn tình-cờ đã hết rồi, hãy nhường chỗ cho ý-chí ! Cái con người trước đây không ai biết ấy, con người hành-khất ấy, con người giòng máu bị Méo ( Mob ), dân tứ chiếng của cặn-bã, mà ngót nửa tá dân-chúng thế-giới khinh-khi _ nhất đán, một sớm một tối, bắt dư-luận phải khuất-phục thiên-tài vương-đạo của mình .

***

Hội-nghị khai-mạc vào ngày thứ hai 11 - 9 - 1893. Hồng-y Giáo-chủ Gibbons ngồi ghế chủ-tọa chính giữa. Chung-quanh Giáo-chủ, bên mặt, bên trái các đại-biểu Đông-phương Prostap Chunder Mazoomdar, Hội-chủ Bramo-samaj, bạn cố-hữu của Vivekananda, đại-biểu tín-đồ Thần-giáo Ấn-Độ, với Nagarkar ở Bombay ; Dharmapala, đại-biểu tín-đồ Phật-giáo của Ceylan ; Gandhi, đại-biểu tín-đồ Kỳ-Na-giáo ; Chakravarti, với Annie Besant đại-biểu cho Hội Thông-thiên-học. _ Nhưng trong tất cả các đại-biểu ấy, người thanh-niên không có tên tuổi, không đại-biểu cho ai, mà đại-biểu cho tất cả, người không giáo-phái, người của tất cả Ấn-Độ hấp-dẫn những con mắt của hàng ngàn thính-giả đến tham-dự . Bộ mặt quyến-rũ của ông, phong-độ quí-phái hiên-ngang của ông _ và cái sắc-phục rực-rỡ càng làm tăng hiệu-quả của một thế-giới thần-thoại xuất-hiện _ tất cả che giấu sự cảm-động của ông. Ông không giấu-giếm điều ấy. Đây là lần đầu tiên ông phải lên tiếng trước những buổi họp vĩ-đại như thế ; và đến khi các đại-biểu, từng người

được giới-thiệu, phải tự mình lên tiếng nói về mình với công-chúng bằng một vài câu vắn-tắt, Vivekananda xin lùi mãi lượt mình, giờ ấy sang giờ khác, hai ba phen cho tới giờ chót. ( Nên ghi-nhận là ông không dự-tính trước, chẳng có sửa-soạn chi cả, trong khi các người khác đã có sẵn một bài diễn-văn để đọc ) .

Nhưng rồi có một tia lửa. Trong cái mớ nhuôm nhuôm của tất cả các bài luận-văn khô-khan lạnh-lùng, ông đã thổi cháy tâm-hồn của quần-chúng thính-giả đến nghe. Ông vừa cất tiếng nói, mấy lời đầu rất giản-dị :

" _ " Chị em và anh em Mỹ-Châu! ... " thì hàng trăm người đứng dậy để hoan-hô ông. Ông tự hỏi, phải chăng lời hoan-hô ấy cho mình. Ông là người đầu tiên, không ngờ đã đi ra ngoài nghi-thức của Hội-nghị, và đã nói với đại-chúng tiếng nói chúng mong đợi. Sau khi yên-lặng trở lại, ông nhân-danh tổ-chức tu-viện cổ nhất thế-giới _ tổ-chức Vệ-Đà, đạo-sĩ hành-khất ( Sannyasin ) chào mừng dân-tộc trẻ nhất của các dân-tộc. Ông giới-thiệu Ấn-Độ-giáo

như là mẹ các tôn-giáo đã mang đến cho loài người giáo-lý sinh-đôi này :

" _ " Hãy công-nhận lẫn nhau, hãy thông-hiểu lẫn nhau đi ! "

Ông dẫn-chứng hai đoạn văn hay trong Thánh kinh :

" Ai đến với ta, bất cứ trong hình-thức nào, ta đều đến với y ;

" Tất cả mọi người vất-vả, kỳ-khu qua các nẻo đường, cuối cùng đều dẫn đến ta ."

Mỗi diễn-giả khác đều đã nói về Thượng-Đế của mình, về Thượng-Đế của giáo-phái mình. Ông _ một mình ông _ nói về Thượng-Đế chung của tất cả, và bao-hàm tất cả vào trong Bản-thể đại-đồng. Đấy là hơi thở của Ramakrishna, qua miệng của người cao-đệ, để làm sụp-đổ những biên-giới xuống. Trong một khoảnh-khắc, không còn thấy có dẫy núi

Pyrénées nữa ! Hội-nghị các Tôn-giáo đã hoan-hô nhà diễn-giả trẻ tuổi .

Những ngày sau đấy ông còn lên tiếng mươi mười hai lần nữa .

( Vừa ở các đại-hội của Hội-nghị lẫn ở các ban khoa-học phụ-thuộc. Các diễn-văn chính của ông lấy đề-tài :

1)_ " Tại sao chúng ta không đồng tình ". Ở đây ông tố-cáo " địa-phương tính " của các quan-điểm tôn-giáo khác nhau, nó là nguồn-gốc của chủ-nghĩa cuồng-tín .

2)_ Nhu-cầu thống-thiết của Ấn-Độ không phải là tôn-giáo. Nhưng là nhu-cầu cơm gạo. Lời kêu gọi viện-trợ cho dân-tộc ông đang chết .

3)_ Ngày 22 - 9 _ Về triết-lý Vedanta .

4)_ Ngày 23 - 9 _ Về Ấn-Độ-giáo chính-thống và các tôn-giáo cận-đại Ấn-Độ .

5)_ Ngày 25 - 9 _ Về tinh-hoa của tôn-giáo Ấn-Độ .

6)_ Ngày 26 - 9 _ Phật-giáo, thành-tựu tất yếu của Ấn-Độ-giáo .

Với bốn bài nữa. Nhưng có hai bài quan-trọng nhất là :
11)_ Ngày 19 - 9 _ Khái-luận về Ấn-Độ-giáo, có tiếng nhất, mà ở Hội-nghị ông là đại-biểu của Đại-đồng Duy-nhất, không thuộc giáo-phái nào .

12)_ Ngày 27 - 9 _ Chúc-từ buổi bế-mạc Hội-nghị . )

Và mỗi lần nói, ông đều nhắc lại, với biện-chứng mới, và với cùng cái sức-mạnh tin-tưởng, luận-thuyết của ông về một tôn-giáo đại-đồng, không giới-hạn vào thời-gian và không-gian, liên-minh tất cả những Tín-điều của tinh-thần nhân-loại, kể từ bái-vật, áp-bức man-di cho đến những khẳng-định tự-do sáng-

tạo nhất của khoa-học cận-đại, và điều-hòa chúng thành một tổng-hợp vĩ-đại. Nó không những không áp-bức hy-vọng của ai, mà lại còn giúp cho tất cả những hy-vọng sinh-trưởng và nẩy-nở theo bản-tính riêng của mỗi Tín-điều. Không giáo-điều nào khác hơn là thần-linh-tính ở tại con người và khả-năng tiến-bộ vô-hạn của nó .

"_ " Hãy đem tôn-giáo ấy cho thế-giới và tất cả các dân-tộc trên thế-giới sẽ theo. Nghị-hội của Vua A-Dục ( Açoka. 253 tr. Cn. ) là kết tập tín-ngưỡng Phật-giáo. Nghị-hội của Vua Akbar ( 1556-1605 ) chỉ là một Hàn-lâm khách-sáo. Mỹ-quốc được dự-bị để tuyên-bố cho hoàn-cầu Đức Linh hiện-tại có ở trong tất cả các tôn-giáo. Mong rằng anh sẽ cảm-thông với Ngài là đấng Brahman của tín-đồ Ấn-Độ-giáo, là đấng Ahura Mazda của tín-đồ Zoroastre, là đấng Bouddha của tín-đồ Phật-giáo, đấng Jéhovah của người Do-Thái, đấng Chúa Trời của người Cơ-

Đốc ! ... Người Cơ-Đốc chẳng phải trở nên Ấn-Độ-giáo, hay Phật-tử. Tín-đồ Ấn-Độ-giáo hay Phật-giáo cũng chẳng phải trở nên Cơ-Đốc-giáo. Nhưng tín-đồ của mỗi tôn-giáo phải thâu-hóa tinh-thần của các tôn-giáo khác, mà vẫn tiếp-tục duy-trì bảo-tồn cá-tính của mình và sinh-trưởng theo luật-pháp riêng ... Hội-nghị Các Tôn-giáo đã chứng-minh rằng thánh-linh, thanh-khiết, từ-thiện là những đức-tính chung, không phải độc-hữu riêng của một Nhà-Thờ nào trên thế-giới, và mỗi một tín-ngưỡng đã sản-xuất những người nam và nữ làm gương-mẫu tuyệt-vời cho nhân-loại... Trên đạo kỳ của mỗi tôn-giáo chẳng bao lâu sẽ viết, mặc dầu có sự chống-cự : " Tương-trợ mà không tranh-đấu. Thông-cảm lẫn nhau, chứ không hủy-hoại. Hòa-điệu và hòa-bình chứ không cãi vã suông ."

Hiệu-lực của những lời hùng-mạnh ấy thì vô cùng lớn rộng. Vượt đầu các đại-biểu chính-

thức của Hội-nghị, chúng nói với tất cả nhân-dân và chúng làm rung-động dư-luận. Danh-tiếng của Vivekananda tức thì sáng chói ; và toàn thể Ấn-Độ đã thu công. Báo-chí Mỹ đã công-nhận : " Ông hẳn là bộ mặt vĩ-đại nhất ở Hội-nghị Các Tôn-giáo. Nhưng nghe ông nói, chúng ta cảm thấy thậm vô-lý về việc phái sứ-đồ truyền-giáo đến dân-tộc bác-học ấy ... " _ ( Báo New-York Herald.) Báo Boston Evening Transcript nhận rằng : " Ông là con cưng nhất ở Hội-nghị. Ông chỉ cần bước lên bục là làm nổi lên những hoan-hô. Và một cách độc-nhất để giữ công-chúng, ở các buổi họp thường làm cho thính-giả uể-oải không chú-ý nữa, là công-bố có Vivekananda sẽ nói sau cùng .

Hãy tưởng-tượng, lời tuyên-bố trên như thế thì làm sao lọt tai được các sứ-đồ truyền-giáo Cơ-Đốc ! Vì vậy nên sự thành-công của Vivekananda đã làm nổi lên hận-thù gay-gắt trong giới sứ-đồ Cơ-Đốc, để cho họ đi đến việc sử-dụng cả khí-giới chống đối hèn-hạ nhất. Sự

thành-công ấy cũng khiến cho một số đại-biểu Ấn ghen-tỵ vì bị anh " tu sĩ lang thang " vô-danh và không lệ-thuộc làm lu-mờ. Và Thông-thiên-học mà Vivekananda không từng nể-nang, đã không tha-thứ cho ông .

Nhưng vào giờ phút đầu của vinh-quang chớm nở ấy _ khi mặt trời mới mọc ấy _ thì ánh-sáng chói-lọi làm tan biến tất cả bóng tối. Vivekananda là người của thời-cuộc .

***

Người ta tự hỏi không biết ông ta đã cảm thấy thế nào đối với sự đắc-thắng ấy ? Ông đã khóc. Nhà tu-sĩ lang-thang nhìn thấy đời sống cô-tịch tự-do với Thượng-Đế đã hết. Tâm-hồn tín-ngưỡng nào chẳng hiểu nỗi tiếc nhớ ấy ? Chính tự ông đã muốn thế... Không ! Ông bị năng-lực vô-hình đã muốn bắt ông như thế, cái

năng-lực ấy bảo ông sứ-mệnh của ông... Nhưng có tiếng nói khác nữa trong lòng bảo ông : " Từ bỏ đi ! Hãy sống với Thượng-Đế ! ... " Không bao giờ ông có thể thỏa-mãn cho bên này mà chẳng thiếu-thốn với bên kia. Do đấy mà có những cơn khủng-hoảng định-kỳ của cái tài-ba bão-tố, mà những khúc-mắc bề ngoài mâu-thuẫn, tuy hợp lý nhưng không bao giờ những tinh-thần đơn-thuần có thể hiểu nổi : những người tư-tưởng, một mạch lấy sự nghèo-nàn của mình làm đức tính bắt buộc và coi sự nỗ-lực mãnh-liệt và cảm-động của các tâm-hồn quá phong-phú tiến tới hòa-điệu như là rối-loạn và phản-phúc. Vivekananda đã và sẽ luôn luôn là nạn-nhân của những giải-thích bất-hảo ấy mà tính tự kiêu của ông không buồn giải-thích, biện-minh .

Sự phức-tạp ấy không phải chỉ có ở trong tinh-thần ông, nó còn ở tại chính trong cảnh-ngộ nữa. Trước cũng như sau cuộc thành-công ( và có lẽ sau hơn là trước ) nhiệm-vụ của ông thật gay-go. Sau khi suýt bị ngã gục vì nghèo

đói, thì lại suýt bị chết ngạt vì của-cải. Bởi vì chủ-nghĩa su-thời Mỹ đã vồ lấy ông, và trong buổi đầu phong-trào, nó đã như muốn làm ông nghẹt thở vì sự sa-hoa và khoa-trương hão-huyền của nó. Vivekananda đau đớn đến buồn nôn về sự phao-phí tiền của ấy. Trong buồng ngủ, ban đêm, ông đã quằn-quại vì thất-vọng, ông lăn xuống đất, khi nghĩ đến dân ông đang chết đói chết khát ; Ông rên la :

> _ " Ôi Đức Mẹ, con làm gì bằng danh-tiếng khi dân-tộc con chìm trong khốn cùng ! ... "

Để phụng-sự nguyện-vọng của nước Ấn-Độ bất hạnh kia, cũng như để giải-thoát khỏi vòng che-trở của các nhà bảo-trợ giầu có, ông bèn nhận lời mời của một cơ-quan diễn-thuyết vòng-quanh Hợp-Chủng-Quốc : Miền Đông, Trung-bộ và miền Tây, tỉnh Chicago, Iowa, Des Moines Saint Louis, Mineapolis, Detroit, Boston, Cambridge, Baltimore, Washington, New-York v.v... Phương-tiện thì nguy-hiểm. Nhưng nếu người ta tưởng rằng ông cũng như

bao nhiêu các diễn-giả khác đi mua-chuộc lấy sự hoan-hô và đô-la bằng cách phỉnh-nịnh bốc thơm công-chúng Mỹ, thì người ta sẽ tỉnh-ngộ liền ! ...

Cảm-tưởng đầu tiên kinh-ngạc và ngưỡng-mộ trước thế-lực hùng-hậu của nước Cộng-hòa trẻ một khi tan mờ, Vivekananda tức thì vấp phải sự tàn-nhẫn, sự bất-nhân, tinh-thần nhỏ-nhen, chủ-nghĩa cuồng-tín hẹp-hòi, sự dốt nát khổng-lồ, sự thiếu thông hiểu nặng-nề, vừa ngây-thơ, vừa tự-tín đối với tất cả cái gì tư-duy, đối với tất cả cái gì sinh-trưởng, đối với tất cả cái gì sống khác với dân-tộc kiểu-mẫu của nhân-loại... Ông thiếu kiên-nhẫn. Ông không nể-nang chi hết. Ông sỉ-nhục tính xấu và tội ác của văn-minh Tây-phương, tính cách hung-bạo, cướp bóc, hủy-hoại của nó. Có một lần ở Boston, ông phải nói về một đề-tài tôn-giáo hay, đẹp mà ông lấy làm đắc ý nhất, nhưng khi nhìn thấy bộ mặt thính-giả, những mõm quỷ-quyệt và độc-ác của bọn lái-buôn và phàm-tục, ông cảm thấy ghê-tởm, đến nỗi ông từ-chối

không mở cửa cho chúng vào cung-điện, và thình-lình ông thay đổi đề-tài, ông giận-dữ phê-phán văn-minh mà những bọn cáo già và chó sói ấy đại-biểu. Sự phẫn-nộ trở nên vang động. Hàng trăm thính-giả bỏ ra khỏi giảng-đường ồn-ào, rầm-rộ. Và báo-chí bùng-nổ .

Ông không nể-nang, nhất là đối với Cơ-Đốc-giáo giả-hiệu, sự giả-dối tín-ngưỡng :

> "_ " Hãy thôi đi, đừng khoe-khoang nữa ! Cơ-Đốc-giáo của các ông đã làm gì cho thế-giới mà không dùng đến mũi gươm ? Tôn-giáo của các ông nhân-danh sa-hoa vậy mà đã đi truyền-bá. Tất cả những giả-dối trong điều truyền-bá, tôi đã nghe thấy ở đây... Tất cả cái đống tài-sản này là nhân-danh đấng Cơ-Đốc ư ! Đấng Cơ-Đốc không thấy được một viên đá ở các ông để gối đầu... Các ông không phải tín-đồ Cơ-Đốc. Hãy về với đấng Cơ-Đốc !... "

Một cơn giận-dữ nổ tung để trả lời bài-học khinh-miệt đó. Kể từ bữa ấy trở đi luôn luôn ông bị một tụi mật-thám theo gót, nhục mạ ông và gán tội ông, đi đến sự reo rắc ở Mỹ-quốc và tại Ấn-Độ những lời vu-khống, bôi nhọ đời sống và tập-tục của ông. Điều xấu-hổ nhất, không phải là có một số đại-biểu Ấn-Độ-giáo của các giáo-phái cạnh-tranh, bị uất-ức bởi sự vinh-quang của Vivekananda đã không e-dè lượm nhặt những dư-luận đê hèn của sứ-đồ truyền-giáo ghen-ghét. Mà là các sứ-đồ truyền-giáo Cơ-Đốc lại dùng lại những khí-giới ấy của các tín-đồ Ấn-Độ-giáo ghen-tỵ kia đã đưa ra, để tố-cáo một cách hăng say nực cười ở Ấn-Độ rằng nhà đạo-sĩ hành-khất tự-do ( Sannyasin ) không giữ giới-điều tại Mỹ-quốc, theo giới-luật nghiêm-khắc của Ấn-Độ-giáo chính-thống. Vivekananda thấy tởm những dư-luận ấy, từ Ấn-Độ gửi sang cho ông trong những bức thư hoang-mang của các đệ-tử ông, phản-chiếu cái bọt bóng sự giận-dữ của tín-đồ ngoan-đạo. Ông ngang nhiên ném trả vào mặt những kẻ khuấy bùn đó :

_ " Phải chăng các anh tưởng rằng tôi sinh ra để sống và chết trong cái bộ mặt của những kẻ hèn-nhát nô-lệ giai-cấp, mê-tín, bất nhân, giả-dối, vô thần, mà các anh chỉ thấy được trong đám tín-đồ Ấn-Độ-giáo học-thức ? Tôi ghét sự hèn hạ. Tôi không muốn có quan-hệ gì với những kẻ hèn nhát ấy cả... Tôi là của thế-giới cũng như của Ấn-Độ. Chớ có lấy làm chơi điều ấy ! Nước nào có đặc-quyền về tôi ? Phải chăng tôi đã là nô-lệ cho một dân-tộc nào ? Tôi cảm thấy ở tôi một năng-lực lớn hơn con người hay là hơn thần-linh, hay là hơn quỷ-sứ ! ... "

Một bức thư của một trong các đệ-tử người Mỹ của ông là Swami Kripananda, mô tả lại một bức họa về những nỗi phiền-não của thày ở Hợp-Chủng-Quốc như sau :

_ " Cái mảnh đất ươm nóng hổi những quái đản giả tôn-giáo, khao khát thành bệnh-hoạn về cái phi-thường, về thần-bí ma-thuật, về cái dị-kỳ, tại đấy có

một sự mê-tín phi-lý làm nẩy sinh nhung nhúc hàng trăm Hội : yêu-quỷ, ma-thiêng, thánh sống Mahatma, giả tiên-tri. Cái nhà thương điên của các loại mầu sắc đó đối với Vivekananda là một nơi ghê-tởm.

"Trước hết ông phải rửa sạch cái chuồng ngựa Augias ấy đi đã ... "

Ông sua đuổi về cho quỷ-sứ cái đám ngốc-si, múa-rối, thả câu nước đục, tin nhảm, hùa đến những buổi diễn giảng đầu tiên của ông. Tức thì, ông liền nhận được của bọn mưu-mô, chạy việc, bán rao tôn-giáo, các đề-nghị hợp-tác, các hứa-hẹn, các đe dọa, các thư từ rêu-rao. Không cần nói về hiệu-quả của chúng đối với một nhân cách như thế. Ông không bao giờ dung cho cái gì chi-phối ông. Ông vứt tuốt hết liên-minh của một phái nọ chống phái kia. Và không một lần nào ông tránh cơ-hội giao-tranh công-khai, kịch-liệt chống với những " mưu-mẹo " muốn lợi-dụng ông .

Chúng ta phải vội nói, vì danh-dự nước Mỹ, rằng cái tinh-thần cương-nghị bất-khuất ấy, cái lý-tưởng anh-dũng ấy, cái đức tính trung-trực ấy, đã thu-hút khắp nơi một lớp thượng-lưu bênh-vực và ngưỡng-mộ ông. Trong lớp người ấy sẽ thành-lập một nhóm đệ-tử Tây-phương đầu tiên và là những người thợ hoạt-động nhất cho công-trình phục-hồi Ấn-Độ-giáo của ông vậy .

*****
*

# - IV -

# NƯỚC MỸ VÀO THỜI DU-HÀNH THỨ NHẤT CỦA VIVEKANANDA

## Các Phong-Trào Anglo-Saxon Về Tinh-Thần Á-Châu : Emerson ; Thoreau ; Walt Whitman.

Biết đích-xác tinh-thần Mỹ suốt thế-kỷ XIX đã thấm-nhuần trực-tiếp hay gián-tiếp ảnh-hưởng Ấn-Độ-giáo như thế nào, là một vấn-đề rất thích-thú. Bởi vì những ảnh-hưởng ấy chắc hẳn đã giúp vào sự tạo nên cái tính-tình kỳ-lạ về tinh-thần và tín-ngưỡng của Hợp-Chủng-Quốc ngày nay, mà một tinh-thần thuần-túy Âu-Châu lấy làm khó hiểu. Nó là sự pha-trộn lạ lùng của chủ-nghĩa Thánh-giáo Anglo-Saxon, lạc-quan hành-động Hoa-Kỳ, thực-dụng, khoa-học và giả Vedanta. Tôi chưa

biết có nhà sử-học nào đã để ý về vấn-đề ấy thực-sự. Tuy nhiên, đấy là một vấn-đề tâm-lý-học bậc nhất, quan-hệ đến văn-minh-sử của chúng. Hiện nay tôi không có phương-tiện để giải-quyết vần-đề ấy. Nhưng tôi có thể, ít nhất bầy tỏ một vài yếu-tố của nó .

Hình như một trong các người chính du-nhập tư-tưởng Ấn-Độ-giáo vào Hợp-Chủng-Quốc là Emerson. Và Emerson có vẻ đã chịu nặng sự thúc-đẩy về tư-tưởng ấy của Thoreau .

Ông đã sẵn từ trước, đón nhận những ảnh-hưởng ấy. Ngay từ năm 1830 chúng đã bắt đầu thấy ló trên tờ báo của ông, trong đó ông có ghi dẫn các văn-kiện tôn-giáo Ấn-Độ. Bài diễn-văn của ông năm 1838 tại Đại-học Harvard đương thời đã làm sôi nổi. Ở đấy ông tuyên-bố tín-ngưỡng vào thần-linh ở con người, tương-tự với quan-niệm về linh-hồn Atman - Brahman ( Tiểu-ngã, Đại-ngã ). Chắc hẳn ông có gắn chặt-chẽ vào đấy một chấp-nhận luân-lý hay là có khuynh-hướng luân-lý,

nó vốn là dấu riêng của ông và nòi-giống ông. Nhưng kết-thúc của nó là thực-hiện Thần-hóa của một khoa Yoga chính thật về " công-lý " được quan-niệm với ý-nghĩa sinh-đôi, là điều thiện luân-lý và quân-bình vũ-trụ ; và ở đấy hỗn-hợp vừa Karma ( hành-động ) , Bhakti ( tình-yêu ) và Jñãna ( hiền trí ) :

> " Một người trong tâm-hồn mà công-chính bao nhiêu thì người ấy càng là Thượng-Đế bấy nhiêu... Tính bất-diệt, tính trang-nghiêm thần-linh cùng với công-chính đã gia-nhập vào trong tâm-hồn y... Tất cả chúng-sinh đều do cùng một tinh-thần xuất ra, mang các tên gọi khác nhau, tình-yêu, công-chính hay hiền-trí trong các biểu-hiện khác nhau của nó, như là đại-dương tùy theo các bờ biển được gọi tên khác nhau... Sự giác-ngộ các định-luật ấy, thức tỉnh trong tinh-thần cái ý-thức tôn-giáo, do đấy nẩy sinh hạnh-phúc tối cao của chúng ta. Quyền-năng lạ lùng nó hứng-khởi và lôi-cuốn ! Đấy là không-khí của đỉnh cao, đấy là cảnh đẹp

của trời rộng, đấy là điệu hát vô-thanh của tinh-tú, đấy là hạnh-phúc của loài người ... "
_ ( Diễn-văn ở Đại-học Harvard _ 1838 )

William James nói :

_ " Emerson tin có một linh-hồn vũ-trụ, linh-thiêng là thực-thể đạo-đức. Đối với trước công-lý thần-linh, tất cả đều phải qui-phục : côn-trùng ; nhân-loại và tinh-tú."

Cái công-lý ấy, cái thực-thể đạo-đức ấy, không được thu về kích-thước hạn hẹp của chúng ta thường hiểu danh-từ ấy trong đời sống hàng ngày. Chúng có một ý-nghĩa siêu-nhiên. " Quyền-năng trong thiên-nhiên chính là mực-thước của luật-pháp ". Emerson luôn luôn có ý-thức thâm-trầm về vũ-trụ ; và chính cái tiềm-năng nội-tại ấy làm linh-động chủ-nghĩa luân-lý của ông và đem cho nó một tính-cách trọng-đại .

Emerson ít có phương-pháp trong việc đọc sách cũng như viết sách ; và Cabot, trong " Bút ký về Emerson " cho biết là ông ta tự-mãn với những trích-lục và trích-dẫn hơn là toàn-bộ các sách. Nhưng Thoreau là một độc-giả lớn ; và trong khoảng thời-gian từ 1837 đến 1862, ông này ở bên cạnh Emerson. Tháng bẩy năm 1846, Emerson ghi-nhận rằng Thoreau đã đọc cho ông nghe các đoạn văn trong " " Tuần-lễ trên sông Concord và Merrimach ". Song, chính tập " Tuần Lễ " ấy ( Week Section Monday ) đã là một trào tuôn bồng bột hăng say về Gita ( Chi-Tôn-Ca ), về đại danh thi và triết-học cao-siêu của Ấn-Độ. Thoreau đòi hỏi một Thánh Kinh tập-hợp các Điển-tích Á-Châu Ấn-Độ, Trung-Hoa, Ba-Tư, Do-Thái, " đem đến tận chân trời cuối đất ", và ông lấy tiêu-chuẩn : " Ex Oriente Lux " (Ánh Sáng Tự Đông-Phương Phát-xuất ) .

Người ta có thể tưởng rằng những dẫn khởi ấy đối với Emerson không mất, và cái

chủ-nghĩa Á-Tế-Á nóng hổi của Thoreau đã truyền sang cho Emerson vậy .

Bấy giờ là thời-kỳ mà " Hội Siêu Nhiên " ( Club Transcendantal ) ông thiết-lập ở Boston đang phát-triển sôi nổi ; và kể từ năm 1840, tạp-chí tam-cá-nguyệt mà ông điều-khiển với Hypatie Mỹ, Maguerite Fuller, tạp-chí " Dial " đăng tải những bản dịch các ngôn-ngữ Đông-phương. Sự rung-động gây nên ở ông do tư-tưởng Ấn-Độ phải mạnh lắm khiến ông viết vào năm 1850 một bài thơ có tinh-thần triết-lý Veda uyên-thâm như bài Brahman bất-hủ :

" Nếu bàn tay máu giết người tưởng rằng nó giết,
Hoặc kẻ bị giết tưởng mình bị giết .
Đạo huyền vi của Ta, chúng chẳng biết,
Chúng biến đi và rồi lại về .

" Cái xa xôi hay bị quên lãng đối với Ta đều gần,
Bóng râm và ánh nắng cũng là một .

Chư-thần biến đi và hiện ra,
Và đối với Ta nhục vinh không có khác .

" Chúng tính toán lầm, những kẻ không tính đến Ta,
Chúng chạy trốn trên cánh của Ta .
Ta vừa là nghi-ngờ, vừa nghi-ngờ .
Và chính cái Ta mà người Bà-La-Môn ca-tụng .

" Chư-Thần uy mạnh khát-vọng nơi Ta ở,
Và khát vọng hoài Bẩy cái linh thiêng .
Nhưng tín-đồ từ-thiện, các con khiêm-tốn,
Hãy tìm thấy Ta, và quay lưng khỏi Thiên-đường . "

Nên nghĩ rằng Tân-Anh-Cát-Lợi ( Nouvelle Angleterre ) bấy giờ đang trải qua một cơn khủng-hoảng tái-tạo tinh-thần và phong-trào lý-tưởng say sưa, với những yếu-tố khác biệt, kém học-thức, mạnh-mẽ hơn, vô cùng gần gũi với thiên-nhiên hơn, nó đáp ứng cho ngọn

lửa duy-tâm bốc lên của Âu-Châu chúng ta trước năm 1840. Nhóm Brookfarm vô-chính-phủ của George Ripley (khoảng 1840 và 1847), hội-họp sôi-động của " Bạn của tiến bộ đại-đồng " ( Amie du progrès universel ) ở boston năm 1840, họp các nam nữ của tất cả ý-kiến và của tất cả nghề-nghiệp, nóng sốt với năng-lực nguyên-thủy, khát vọng giải-thoát khỏi những dối-trá quá-khứ mà không biết thu-nhận Chân-lý gì : vì quần-chúng nhân-loại không có thể sống được, nếu nó không có thể xác-định cho mình là mình tự có được Chân-lý .

Than ôi ! Cái chân-lý mà nửa thế-kỷ Mỹ-quốc tiếp-theo đã kết-hôn, chẳng đáp-ứng chút nào cho tuần trăng mật hào-hứng trông chờ ! Chân-lý chưa được chín mùi. Cả cho đến những kẻ mong muốn thu-hoạch .

Tuy nhiên không phải thiếu những ý-niệm cao quý, những ý-niệm lực, nhưng chúng quá phức-tạp và bị ngốn nuốt vội vàng không kịp có thì giờ để chúng được tiêu-hóa lành-

mạnh. Những xúc-động thần-kinh do những cuộc đảo-lộn chính-trị và xã-hội trầm-trọng sản-sinh ra, kể từ trận chiến-tranh chia đôi Nam Bắc ( Secession ), sự hấp-tấp bệnh-hoạn từ đấy trở đi, nhịp tiến-bộ văn-minh rồn-rập đã làm cho tinh-thần Mỹ-quốc mất quân-bình, và trong một thời-gian khá lâu. Dù sao đi nữa, người ta không thấy khó tìm thấy lại trong thế-hệ hậu-bán thế-kỷ những hạt giống của các nhà tư-tưởng tự-do tiên-phong của Concord như Emerson và Thoreau đã reo rắc. Nhưng với những hạt giống ấy của các ông, lạ lùng thay, cái bánh được ngào nặn bởi những nhóm thợ của " Mind Cure " ( Tinh-thần Trị-liệu ) và của Bà Mary Baker Eddy ! Đội nọ đội kia hẳn đã sử-dụng ít hay nhiều một cách ý-thức những yếu-tố của Ấn-Độ, sau khi đã lọc qua lý-tưởng duy-tâm của Emerson .

William James nói về " Mind Cure " ( Tinh-thần Trị-liệu ) :

_ " Người ta nhận thấy ở đây những yếu-tố như là bốn Thánh Kinh,

duy-tâm-luận của Berkeley và của Emerson, thông-linh-học với định-luật tiến-hóa tuần-tự các linh-hồn trải qua các đời sống kế-tiếp, chủ-nghĩa tiến-hóa lạc-quan và thông-tục và các tôn-giáo Ấn-Độ ."

Charles Baudouin còn thêm rằng kể từ 1875 về sau, ảnh-hưởng các học-phái Pháp về thôi-miên-thuật ( Richet, Charcot, Bernhiem ), và ông ghi-nhận có sự phản-ứng lại, như Coué đã khai-thác Mind Cure, ông học tiếng Anh với chủ-ý tìm-hiểu tâm-linh-học Mỹ phổ-thông ấy và để kéo nó về cách biểu-diễn giản-dị hơn, hợp-lý và thực-tiễn .

Nhưng phải ngược giòng về nguồn suối chung là nhân-điện-học của Mesmer cuối thế-kỷ XVIII và xa hơn nữa trong những yếu-tố đã tạo nên cái nhân-cách dũng-mãnh và khả-nghi ấy .

Còn như nhóm Christian Science ( Khoa-học Cơ-Đốc ) thì chỉ cần mở quyển Tiểu Tự-Điển Danh-từ Triết-học hay Tôn-giáo, mà Bà Eddy đã thêm vào Thánh Kinh ( Bible ) của Bà : ( Science and Health ) " Khoa-học và Sức-khỏe " để nhận thấy một số quan-niệm căn-bản có bà con với quan-niệm Vedanta Ấn-Độ :

> " Ta hay Ngã ; Nguyên-lý Thần-linh ( Tâm-linh ) Linh-hồn... Tinh-thần vĩnh-cửu ; Chỉ có một cái Ta hay Linh-hồn ( Noũs ) ; chỉ là một Nguyên-lý hay Tinh-thần ( Mind ) cai-quản tất cả... Tất cả sự-vật phản-ảnh ( hay phản-chiếu ) vào Tạo-hóa Thần-linh, một Tinh-thần Duy-nhất ; và tất cả cái gì không phản-ảnh cái Tinh-thần Duy-nhất ấy đều giả-trá và lừa dối...
>
> " Thượng-Đế . _ Cái đại-ngã tồn-tại... Nguyên-lý Tinh-thần, Linh-hồn, Sinh sống, Chân-lý, tình-yêu, tất cả thể-chất, trí-tuệ ..."

Sau hết là những tương-tự với tư-tưởng Ấn-Độ còn thấy rõ hơn trong những luận-thuyết chính của Hội " Mind Cure " của Horacio W. Dresser, của Henry Wood và của R.W. Trine. Nhưng vì niên-biểu của chúng vào cuối thế-kỷ XIX, nghĩa là sau khi Vivekananda đã đi qua, thì có thể rằng chúng có lợi-dụng giáo-lý của ông này. Chúng hoàn-toàn rất thích-hợp với phép-tắc tập-trung tinh-thần của Yoga và với tín-ngưỡng nó hàm-ngụ .

Nhưng họ đã kéo những yếu-tố Ấn-Độ ấy xuống bình-diện một món ăn thực-dụng, nhằm lợi ích trước mắt, một loại vệ-sinh huyền-bí, lập-cước trên lòng tin nhẹ dạ, nặng-nề, mệnh danh là Khoa-học Cơ-Đốc ( Christian Science ) bán khoa-học kiêu-ngạo và bán Cơ-Đốc của nó .

Một sắc-thái chung cho các học-thuyết ấy là chủ-nghĩa lạc-quan thông-tục, nó giải-quyết vấn-đề ác bằng sự phủ-nhận giản-đơn, hay là hơn nữa bằng sự bỏ sót. " Điều ác không có.

Vậy thì hãy làm ngơ đi ! ... " Cái thái-độ trí-thức của những người giản-dị đã quá thông-thường là thái-độ của Emerson. Ông này gạt bỏ, được chừng nào hay chừng nấy, vấn-đề bệnh tật và chết chóc ra khỏi các đề-tài của ông. Ông không ưa bóng tối. " Kính-trọng ánh-sáng ! ..." Đấy là một sự kính-trọng rụt-rè. Mắt của ông yếu. Ông bắt đầu che mặt trời bằng cái chụp đèn. Về điểm ấy, ông đã được dân ông noi theo triệt-để. Người ta bảo rằng cái chủ-nghĩa lạc-quan ấy rất cần-thiết để hành-động. Tôi không tin lắm vào năng-lực của một người hay một dân-tộc, mà nó căn-cứ vào những điều-kiện tiên-quyết đặt cho Tạo-vật ( Natura rerum ). Tôi đồng tình hơn với câu của Maguerite Fuller : " Tôi thừa-nhận vũ-trụ ". Nhưng chịu nhận hay không, điều trước hết là phải nhìn thấy ! Nhìn thấy toàn-thể ! _ Chúng ta sẽ sớm thấy Vivekananda nói với nữ đệ-tử người Anh của ông : " Hãy biết nhận-định ra Đức Mẹ ở tại cái Ác, Sợ-hãi, Đau-khổ, Hư-không, cũng như ở trong cái Êm-ái và trong

Vui-sướng !... " Và cả đến trong đáy mộng yêu-thương cùng hạnh-phúc của mình. Ngài Ramakrishna, tươi cười, đã biết nhìn và nhắc lại cho kẻ tán-dương " Thượng-Đế Từ-thiện " là Từ-thiện không đủ để giới-thuyết cái Năng-lực hàng ngày hy-sinh hàng ngàn người vô tội. Đây là sự khác-biệt chính-yếu phân-biệt Ấn-Độ và Hy-Lạp anh-hùng với chủ-nghĩa lạc-quan Anh - Mỹ. Họ nhìn thẳng vào mặt " diện mạo Thực-tại " mà họ phối-hợp như Ấn-Độ hay là họ chiến-đấu như Hy-Lạp, và cố sức chinh-phục. Nhưng ở họ, hành-động không bao giờ lấn vào phạm-vi của tri-thức như là ở Mỹ-quốc tri-thức đã bị lệ-thuộc vào hành-động và mang y-phục quan hầu đeo lon với danh-hiệu " Chủ-nghĩa ích-dụng " ( Pragmatisme ). Người ta có thể tưởng rằng một Vivekananda không chút thích-ứng với những bộ-tịch ấy, bên trong ông nhận thấy chẳng biết cái thứ con lai hoang sa-đọa của hệ-thống Vedanta rực-rỡ của Ấn-Độ, tự-do và cao-quý chí-tôn ấy ra sao ?

Vào thời sang ở Mỹ-quốc lần thứ nhất của Trung-tâm Siêu-hình ( Metaphysical

College ) tại tỉnh Massachusetts do Bà Eddy đã mở ở Boston, và tại đây, suốt bẩy năm Bà dạy cho hơn 4000 học-trò, thì tạm thời đóng cửa ( vào tháng 10 - 1889 ) để cho Bà sáng-lập " Mục-sư danh-dự của Nhà-Thờ Cơ-Đốc đầu tiên, của Khoa-học-gia chủ-nghĩa ", Bà viết tập sách mới : " Khoa-học và Sức-khoẻ " xuất-bản năm 1890, 1891. Trung-tâm mở cửa lại dưới sự chủ-tịch của Bà năm 1899 .

Hội " Mind Cure " ( Tinh-thần Trị-liệu ) bấy giờ đang thịnh-vượng, và sản-xuất New Thought ( Tân Tư-tưởng ) đối với Hội Christian Science ( Khoa-học Cơ-Đốc ) cũng ví như chủ-nghĩa Tin-lành duy-lý đối với Da-Tô-giáo chính-thống .

Hội Thông-Thiên-Học ( Société Theosophique ) mà một trong hai nhà sáng-lập viên năm 1875 là một người Mỹ, đại-tá Olcott, ông này làm việc ráo-riết ở Ấn-Độ và ngoài đất Ấn. Hành-động của họ như tôi đã nói, sẽ xung-đột với hành-động của Vivekananda ở các nơi .

Tôi chỉ kể đơn sơ có ba trào-lưu chính đương thời khuấy động tiềm-thức tôn-giáo của nước Mỹ với chủ-nghĩa phục-hưng ( Tôn-giáo của kẻ thức tỉnh ), nó cũng cổ-vũ sự phó-thác cho những năng-lực tiềm-thức, để chờ cho Myers khoảng năm 1886 và 1903 tạo nên triết-lý khoa-học thông-linh về ý-thức và đời sống tiềm-tại .

Cảnh-tượng hỏa-diệm-sơn đang cháy. Bùn và lửa .

***

Nhưng ở trên cái bầy những người sống ấy, có một người chết vĩ-đại, mà cái bóng còn ngàn lần nóng ấm hơn là những ánh phản-chiếu của mặt-trời Thực-thể, qua cửa kính lạnh-lẽo của Tân-giáo ( Méthodisme ). Người này đến trước mặt Vivekananda và mở rộng vòng tay đón rước... Làm sao Vivekananda lại không ôm

lấy được ?... Nói đúng hơn, vì chúng ta biết rằng về sau này, Vivekananda trở về Ấn-Độ đã đọc tập thơ " Feuilles d ' Herbe " ( Những Lá Cỏ " của W. Whitman _ làm sao mà các nhà chép sử về Vivekananda, quá cẩu-thả, ít học, có thể bỏ quên, trong tiểu-sử của họ viết, cái sự-kiện trọng-đại : sự gặp-gỡ giữa sứ-giả Ấn-Độ của Atman Brahman ( Tiểu-ngã Đại-ngã ) với thi-sĩ anh-hùng ca của " Moi Même " (Tự-ngã), Walt Whitman ! _

Ông này vừa mới mất năm trước, ngày 26 tháng 3 năm 1892 gần Camden, khu thợ-thuyền tỉnh Philadelphie. Và tiếng vang dội khải-hoàn của lễ táng Whitman _ không phải có tính-cách ngoại-đạo như người ta đã viết, nhưng đúng theo tinh-thần chủ-nghĩa đại-đồng Ấn-Độ _ còn văng-vẳng trong ký-ức. Vivekananda thấy Whitman tiến tới trước mặt ông thân-mật hơn là một người thân, ông còn kết bạn cả với người đọc điếu-từ vĩnh-biệt nhà thi-sĩ ấy. Ông ta là một nhà hùng-biện trứ-danh bất-khả tri-luận và duy-vật, Robert Ingersoll .

Trong bài điếu-văn, Ingersoll ca-tụng thi-sĩ đã hát " Thánh-thi Về Sự Sống " ( Psaume de la Vie ) tuyệt-cú và những lời tạ ơn " Đức Mẹ để đáp-ứng cái hôn và sự ấp-ủ của Bà " _ Đối với Ingersoll " Mẹ " ở đấy là Thiên-nhiên. Bà tràn-ngập trong những thi-ca của Whitman, khi là Thiên-nhiên " Bà Mẹ vĩ-đại, yên-lặng, man-dã, ưng thuận tất cả ", khi là Mỹ-Châu, " Bà Mẹ đáng sợ, Bà Mẹ vĩ-đại, Bà là Mẹ đối với các con bình-đẳng ". Nhưng bất cứ cá-thể quyền-năng thế nào mà danh-từ chỉ-định, danh-từ ấy luôn luôn biểu-thị một quan-niệm Thực-thể Tối-cao, mà những âm-ba thâm-trầm gợi lên quan-niệm của Ấn-Độ : đấy là Thượng-Đế hữu-hình chi-phối tất cả chúng-sinh. Vivekananda từng thảo-luận với Ingersoll nhiều lần rất thân-thiện. Vậy thì làm thế nào mà bảo là ông lại không được nghe nói đến Whitman ?

Dù con người vĩ-đại ấy đã được biết qua những công-trình lớn-lao mà các nước đã viết về ông ta, và đặc-biệt ở nước Pháp, nhờ có người bạn đường quí-mến của chúng ta là

Bazalgette ( Walt Whitman, Con Người và Sự-Nghiệp ) " Walt Whitman, l'Homme et Son Œuvre, 1908 ". Tôi tưởng cần phải phác-họa ra đây về tư-tưởng tôn-giáo của Whitman, một trình-bầy vắn-tắt, bởi vì đấy là khiá cạnh sự-nghiệp của ông ít được người ta làm sáng-tỏ, _ vậy mà chính đấy là tâm-hồn ông .

Ý-nghĩa của tư-tưởng ấy không có gì là bí-hiểm cả. Nhà hiền triết Whitman không từng che giấu chân diện mục của ông. Tín-ngưỡng của ông bầy ra khắp cả trong tác-phẩm " Feuilles d' Herbe " " Leaves of Grass " ( Lá Cỏ ). Nó đặc-biệt tập-trung vào một bài thơ lớn, mà bài " Le Chant de Moi-même " " Song of Myself " ( Khúc-ca Tự-ngã ) đã làm quá lu mờ tất cả, và nay phải để nó lên hàng đầu, như Whitman đã xếp đặt tại đầu bản tối-hậu ngay liền sau những Dedicaces ( Cung Hiến ) Inscription ( Đăng Lục ). Ấy là bài " Parti de Paumanok " " Starting from Paumanok " ( Khởi-Hành từ Paumanok ) .

Ông đã tuyên-bố gì ? :

" _ " Ta khai-trương một tôn-giáo ...

"..... Ta bảo rằng toàn địa-cầu và tất cả tinh-tú trên trời chỉ hiện-hữu vì tôn-giáo ... "

" Hãy biết thế, chỉ vì để gieo rắc trên mặt đất những hạt giống cho một tôn-giáo lớn hơn mà

" Ta hát ...

" Để cho anh san sẻ với ta hai đại báu với cái thứ ba đang cất lên, bao hàm lấy chúng và rực rỡ hơn.

" Đại báu của Tình-yêu và của Dân-chủ và đại-báu của Tôn-giáo ."

( Vậy thì tại sao hai đại báu đầu thuộc về hạng thứ thường, ở các nhà bình-luận Whitman, đã che lấp đại báu thứ nhất, nó bao hàm hai đại báu kia ? ) .

Cái tôn-giáo ấy, ông đã quan tâm đến mức, ông nghĩ đem nó ra tuyên-bố khắp nước bằng những buổi diễn-thuyết, mặc dù ông

không ưa nói trước công-chúng mấy. Nó tóm-tắt hay kết-tinh cả vào một chữ, nó rung-động thần-diệu như âm-nhạc tâm-hồn Ấn-Độ : đấy là chữ " Đồng Nhất " ( Identité ). Nó tràn-ngập tác-phẩm của ông. Người ta nhận thấy nó trong hầu hết các bài thơ : " Khởi Hành Từ Paumanok " ; " Tự-Ngã Ca " ; " Calamus " ; Trên Bè Brooklyn " ; " Một Khúc Hát Vui Sướng " ; " Những Mảnh Vụn Trên Bãi Biển " ; " Tiếng Trống " ; " Nghĩ Đến Thời-Gian " v.v...

( Danh-từ ấy ngụ hai ý-nghĩa hơi khác nhau :

_ Ý-nghĩa lâu bền hơn :

1/ Tri-giác ngay cái Duy-nhất ;

2/ Sự thường còn của Bản-ngã trải qua du-hành vĩnh-cửu và những biến-hóa của nó. Cái ý-nghĩa này tôi xem như có khuynh-hướng chi-phối Whitman trong những năm đau yếu và tuổi già . )

Nếu phải làm một sự khảo-cứu đầy đủ về Whitman thì cần phải ghi-nhận sự tiến-hóa

trong tư-tưởng của ông, mà không có gì thay-đổi tính nhất-quán căn-bản, trải qua các cuộc thử-thách của đời sống, mà ông đã chịu-đựng đau đớn nhiều hơn, là chủ-nghĩa lạc-quan của ông, không muốn thú-nhận với công-chúng. ( Xem tập-lục " Chuchote la Divine Mort " = Cái Chết Thiêng-liêng Thì-thầm , " Heures d'Accablement = Những Giờ-phút Buồn-bực"). Bấy giờ hy-vọng quyết thắng mà đời sống không đủ nuôi dưỡng, đã đặt vào cái chết. Bấy giờ đời sống " đã biết " được đời sống " không biết " bổ-túc. Bấy giờ " ban ngày " phải mượn những ánh sáng mới của " ban tối ". ( Xem : " Penser au Temps ; Buổi chiều trên bãi cỏ = Soir sur les Prairies " ). Và tai ông lắng nghe " điệu nhạc " khác, mà cái " ngu tối " của mình không nghe thấy. _ Sau hết, người chết còn sống hơn là người sống, " có lẽ là những người sống duy-nhất, thật nhất ". ( " Mơ-màng và Lưỡng-lự " ).

" _ " Tôi không nghĩ rằng sự Sống cung-cấp cho tất cả... Nhưng tôi tin là sự

Chết Thiêng-liêng chu-cấp cho tất cả ." ( Certitudes = Chắc-chắn ) .

" _ " Tôi tin ngày rực-rỡ nhất cho đến lúc tôi là cái gì mà cái không-ngày bầy-tỏ... Ôi ! Tôi hiện thấy sự Sống không có thể bầy tỏ cho tôi tất cả, cả ban ngày cũng thế _ tôi thấy rằng tôi phải chờ đợi cái gì ở sự Chết sẽ bầy-tỏ cho tôi ." ( Soir sur Les Prairies )

Nhưng cơ-bản của tín-ngưỡng " Đồng-nhất-tính " vĩnh-cửu, duy-nhất, tồn-tại thì không có gì thay-đổi cả .

Đồng-nhất với tất cả hình-thái của sự Sống, thường-xuyên, từng phút từng giây. Trực-tiếp của Đồng-nhất-tính đã thực-hiện. Và xác-thực của vĩnh-cửu từng khoảnh-khắc từ nguyên-tử nhỏ nhất của Sinh-tồn .

Cái tín-ngưỡng ấy đã đến với Whitman như thế nào ?

Chắc hẳn là trong sự bất thình-lình, trong khải-ngộ, có lẽ đã xẩy ra trong khủng-hoảng của Bản-thể gần sau thời ba mươi tuổi và những xúc-động bất-định của chuyến du-hành sang Nouvelle-Orléans .

Hoàn-toàn khó mà có thể tin được rằng ông đã từng đọc về Ấn-Độ. Khi Thoreau, vào tháng 11 năm 1856 đến nói với ông rằng, tác-phẩm " Feuilles d'Herbe " của ông ( xuất-bản tháng 7 năm 1855 và lần thứ hai vào mùa hạ 1856 ) nhắc lại ông này những đại thi-ca Đông-phương và hỏi xem Whitman có từng biết đến không. Whitman quả-quyết trả lời : Không ! Và người ta không có lý do gì để nghi-ngờ sự chứng nhận ấy của Whitman. Ông ít đọc và ít sách để đọc ; ông không ưa thư-viện và những người sống trong thư-viện. Cho đến vãn-niên, ông cũng không có tò mò để kiểm-điểm lại những so-sánh của tiểu trung-tâm Concord về tư-tưởng của ông với tư-tưởng Á-Châu. Mỗi lần, trong những dẫn-dụ thần-thoại, ông thâu-

nhận bộ mặt Ấn-Độ, thì sự phô-diễn mơ-hồ của ông đủ bào-chứng cho chúng ta về chỗ không biết gì Ấn-Độ của ông vậy .

Điều càng thích-thú hơn nữa là, không biết làm sao ông ta không ra ngoài cái Ta của mình, cái Ta trăm phần trăm Mỹ, mà đáp ứng được với tư-tưởng Vedanta, tự mình không ngờ. ( Bởi vì sự thân-thuộc ấy, không một phần-tử nào trong nhóm Emerson là không nhận thấy, bắt đầu ngay từ Emerson, mà người ta đã không biết rõ lời tài-tình này : _ " Thơ " Lá Cỏ " ( Feuilles d'Herbe ) có vẻ như một pha-trộn Bhagavadgita ( Chí-Tôn-Ca ) với New-York Herald " .

Đối với Whitman, điểm xuất-phát là từ trong cái vốn riêng của dân-tộc ông, trong cái dòng tôn-giáo _ có vẻ phi-lý mấy đi nữa. Gia-tộc bên nội ông thuộc về cánh tả giáo-phái Tân-giáo Quaker, tập-trung, quanh một nhà tín-ngưỡng tự-do Elias Hicks, mà Whitman về thời vãn-niên đã dành cho ông này một tập tiểu-sử

nhỏ. Đấy là những nhà đại tôn-giáo cá-nhân, giải-phóng khỏi tất cả Nhà-Thờ và giáo-điều, quan-niệm tôn-giáo hoàn-toàn căn-cứ vào giác-ngộ nội-tâm, " Thần-hóa huyền-bí yên-lặng " .

Một khuynh-hướng tinh-thần như thế, ắt phải nuôi ở Whitman ngay từ buổi thơ-ấu một thói quen tập-trung tâm-linh, không có đối-tượng nhất-định, nhưng càng dễ thấm-nhuần vào tất cả những rung-động của sự sống. Thiên-tài riêng của chàng nhỏ Walt đã hoàn-thành nốt. Tự trong bản-tính, ông có một khả-năng tiếp-thụ, khiến ông không những chỉ như khách bàng-quan tầm thường, phung-phí một vài hạt giống vui hay sầu, ngoài hàng rào vũ-trụ, mà lập tức tự nhập-thể vào tất cả những đối-tượng ông nhìn thấy. Ông đã diễn-tả cái su-hướng hiếm có ấy trong bài thơ tuyệt-diệu của tập " Ruisseaux d' Automne " " Autumn Riverlets " ( Suối Thu ) :

" Có một đứa trẻ ra đời
" Vật đầu tiên nó thấy, tức thời nó thành vật ấy .
" Vật ấy biến thành một phần nó suốt một ngày, hay là một buổi trong ngày,
" Hay là trong nhiều năm, hay là kéo dài suốt vận-hội .
" Tất cả trở nên thành phần đứa trẻ mỗi ngày nó đã ra đời .
" Và nay nó đi ra, luôn luôn còn đi ra, ngày lại một ngày ."

Đối với ông, do bản-năng thuần-túy, không suy-nghĩ, tất cả vũ-trụ là mình, không phải là đối-tượng khách-quan mà là chủ-thể. Khi bất-thình-lình ông giác-ngộ điều ấy, vào tuổi ba mươi, như là một thời phục-sinh của mình ( dáng chừng vào khoảng 1851 - 1852 ) thì đấy là một tia chớp sáng lòa, một thần-hóa bột-phát :

" Ôi ! lạc-thú, ông nói, của tâm-hồn tôi quân-bình với chính mình, tiếp-nhận đồng-nhất-tính suốt qua sự-vật cụ-thể !...

Tâm-hồn tôi, tự nơi chúng phản-chiếu lại về tôi, thành ba-động ... "

Ông thấy có vẻ như mình " lần đầu thức-tỉnh và tất cả quá-khứ chỉ là một giấc-ngủ khốn-nạn ." ( Calamus ).

Sau hết thì một vài bài diễn-giảng hay thuyết-trình của Emerson không có thể trí-thức-hóa cái trực-giác của Whitman và kéo trực-giác ấy về bình-diện những ý-niệm vốn rất bất-định và thiếu liên-hệ : bởi vì ở con người ấy luôn luôn lãnh-đạm với cái luân-lý của các suy-luận và kiến-thiết siêu-hình, tất cả cái chuỗi những ý-niệm đều căn-bản qui về điểm hiện-tại và khải-ngộ, nó làm xuất-hiện tức thì cái vô-hạn-tính của không-gian và thời-gian, khiến cho ông lập-tức tri-giác, ôm lấy, phối-hợp, trở nên vừa là mỗi một đối-tượng của những đối-tượng đặc-thù, và vừa là toàn-thể vĩ-đại, sự triển-khai và hòa-đồng tất cả Vũ-trụ thể-hiện tại mỗi mảnh nguyên-tố sống-động .

" Một cây bìm-bìm ở cửa sổ của tôi thỏa-mãn cho tôi hơn là siêu-hình-học ở các sách ."
_ ( Chant de Moi-même = Tự-Ngã Hành )

Và bài Calamus bất-hủ :

" Từ hoài-nghi ghê-gớm của ảo-ảnh ". Trong cái " nghi-ngờ ghê-gớm " ấy, trong đó tất cả lung-lay, không một ý-niệm nào, một lý-luận nào cứu giúp được, không chứng thực được gì, chỉ có bàn tay của bạn thân sờ vào là truyền được cho cái đích-xác tuyệt-đối :

" Người cầm tay tôi làm cho tôi hoàn-toàn mãn-nguyện ."

Có gì khác đâu với cái điểm thần-hóa, trạng-thái Samadhi = Tam-ma-địa say sưa nhất của một tín-đồ Sùng-bái ( Bhakti Yogin ) một khi đạt tới ngay tuyệt-đỉnh thực-hiện và làm chủ được nó rồi, lại trở về mà mang theo trong tất cả hành-vi động-tác và tư-tưởng của đời sống hàng ngày ! ( Những kỷ-niệm của Cô

Hélène Price do Bucke trích-dẫn trong " Whitman " tr. 26-31 mô-tả theo sự đã chứng-kiến trạng-thái thần-hóa của ông thể-hiện trong khi sáng-tác một số thi-ca . )

Ở đấy chúng ta thấy được một tỉ-dụ kiểu-mẫu của khuynh-hướng tự-nhiên về Bất-Nhị-Pháp Vedanta sẵn có ở Mỹ-châu từ lâu, trước khi Vivekananda đến. Sự thực, nó là khuynh-hướng đại-đồng của tâm-hồn nhân-loại ở tại các xứ và qua các thời-đại, không chút gì liên-hệ như các nhà Vedanta Ấn hay lầm-tưởng vào một bộ học-thuyết của một nước, nhưng mà ít hay nhiều được khuyến-khích hay bị áp-bức bởi những trường-hợp bất ngờ của lịch-trình tiến-hóa ở các dân-tộc khác nhau với các Tín-điều và tập-tục làm cơ-sở để xây-dựng văn-minh của chúng. Người ta có thể nói được rằng, trạng-thái tinh-thần vốn tiềm-tàng ở tất cả mọi người có mang tại bản thân một số tia sáng của lửa sáng-tạo, và đặc-biệt là ở các nhà nghệ-sĩ vĩ-đại nhất, mà ở bản-thân họ không những chỉ phản-ảnh như trong con mắt lãnh-đạm của

đa số trung-bình, mà còn là hiện-thân vũ-trụ nữa. Tôi đã có dịp chứng-tỏ ở Beethoven những khủng-hoảng say cuồng hợp-nhất với Mẹ _ bất cứ danh-hiệu nào người ta đặt cho Bản-thể tiềm-tàng mà tâm tri-giác ở mỗi tiếng đập của trái đất. Và đại thi-ca Âu-Tây thế-kỷ XIX, nhất là thi-ca của người Anh, thời Wordsworth và Selley thì tràn-ngập những tia chớp thình-lình ấy. Nhưng không một thi-sĩ Tây-phương nào đã mạnh-mẽ và ý-thức bằng Whitman, để tập-trung tất cả những tia lửa rải-rác thành lò than hồng và dựng trực-giác của mình thành tín-ngưỡng, tín-ngưỡng cho dân-tộc mình, tín-ngưỡng cho thế-giới, tín-ngưỡng cho cả nhân-loại .

Điều đáng lạ là cái tín-ngưỡng ấy đã không được đối-chiếu với tín-ngưỡng của Vivekananda. Vivekananda có lẽ đã phải kinh-ngạc về bao nhiêu chỗ tương-đồng bất ngờ : _ Cái tình-cảm rất sâu sắc ở Whitman, rất tha-thiết, rất bền-bỉ về cuộc du-hành của cái " Ngã " trải qua hàng ức triệu năm và những

kiếp " tái sinh " bất-tận, nó lập sổ kế-toán chi thu, lỗ lãi của mỗi đời sống kiếp trước _ .

" Thân-thể thật, không có thể chết. Mỗi thân-thể thật đi qua các vận tuần thích-ứng, mang theo lợi-tức nó đã thu-hoạch kể từ lúc sơ-sinh cho đến lúc chết đi." _ ( Parti de Paumanok ) .

" Sự vượt biển của linh-hồn, không phải chỉ có một sự sống ,

" Sự chết, nhiều cái chết, ta muốn ca hát ... " _ ( Débris sur la Grève = Mảnh Vỡ Trên Bãi Biển ) .

Bài " Chant de Moi-même = Tự Ngã Ca " mở ra một đại quan tuyệt-diệu " từ đỉnh của các đỉnh bậc thang " : _ " Rất xa đến tận đáy Không-Hư nguyên-thủy vĩ-đại ", rồi hành-trình của Ngã, " những niên vận tuần-hoàn " nó chở " từ bờ nọ sang bến kia, trèo chở, trèo gậy như những lái đò vui vẻ " với tín-tưởng chắc-chắn người ta đến đích bất cứ thế nào ! "... và phải

đến chung cục của tôi hôm nay, hay trăm ngàn năm sau, hay mươi triệu năm sau ."

Trong bài thơ " Nghĩ Về Thời-Gian " :

" Có một vật gì từ lâu vô-hình sửa-soạn, đã đi đến và đã hiện hình ở người .

" Cái gì muốn đến hay là đi, từ nay người ở ngoài ảnh-hưởng .

" Định luật tiến-bộ hay là biến-hóa không có thể trốn tránh ."

Bài " Thiên Ý Ca " ( Trong Suối Thu ) thiết-lập theo định-luật Nghiệp-báo ( Karma ) Ấn-Độ rằng mỗi cử-chỉ ảnh-hưởng vào những kiếp tái sinh " nhưng Whitman tai hại đã thêm vào danh-từ " Business = Bán mua ": " Những đầu-tư tốt nhất là việc từ-thiện và năng-lực cá-nhân ."

Đáng chú-ý nhất có lẽ là những bài hát :

" Diện Mục " ( trong tập " Từ Buổi Trưa Đến Đêm Sao Sáng ) gợi lên những bộ mặt nhơ-nhuốc, ghê-tởm như là những " mõm "

của một thời, một khi dựt bỏ đi từng mắt lưới một, về sau thì khám-phá bộ mặt vinh-quang :

" Người tưởng rằng chúng thỏa-mãn được ta nếu ta tin chúng là cứu-cánh của chúng ?

" ... Ta trở lại nhìn chúng hai mươi thế-kỷ về sau hay là hai thế-kỷ nữa ."

Đến lúc sắp mất, kết cục ông nói :

_ " Ta nay thụ nhận lần nữa một trong nhiều độ đường, ta bước lên những bậc thang của kiếp giáng-sinh, trong khi những kẻ khác chắc hẳn đang đợi ta ."

_(" Vĩnh Biệt " trong " Chant d'Adieu ")

Atman Brahman, cái Ngã sinh đôi mà không một trong hai ngôi phải tự hạ trước đối-phương. " Đại Ngã là chính Tự-Ngã... Ta tin vào người, linh-hồn ta, cái kia mà là ta, không phải cúi mình trước mặt người _ và người không phải cúi đầu trước mặt cái kia... ( Tự Ngã Ca ) .

Cái lưới Ảo-hóa ( Maya ) ông xé rách và qua những mắt lưới rộng mở, con mắt nhìn của Thượng-Đế sáng ngời, :

" Vầng tròn của vô số vầng tròn tạo nên _ hỡi Người, nguyên-lý bồng bột sôi động, Người, mầm giống tiềm-tàng trân-trọng bảo-vệ, Người, trung-tâm ! " _ ( Dédicaces = Cung-Hiến ). Ai chẳng bảo là một bài tụng ca Veda ?

_ Bài " Chant de l'Universel " ( Khúc Hát Đại-Đồng ) huy-hoàng, trong ấy thực-hiện sự dung-hòa, hòa-điệu các trái nghịch _ sự ôm-ấp tất cả các tôn-giáo, tất cả các tín-ngưỡng và không tin và cả các nghi-hoặc nữa, tất cả khuynh-hướng tư-tưởng, cái đại-đồng-tính ấy của tất cả tâm-hồn vũ-trụ, nó ở Ấn-Độ vốn là sứ-mệnh đặc-biệt do Ramakrishna truyền lại cho đệ-tử của Ngài _ cái " Tất cả đều là Chân-lý ! " :

" Ta không miệt-thị các người, giáo-sĩ của tất cả các thời-đại, khắp trên mặt đất .

" Tín-ngưỡng của ta vừa là lớn nhất vừa nhỏ nhất .

" Nó bao-hàm các thờ cúng cổ xưa và các thờ cúng hiện đại và tất cả thờ cúng .

" Ở giữa cũ và mới .

" Hãy hòa-bình với nhau, người hoài-nghi, rầu-rĩ, tuyệt-vọng ...

" Trong đám các người, ta ngồi, cũng như ta ngồi chung với tất cả các người khác ... "

( Chant de Moi-Même )

" Ta tin rằng chủ-nghĩa duy-vật là thật và chủ-nghĩa duy-tâm là thật ...

" Với những người đi trước "

_ ( trong "Oiseaux de Passage = Hậu Điểu = Chim Mùa )

Cũng trong thi-tập ấy, Whitman lên tiếng phản-đối cũng như Ramakrishna, tất cả chủ-trương thiết-lập về mình một hệ-thống lý-thuyết hay là một học-phái .

" Tôi khẩn-cầu người ta đừng thiết-lập cho tôi lý-thuyết hay là học-phái .

" Tôi khẩn cầu hãy để cho tất cả tự-do ."

( " Moi-Même et les Miens = Tự Ngã và Người của Tôi " )

Sau hết, cũng như Ramakrishna và Vivekananda, Whitman tuyên-bố từ-chối tuyệt-đối việc tham-gia vào chính-trị, ông biểu-lộ sự ác-cảm của ông đối với tất cả hành-động xã-hội, nó thi-hành bằng phương-tiện bên ngoài. Sự cải-cách duy-nhất, ông cầu tìm thì hoàn-toàn nội-tâm :

" Mỗi người, bất cứ thuộc giai-cấp nào hay địa-vị xã-hội nào hãy tu thân và mở mang nhân-loại tính của mình ."

Trong tập " Từ Trưa Đến Đêm Sao " " De Midi à la Nuit Etoilée " :

" Không có thể có sự dối-trá. Mỗi vật biểu-thị chính-xác cái tự-ngã và cái gì đã đi trước nó ."

Và cả đến một số nét tính-tình cá-nhân ( giữa Whitman và Ramakrishna - Vivekananda ) chẳng đã tương-đồng đấy ư ? Cái tinh-thần bão-phụ lớn kia, muốn đứng ngang hàng với Thượng-Đế :

" Chẳng có gì, cả đến Thượng-Đế, không lớn hơn đối với mỗi một tự-tính, tự-ngã ...

" Ngã, tôi tò-mò về tất cả, không chút tò-mò về Thượng-Đế ...

" Tôi không biết có thể có cái gì lạ lùng hơn là chính tôi .

" Tại sao tôi muốn thấy Thượng-Đế hơn là tôi thấy Ngài bữa nay ? ...

" Tôi thấy Thượng-Đế trên mặt các nam và nữ và trên chính mặt tôi trong gương .

_ ( Chant de Moi-Même = Tự-Ngã Ca )

" Chẳng phải trái đất, chẳng phải Mỹ-châu là vĩ-đại .

" Chính tôi là vĩ-đại, hay là tất nhiên thành vĩ-đại !...

" Tất cả lý-thuyết về vũ-trụ ắt kết-thúc vào một cá-nhân _

" Ấy là Ngươi ."

_( Au Bord de l'Ontario Bleu = Trên Bờ Ontario Biếc )

Cái tinh-thần chiến-sĩ của cấp Kshatrya = Võ-sĩ Ấn " kẻ thù của nghỉ-ngơi ", anh em ruột của chiến-tranh, nó không sợ nguy-hiểm và cái chết chút nào, nó gọi chúng tới :

" Tôi là thù-địch của nghỉ-ngơi và làm cho kẻ khác giống thế .

" Lời nói của tôi là khí-giới đầy nguy-hiểm, đầy chết-chóc .

" Cùng những yếu-tố đẻ ra chiến-tranh, chúng đẻ ra tôi ."

_ ( Coups de Tambour = Tiếng Trống )

Cái tinh-thần thờ-phụng, cái Ghê-gớm này, làm ta tưởng lại những lời tâm-sự rùng-

rợn và tuyệt-vời của Vivekananda cho Nivedita trong chuyến hành-hương ngây-ngất vào Hy-Mã-Lạp-Sơn :

" Tôi coi mình là đặc-biệt của tôi, mình, các hình-tướng sù-sì ghê-gớm .

" Mẹ, hãy cúi xuống, cúi mặt Mẹ vào lòng tôi !

" Tôi không hiểu vì mục-đích gì tất cả những mưu-mô và chiến-tranh và tội ác kia .

" Tôi không biết thành-công của thắng trận, nhưng tôi biết trong chiến-tranh và tội ác, sự-nghiệp của Mẹ tiếp-tục... "

_ ( Trên Bờ Ontario Biếc = Au Bord de l'Ontario Bleu )

Và tất nhiên tôi cũng thấy cái gì ở Whitman có thể không thích-hợp với Vivekananda, ấy là cái mớ hẩu-lốn của New-York Herald với Bhagavad Gita, nó đã làm cho Emerson phải mỉm cười _ cái thứ báo-chí siêu-

hình-học, cái thứ bác-học tạp-hóa, thu gọn vào những tự-điển _ cái thói bầy hàng có vẻ chợ búa của Thủy-tiên lông lá, cái lòng tự-mãn khổng-lồ về mình và dân-tộc mình _ cái chủ-nghĩa dân-chủ Mỹ mà tính khoe-khoang con nít, tính thô-lậu tầm-thường, hớn hở trước mặt gương của mình, đã làm cho nhà đại-gia quý-phái Ấn phải nổi lòng khinh-miệt, nhất là sự thân-mật tai hại của chủ-nghĩa duy-tâm với những trò chơi khả-nghi về " siêu-hình-học " trước cả siêu-hình, chủ-nghĩa thần-thông, thông-linh, ma-thuật v.v... mà Vivekananda không từng dung thứ .

( Một trong những bài thơ cuối cùng của Whitman " Continuités = Liên-Tục " trong tập " Heures de Mes Soixante-dix Ans = Giờ Phút Năm Bẩy Mươi Tuổi " theo chính lời ông nói, là khởi-hứng bởi một buổi nói chuyện với nhà thông-linh _ Ông tin-tưởng chắc-chắn, nhắc đi nhắc lại nhiều lần vào sự trở lại thật của người chết trong đám người đang sống :

" Những người sống nhìn thi-hài với con mắt của chúng ,

" Nhưng còn có một người sống khác không có con người, nó la-cà tò-mò nhìn ngắm thi hài ... "

_(Penser au Temps = Nghĩ Về Thời-Gian)

" Những chúng-sinh, đồng-nhất-thể chắc-chắn với chúng ta trong không-trung lúc này, mà chúng ta không hề biết ... "

_ ( Parti de Paumanok = Khởi-hành từ Paumanok )

Ông tin chắc sự phân-biệt giữa một " thân-thể thật " và một " thân-thể hủ bại " :

" Thi-hài mà người rời khỏi sẽ chỉ là một di-vật hủ bại .

" Những cái người tâm-linh-thể vĩnh-cửu thì chắc chắn sẽ thoát khỏi .

" Cái ngã của ta lột bỏ thể-xác hủ bại sẽ thiêu đốt đi, tan thành tro bụi, hay là chôn xuống đất .

" Cái thân-thể thật của ta chắc-chắn còn lại cho cõi đời khác ."
_ ( Un Chant de Joies = Một Khúc Hát Của Niềm Vui )

Những đụng-độ ấy không thể cản-trở được sức hấp-dẫn của miệng nam-châm khổng-lồ vào miệng sắt tâm-hồn của một Vivekananda. Và thực thế, sau đấy chúng đã không cản-trở nổi, vì rằng nay chúng ta có bằng-chứng là khi Vivekananda về Ấn-Độ, ông có đọc " Feuilles d'Herbe " và thường gọi Whitman là nhà đạo-sĩ " Sannyasin Mỹ-châu ", như thế đã xác-định sự thân-thuộc chung của hai người. _ ( Chính tại tỉnh Lahore, vào cuối năm 1897, sau khi ở Mỹ-quốc trở về, Vivekananda, thấy trong tủ sách của một chủ-nhà Ấn, Tertha Ram Goswami, một bản " Feuilles d'Herbe ", ông đã hỏi mượn để đọc hay là đọc lại. Theo câu chuyện kể lại rằng : " Ông thường gọi Whitman là " nhà đạo-sĩ Sannyasin Mỹ-châu ", không biết lời bình ấy xuất-phát trước hay sau thời kỳ này ). Vậy thì

phải chăng nên tin rằng, Vivekananda đã khám-phá ra Whitman vào cuối thời kỳ ông du-lịch tại Mỹ-quốc, bởi vì suốt thời-gian này các đệ-tử của ông không từng nói đến chi-tiết liên-hệ ấy trong tiểu-sử. Dù sao thì tinh-thần Whitman còn đấy, nó chứng thực rằng nước Mỹ đã sẵn-sàng đón nhận tư-tưởng Ấn-Độ. Nó đi đến trước mặt. Và nhà tiên-tri già ở Camden đã trịnh-trọng báo tin ngày đến của Ấn-Độ :

> "Về với chúng ta, hỡi đô-thành ta ơi,
> " Nguồn sáng-tạo đến ,
> " Tổ các tiếng nói, tiếng nói di-truyền cho chúng ta những bài thánh-thi, nòi giống xưa kia ...
> " Nòi giống Brahman đến . "
> _ ( A Broadway Pageant )

Whitman đã giang tay đón lấy Ấn-Độ. Ông đã gửi gắm " Chiếc Thuyền Dân-chủ " ( La Nef de la Démocratie ) của nước Mỹ cho nhà tôn-giáo du-hành, nhà Hành-hương của Ấn-Độ :

" Cái quá-khứ cũng đặt ở người...
" Người mang đi các bạn đường vĩ-đại .
" Á-châu tăng lữ kính tôn bữa nay cùng với người đồng hành vượt biển ... "
_ ( Thou Mother With Thy Equal Brood = Bà Mẹ Với Con Cháu Bình Đẳng )

Như vậy thì các nhà chép tiểu-sử Ấn-Độ về Vivekananda, đáng tiếc, đã bỏ sót khi họ không nêu tên Whitman lên hàng đầu các vị, mà tư-tưởng dương danh Tân-Thế-Giới cho người khách lạ .

Nhưng sau khi đã đặt lại vị-trí chính đáng của ông, bên cạnh Vivekananda, vai kề vai, và cùng ngang vai nhau, chúng ta phải thận-trọng không dám phóng-đại ảnh-hưởng của ông ở Mỹ-quốc _ Nhà thơ Homère ( Cổ-điển Hy-Lạp) ấy, của " En Masse " ( Đại-Chúng ) đã không thành-công trong việc lay động quần-chúng. Người báo tin các đại vận-mệnh của Dân-chủ Mỹ chết đi không ai hiểu, hầu như " không trống không kèn ", các nền Dân-chủ Tân-Thế-

Giới không biết. Người ca-sĩ của cái " Trung-lưu Thần-linh " kia chỉ được một thiểu-số thượng-lưu nghệ-sĩ yêu-mến và tôn-kính _ và có lẽ của nước Anh hơn là của Hiệp-Chủng-Quốc .

Lời nói cuối cùng của Whitman, bài thơ : " Adieu Ma Fantaisie ! " (Vĩnh-Biệt Cái Ngông Cuồng Của Ta). Ông còn tuyên-bố :

_ " Ta hát đại-chúng trung-bình, đội quân đại-đồng của đám trung-lưu ." _

*****
*

# - V -

# THUYẾT-PHÁP Ở MỸ-QUỐC

Tất cả mớ biểu-hiện tinh-thần mà tôi chỉ mới có thể phác-họa ở đây, và tôi xin giao lại sự khảo-cứu thâm sâu cho một nhà sử-học về Tâm-hồn mới của Tây-phương, để cho ta hiểu rằng tư-tưởng Hiệp-Chủng-Quốc từ một nửa thế-kỷ nay được những chất men ấy nghiền ngẫm thì tự thấy hơn là tư-tưởng Tây-phương khác, mà sẵn sàng tiếp đón Vivekananda .

Ông vừa mới cất tiếng đã có các đám nam nữ kéo đến khao-khát được nghe. Họ từ tất cả các giới đến : từ các phòng khách và các Đại-học-viện, có tín-đồ Cơ-Đốc chân-thật thuần-túy cũng như có các bất-khả tri-luận và tự-do tư-tưởng thành-thật. Điều làm cho Vivekananda chú ý _ và ngày nay chúng ta còn chú ý, đấy là

trên đất trẻ và già ấy, nó còn là bí-quyết, hy-vọng, lo sợ, cho tương-lai _ người ta thấy khắp nơi, bên cạnh nhau cùng nẩy-nở những năng-lực tối cao với những năng-lực ghê-tởm, một khao-khát vô-biên về Chân-lý, một khao-khát vô hạn về giả-dối, một lòng vô-tư tuyệt-đối với sự tôn-thờ bẩn-thỉu kim-tiền, một tính-tình chân-thật hồn-nhiên, một tính khoe-khoang rao hàng. Mặc dù có những phút bộc-lộ nhiệt-liệt về tính-tình bồng-bột của mình, Vivekananda cũng còn đủ tinh-thần khoan-dung độ-lượng để giữ thăng-bằng giữa cảm-tình và ác-cảm. Luôn luôn ông biết công-nhận những đức tính và năng-lực chân-thật của Mỹ-châu người Anh .

Sự thực tuy ông có thiết-lập trên đất này những sự-nghiệp lâu bền hơn cả ở nơi khác bên Ân-châu, ông không bao giờ cảm thấy vững chân bằng sự-nghiệp lập trên Anh-quốc mà ông đã biết sau này. Nhưng không có gì vĩ-đại ở nước Mỹ mới mà ông không tiếp-xúc với lòng kính-cẩn, không thử gắng tìm-hiểu và không lấy làm gương-mẫu để khích-lệ đồng-bào ông :

_ nào là các hệ-thống kinh-tế, tổ-chức kỹ-nghệ, giáo-dục công-cộng, bảo-tàng-viện và phòng triển-lãm nghệ-thuật, tiến-bộ khoa-học, quy-chế vệ-sinh và cứu-tế xã-hội. Ông đỏ mặt tiá tai khi so-sánh những nỗ-lực tốt đẹp mà nước Mỹ đã thành-tựu được trong khu-vực này, sự rộng-rãi cho mục chi-phí công về mục tiêu chung đối với sự lãnh-đạm xã-hội của nước mình. Và ông quá thẳng tay chỉ-trích sự kiêu-căng vô-tình của Tây-phương, lại càng thẳng tay hơn để sỉ-nhục sự kiêu-ngạo của Ấn-Độ trước gương-mẫu đồ-sộ của các công-trình xã-hội Tây-phương ...

Vừa thăm xong một nhà tù kiểu-mẫu cho phụ-nữ, trong đó ông thấy phạm-nhân được đối-sử nhân-đạo, nghĩ đến sự lãnh-đạm độc ác của người Ấn đối với những kẻ nghèo khó và hèn yếu không còn cách nào để tự cứu, ông kêu lên : " Ôi, phường giết người !... Không tôn-giáo nào trên mặt đất này đã có giọng cao-siêu hơn để thuyết-pháp về nhân-phẩm con người . Và không một xã-hội nào đè đầu cưỡi cổ

những kẻ khốn-nạn một cách bất-nhân hơn là xã-hội Ấn. Không phải lỗi ở tôn-giáo, chính là lỗi ở bọn thày tu giả-dối, những giáo-phái ."

Bởi vậy nên ông không ngừng khẩn-cầu, khích-lệ, kêu gào thanh-niên Ấn :

> " _ " Các con ơi, sửa-soạn ra trận ! Ta được Chúa sai đến để nói điều ấy cho các con... Hy-vọng ở tại các con, ở tại những kẻ yếu hèn, những kẻ nhu mì, những kẻ trung-trực. Hãy yêu lấy những người cùng khốn ; còn về sự giúp-đỡ, hãy ngẩng lên trời ! Nó sẽ có ! Ta đã du-hành hàng năm với trái tim chĩu nặng và ý-niệm ấy trong đầu. Ta đã gõ hết cửa này đến cửa nọ, nhà giầu có, nhà quyền-thế có, trong tim nhỏ máu. Ta đã vượt nửa thế-giới để đến cái đất xa lạ này, cầu tìm cứu-tế khắp nơi. Chúa sẽ giúp ta. Có thể rằng ta chết trên đất này, chết đói và chết rét. Nhưng các con ơi, ta truyền lại cho các con tình-yêu của ta, cuộc phấn-đấu của ta cho những người nghèo-khó, ngu-

dốt, bị áp-bức. Hãy gục đầu xuống đất trước mặt Chúa, và hy-sinh cả cuộc đời mình cho chúng. Hãy phát-nguyện, cống-hiến tất cả đời sống của mình, để chuộc tội cho ba trăm triệu người kia càng ngày càng ngã xuống, sa-đọa. Vinh-quang thay Chúa ! Chúng ta tất thắng. Hàng trăm người sẽ ngã gục trong chiến-trận. Hàng trăm người sẽ tiếp-tục chiến-đấu. Tình-yêu và đức-tin ! Sự sống chẳng là chi hết. Vinh-quang về Chúa. Hãy tiến lên ! Chúa là tướng chỉ-huy của chúng ta. Đừng nhìn về đàng sau, những người ngã gục ! Tiến lên ! ... "

Và cái lá-thư tuyệt-diệu ấy gợi lên bởi cảnh-tượng từ-thiện xã-hội cao-quí của nước Mỹ, để được kết-thúc bằng một tiếng kêu hy-vọng, chứng tỏ rằng con người thường đã mạt sát những tín-đồ giả của tín-ngưỡng Cơ-Đốc, cảm thấy hơn ai hết cái hơi thở Tình-yêu Từ-thiện ( Amor Caritas ) nó làm sống-động tín-ngưỡng chân-chính ấy :

" _ " Ta hiện ở đây, giữa đám con cháu của con trai Đức Mẹ Marie và Chúa Jésus sẽ ủng-hộ ta ... " _ ( Bức thư viết trước Hội-nghị Các Tôn-giáo ) .

Không, ông không phải hạng người để tâm về biên-giới tôn-giáo ! Ông phải nói lên cái lời nói mạnh này :

" _ " Rất may được sinh ra trong một Nhà-Thờ. Nhưng thật ghê-sợ phải chết ở trong ấy ."

Đối với những tiếng kêu phẫn-nộ của bọn ngu-tín _ Cơ-Đốc-giáo hay Ấn-Độ-giáo _ tự tin có sứ-mệnh canh cửa, đóng kín cái tín-ngưỡng độc-tôn của chúng, không để cho một kẻ vô-thần nào vào được, ông trả lời :

"_ " Kìa ! Dù chúng ta tín-đồ Ấn-Độ-giáo, Hồi-giáo hay Cơ-Đốc-giáo đối với ta có hề gì ! Nhưng những kẻ yêu Chúa luôn luôn sẽ có thể trông đợi vào việc phụng-sự của ta. Hỡi các con, hãy nhẩy vào lửa !... Nếu các con còn có đức

tin thì tất cả sẽ đến... Ai nấy, mỗi người, hãy cầu-nguyện ngày đêm cho hàng triệu sinh-linh bị trà đạp ở Ấn-Độ, làm nô-lệ cho nghèo-khó, cho bọn giáo-sĩ và cho bọn chuyên quyền ! Ta không phải nhà siêu-hình-học, triết-gia hay là thánh-nhân! Ta nhgèo, ta yêu kẻ nghèo khó. Ai là người có cảm-tình ở Ấn-Độ với hai trăm triệu nam nữ chìm đắm trong ngu-dốt và nghèo-khổ ? Ai là người chỉ đường cho chúng để giải-thoát ? Ai là người đem cho chúng ánh-sáng ?... Những kẻ nghèo-khổ ấy hay là Thượng-Đế của các con !... Chỉ người nào biết đau lòng thấm-thiá đối với kẻ nghèo khổ, người ấy mới được ta gọi là Thánh ( Mahatma ). Nhưng chừng nào còn hàng triệu kẻ sống đói khát và ngu dốt, thì bất cứ người nào được giáo-dục trên lưng chúng mà không nghĩ gì đến chúng, ta gọi kẻ ấy là một kẻ phản-bội !... " _ ( Thư cho đệ-tử ông ở Ấn-Độ _ trong " Vie de Vivekananda " ch. 83 )

Vậy là không một lúc nào ông rời bỏ cái ý-tưởng đầu tiên về sứ-mệnh của ông, sứ-mệnh mà móng vuốt đã đào bới vào thân tâm ông trong khi ông lữ-hành suốt Ấn-Độ, từ Bắc chí Nam, từ Nam chí Bắc, giữa Hy-Mã-Lạp-Sơn ( Himalayas ) tới mũi đất Comorin : Cứu vớt dân-tộc mình, thể-xác và thần-hồn ( trước hết là thể-xác, trước hết là cơm gạo đã ), vận-động cả thế-giới để cứu-trợ nó, bằng cách mở rộng mục-tiêu của nó cho đến khi mục-tiêu ấy là của các dân-tộc, mục-tiêu của dân nghèo, kẻ bị áp-bức khắp thế-giới. Trao đổi, đổi trao ! Đừng nói đến việc chìa tay xin bố-thí của lòng thương hại từ trên ném xuống. Bình đẳng ! Kẻ thụ-nhận, đem cho, và đem cho tương đương với vật đã thụ-nhận nên chẳng còn có hơn ai nữa. Nó thụ-nhận sự Sống, nó đem cho sự Sống, nó đem cho Thượng-Đế. Vì rằng những kẻ khốn-nạn kia, cái Ấn-Độ rách rưới kia, những kẻ hấp-hối kia, đều có chung Thượng-Đế. Dưới sự áp-bức của đau khổ và tủi nhục nó dầy vò dân-tộc hàng mấy thế-kỷ, vẫn còn tuôn chảy, ngấu và đọng rượu Tinh-thần Vĩnh-cửu.

Hãy lấy đi, uống đi. Chúng có thể nói lại những lời, trong buổi ăn cuối cùng, của Da-Tô với sứ-đồ : _ " Vì đây là máu ta... " Chúng là đấng Cơ-Đốc của dân-tộc .

Vậy thì trước con mắt của Vivekananda, nhiệm-vụ là sinh đôi : phân-phát cho Ấn-Độ, tiền tài và của cải của văn-minh Tây-phương đã thu-hoạch được ; phân-phát cho Tây-phương kho báu tâm-linh của Ấn-Độ. Trao-đổi thực-thà. Tương-trợ anh em ruột thịt .

Không những ông chỉ quí báu vật-chất của Tây-phương. Ông quí cả những giá-trị xã-hội, những giá-trị tinh-thần. Người ta vừa nghe thấy ông thốt lời hoan-nghênh lòng nhân-đạo của một dân-tộc lớn, biết tự-tôn, cảm thấy ngày nay phải chứng-tỏ cả đối với những kẻ nó cho là phạm tội. Ông hết mình khâm-phục đối với cái tinh-thần bình-đẳng dân-chủ, hình-thức của nó tỏ cho ông thấy trong cùng một toa xe điện, một nhà tỉ-phú với một phụ-nữ bình-dân sát cánh kề vai nhau. Ông gán cho ở đấy một ý-

nghĩa chân-thật hơn là cái bề-ngoài lừa dối ấy, mà bên trong là cái máy nghiền nát kẻ sa-ngã nó hành-động. ( Mãi sau này mắt ông mới sáng ra ). Trong chuyến du-hành sang Mỹ-quốc lần thứ hai, ông mới lột mặt nạ của nó : những tệ-đoan xã-hội, kiêu-ngạo chủng-tộc, tín-ngưỡng và mầu da, đã hiện ra cho ông. chúng làm ông tức thở. Ông, con người đã tuyên-bố trong bài diễn-văn hùng-hồn ngày 19 tháng 9 năm 1893 trước Hội-nghị Các Tôn-giáo : _ " Ôi, Colombie, tôi chào Bà, mẹ của tự-do ! Bà chưa từng dúng tay vào máu của đồng loại láng-giềng, Bà được có sứ-mệnh ... " Ông phát-hiện với lòng tức-giận thất-vọng cái bộ mặt đế-quốc đô-la ngốn nát. Ông nói với Cô Mac Leod rằng :

> _ " Vậy ra thì Mỹ-quốc cũng thế !... Vậy sẽ không phải nước Mỹ, sẽ là Trung-quốc, hay là nước Nga sẽ thành-tựu sự-nghiệp ... ( thực-hiện sứ-mệnh sinh đôi, liên-minh Tây-phương với Đông-phương .)"

Lúc này ông đương cảm thấy đau đớn về sự bất-bình-đẳng giết người giữa các cấp và ngoại cấp ở Ấn-Độ. Ông viết :

_ " Vận-mệnh Ấn-Độ bị niêm-phong lại kể từ ngày người ta sáng-tác chữ " ngoại-lai = Mleccha " nó đóng cửa việc giao-thông với những người khác ."

Ông tuyên-bố sự thiết yếu tiên quyết về một tổ-chức dạy Ấn-Độ " tình tương-trợ và thông-cảm lẫn nhau " theo gương các nền dân-chủ Tây-phương .

Ông cũng ngưỡng-mộ giá-trị trí-thức cao của những người phụ-nữ ở Mỹ, và việc sử-dụng quyền tự-do một cách cao cả của các bà. Ông đối lập sự giải-phóng của họ với sự giam cầm của phụ-nữ Ấn ; và kỷ-niệm về sự đau khổ của một trong các người em gái ông đã mất yểu, khiến cho ông tự cho mình có bổn-phận phải làm việc để giải-phóng họ .

Ông không chút tự-ái chủng-tộc để công-nhận sự tiến-bộ xã-hội Tây-phương về nhiều phương-diện, và muốn lợi-dụng những điều ấy cho dân-tộc mình .

> " Về phương-diện tâm-linh thì dân Mỹ thấp kém hơn chúng ta nhiều, nhưng xã-hội của họ lại cao hơn xã-hội của chúng ta nhiều ."
> _ ( Thư gửi cho dệ-tử ở Madras )

Nhưng ông tự-hào chỉ thu-nhận một cái gì của người với điều-kiện trả lại bách bội. Ông ý-thức là ông mang lại cho Tây-phương, đang mắc kẹt trong cái bẫy ma-quái hành-động và lý-trí thực-tiễn ( ông có thể nói là lý-trí vật-lý ) của họ, sự giải-phóng bằng tinh-thần, cái chìa khoá của Thượng-Đế ở tại con người, mà trong nhân-dân Ấn, người bị trơ trụi nhất cũng sẵn có. Tín ngưỡng nơi con người, mà ông thấy rất nẩy-nở ở đất Mỹ trẻ trung, đối với ông đấy là bước đầu mà cái đất đó đang chờ đợi. Không những ông không muốn làm giảm xuống, như

một số Thiên-Chúa-giáo Âu-Châu chủ-trương. Năng-lực của ông nhận thấy ở đấy một người em út, thuộc dòng-dõi tốt, nhưng bị mù-quáng bởi ánh-sáng chói mặt-trời mới mọc, nhắm mắt đi vội-vàng hấp-tấp trên bờ vực thẳm. Ông tự tin là mình có sứ-mệnh trả lại con mắt cho họ, hướng-dẫn họ đi lên thượng-tầng của sự sống để rồi từ đấy nhìn bằng con mắt của Thần-linh .

Vậy là ông hoạch-định ở nước Mỹ một chương-trình đi thuyết-pháp để gieo vào những khoảng mênh-mông tâm-hồn mộc-mạc ấy những hạt giống Vedanta và trận mưa Tình-yêu của Ramakrishna. Hạt giống thì đã được ông chọn lọc, và theo bản-năng tính-toán, thích-hợp với công-chúng Mỹ. Còn về Sư-phụ ông, ông che giấu từ lâu vì một e-lệ thuộc tình-cảm nồng-nhiệt. Ông tránh không gọi đến tên của Thầy mình ; và đến khi ông quyết tâm nói về Thầy cho một số đệ-tử thân-tín nhất _ ( vào tháng 6 năm 1895 ở " Parc des Mille-Iles = Vườn Ngàn Đảo " ) trên bờ sông Saint Laurent, lần đầu tiên ở Mỹ, ông bộc-lộ cho một nhóm

thích-giả rất chọn-lọc sự hiện-hữu của Ramakrishna. Và ngày 24 tháng 2 năm 1896 tại New-York, ông kết-thúc một loạt diễn-thuyết bằng một bài diễn-văn rất hay " Sư-phụ Của Tôi " ( My Master ). Tuy nhiên, ông vẫn còn từ-chối không cho phát-hành. Và sau khi trở về Ấn-Độ rồi, người ta lấy làm lạ về điều ấy, ông trả lời hết sức khiêm-tốn rằng :

> _ " Sở dĩ tôi không cho phép xuất-bản, là vì tôi đã phạm một tội bất-công đối với Thầy tôi. Thầy tôi không bao giờ kết tội cái gì, người nào. Còn tôi, khi tôi nói về Thầy, tôi đã kết tội những người dân Mỹ về thói tôn-thờ Đô-la. Từ bữa ấy, tôi hiểu được rằng tôi chưa xứng-đáng để nói về Thầy ."

_ Ông cấm không cho ấn-hành cử-chỉ tạ ân của ông .

Ông sớm giải-thoát mau khỏi các tổ-chức diễn-thuyết rong Hoa-Kỳ, chúng bắt buộc ông theo con đường đã định sẵn, chúng ví như các chủ gánh xiếc, khai-thác ông, làm thương-tổn

đến danh-dự ông bằng quảng-cáo, phường-tuồng rùm beng. Chính tại tỉnh Detroit mà ông cư-ngụ sáu tuần vào năm 1894, ông đã tháo gỡ khỏi cái giao-kèo trói buộc ông đó. Ông khẩn-khoản bạn bè ông hãy tháo khoán cho ông, ông không sao có thể kham được lâu nữa. Điều ấy không phải không làm cho ông bị thiệt-hại lớn. _ Kể từ đấy về sau, ông đi một mình từ tỉnh nọ sang tỉnh kia, do hội nọ mời hay hội kia rước, diễn-giảng đến mười hai hay mười bốn lần một tuần-lễ. Hết một năm trời, ông đã thăm được hết tất cả các đô-thị chính, dọc bờ biển Đại-Tây-Dương ( Atlantique ) cho tới cửa sông Mississipi. _ Cũng tại Detroit, ông đã gặp được trong hàng đệ-tử Tây-phương của ông, người đệ-tử gần tư-tưởng ông nhất, cùng với Sister Nivedita ( Cô Maguerite Noble ), người sau này mang pháp-danh là Sister Christine ( Cô Greenstidel ) .

Từ tỉnh Detroit, ông trở về New-York vào đầu mùa đông năm 1894. Trước hết ông bị một nhóm bạn giầu-có vồ-vập. Họ chú-ý đến ông vì

ông là nhân-vật của thời-cuộc nhiều hơn là sứ-đồ của ông. Ông không chịu theo họ. Ông muốn được độc-lập và làm chủ chủ-trương của mình. Ông thấy mỏi mệt với cuộc chạy đua hết tháp chuông nọ đến tháp chuông kia, không có chi bền vững được thiết-lập cả. Ông quyết-định tạo nên một số đệ-tử và mở những lớp học không lấy tiền. Những bạn nhà giầu của ông hứa chịu đài-thọ phí-tổn với những điều-kiện không có thể chấp-nhận được, là họ đòi ông phải giới-hạn riêng biệt cho giới những người " lịch-sự ". Điều ấy khiến ông nổi khùng. Ông kêu lên :

> _ " Chúa ơi, Chúa ơi !... Đã từng bao giờ có một sự-nghiệp vĩ-đại phát-triển do tay nhà giầu ! Chính con tim và bộ óc sáng-tạo, chẳng phải túi tiền ... "

Có một số sinh-viên trung-thành và nghèo, tự đảm-nhiệm sự phí-tổn của công-cuộc. Họ bèn thuê vài căn buồng tồi-tàn, ở một dẫy phố vắng hẻo-lánh. Đồ-đạc trống không. Họ ngồi xuống đất, bất cứ chỗ nào, còn ông thì

ngồi trên nền nhà. Lúc đầu có mươi mười hai người. Rồi phải mở cửa cầu-thang : người ta chen chúc trên các bậc thang và trên đầu cầu thang. Chẳng bao lâu họ phải nghĩ đến một trụ-sở rộng hơn. Khóa giảng đầu tiên bắt đầu từ tháng hai đến tháng sáu năm 1895. ( Đồng thời ông cũng diễn giảng ở Hội Luân-lý-học ở Brooklyn, một chương-trình công-khai về tôn-giáo Ấn-Độ. Tiền thu được dùng để trang trải cho các lớp học tư.) Ông giảng về Áo-Nghĩa-Thư ( Upanisads ). Ông tập-luyện hàng ngày cho một vài đệ-tử chọn lọc về phương-pháp song đôi là đạo Thiền-định và Chân-tri ( Raja-Yoga et Jñãna-Yoga ) một đàng chuyên hơn về tâm-sinh-lý, nhằm tập-trung tinh-thần hết sức, nhờ vào sự kiềm-chế sinh-lực, đặt cơ-năng dưới sự chỉ-huy của tinh-thần, bắt các vọng-động của làn sóng nội-tâm yên-định, ngõ hầu để cho tiếng nói của Bản-thể, tiếng nói duy-nhất và viên-mãn được lên tiếng. Một đàng kia thì hoàn-toàn trí-thức, thuộc về lý-trí khoa-học và tìm hợp-nhất tinh-thần với Định-luật đại-đồng, Thực-tại tuyệt-đối : Khoa-học Tôn-giáo .

Trước tháng 6 năm 1895, ông thảo xong tập sách có tiếng của ông về Rajayoga (Đạo Thiền-Định ) đọc cho Cô S.E. Waldo viết ( sau này là Gì Haridasi ). Sách ấy đã gọi sự chú-ý của các nhà Sinh-lý-học Mỹ, làm cho William James kinh-ngạc và về sau Tolstoi phấn-khởi. Về phần thứ hai quyển sách của tôi, sẽ đề-cập đến cái phương-pháp tâm-linh thần-bí này, cùng là các con đường Yoga chính-yếu khác. Điều đáng lo ngại là quyển sách này có tính-chất Sinh-lý-học nhiều hơn, nên đã hấp-dẫn nước Mỹ nhiều như thế, là vì người Mỹ nhìn nó về phương-diện thực tiễn hơn, nó hứa hẹn mang lại quyền-năng vật-chất. Cái dân-tộc khổng-lồ mà óc con nít ấy thường chỉ để tâm vào tư-tưởng, chừng nào nó có thể làm chúng sinh lợi-tức. Siêu-hình-học và tôn-giáo trong tay nó trở nên những khoa-học ứng-dụng tà-ngụy, mà mục-đích là mang lại cho người ta chiếm hữu quyền-thế, của cải và sức-mạnh _ sự ngự-trị tại thế-gian này. Không có gì thương-tổn Vivekananda hơn là điều ấy. Đối với tất cả những Sư-phụ Ấn chân-chính về tâm-linh thì

tâm-linh tự nó là cứu-cánh ; mục-tiêu duy-nhất của họ là thực-hiện tâm-linh ; họ không tha-thứ cho những kẻ đặt sự cầu tìm nó phụ-thuộc vào sự thu-hoạch bất cứ phương-tiện vật-chất nào ! Vivekananda đặc-biệt đố-kỵ đối với điều này, mà ông mạt-sát như là bệnh đê-tiện bất-trị. Nhưng như người ta nói, tốt hơn là đừng có khiêu-khích con quỷ, và nên hướng-dẫn tinh-thần Mỹ vào đường lối khác ngay từ đầu. Có lẽ ông đã tỉnh-ngộ điều ấy, vì rằng những bài giảng của ông vào mùa đông năm sau nói về các Yogas khác. Bấy giờ ông hãy còn trong giai-đoạn thí-nghiệm. Người sư-phụ trẻ tuổi đang thử-thách về khả-năng của mình đối với những con người thuộc chủng-tộc khác với mình, và ông vẫn còn chưa nhất-định về cách-thức của năng-lực phải hành-động .

Chính vào thời-kỳ tiếp-theo liền đấy, tháng 6, tháng 7 năm 1895, trong những tuần lễ mùa hè, sống chung với một số bạn ưu-tú, trung-thành ở ( Vườn Ngàn Đảo ) " Parc des Milles-Iles " Vivekananda mới quyết-định hẳn

chương-trình hành-động. Trên một ngọn đồi gần khu rừng bờ sông Saint Laurent, một số mười hai đệ-tử chọn lọc, tụ-họp trong một biệt-thự mà họ đã dâng cho sư-phụ để sử-dụng giảng dạy giáo-lý Vedanta. Ngày 19 tháng 6, ông mở đầu những bài tâm-niệm của ông bằng Thánh kinh Tân-Ước của Saint Jean. Và suốt bẩy tuần-lễ, không những ông trình-bầy về kinh điển Ấn-Độ, mà _ (điều này theo ông thấy là bài học chính ! ) _ ông chú-trọng thức-tỉnh những năng-lực anh-dũng của các tâm-hồn tự ý phó-thác vào tay mình : " tự-do " ; "can đảm" ; " tinh-khiết "; " tự tin yếu hèn là tội lỗi ", đấy là những đề-tài của cuộc đàm-đạo thân-mật .

> " _ " Cá-tính là khẩu-hiệu của tôi " lời ông viết lúc bấy giờ cho một trong các đệ-tử của ông ( A. Abhayananda, mùa thu 1895 ), tôi tìm cách đào-tạo những cá-nhân nhân-cách " .

Ông còn nói :

" _ " Nếu tôi thành-công trong đời tôi để giúp cho một người được giải-thoát, tự-do, thì công-lao của tôi không đến nỗi uổng ".

Theo phương-pháp lương-tri của Rama-krishna, ông không thuyết giảng trên đầu các thính-giả _ cho cái cá-thể nhu-nhược kia là Công-chúng, _ như đa số các nhà hùng-biện và giảng-đạo. Ông có vẻ như nói riêng cho từng người một. Bởi vì như ông đã tuyên-bố : " một người duy-nhất chứa đựng ở nơi mình toàn-thể vũ-trụ " ( 人身小天地 = *Nhân thân tiểu thiên địa* ). Bước đầu các chuyến du-hành ở Ấn-Độ vào năm 1890, dưới gốc cây đa trên bờ suối, ông đã có một lúc xuất-thần, trong đó toàn-thể vũ-trụ biểu-hiện cho ông thấy ở một đơn tử _ Hạch tâm vũ-trụ ở tại nhân thân. Nhà sáng lập, tổ-chức mãnh-liệt ấy, căn bản vẫn là một đạo-sĩ tự-do ( Sannyasin ) cho đến phút cuối cùng _ Luôn luôn ông khát-vọng đời sống tự-do, " tôi khao-khát bộ áo rách hành-khất, đầu trọc, ngủ

màn trời dưới gốc cây, ăn đồ ăn khất-thực... "_ (1895). Và chính là những đạo-sĩ, người của Thượng-Đế tự-do mà ông muốn đào-tạo. Đấy là mục-đích của ông ở nước Mỹ, ông nhất-quyết ý-thức điều ấy : giải-phóng các tâm-hồn chọn-lọc, và tạo họ thành các người gieo hạt giống tự-do .

Ngay đầu mùa hè năm 1895 đã có vài đệ-tử Tây-phương đáp-ứng lời kêu gọi của ông, và ông đã mở đạo cho vài người trong số ấy. Nhưng sau này họ tỏ ra không thực-hành được đều lắm : Vivekananda hình như không có được con mắt chính-sác như của Ramakrishna, khi thoạt nhìn lần đầu ông này đã đi vào tận đáy tâm-hồn, và vạch trần quá-khứ cũng như tương-lại của người ta, Ramakrishna nhìn như lột trần tâm-hồn họ. Vivekananda thì lôi cuốn vào làn sóng của mình cả rơm lẫn thóc, cả trấu lẫn gạo, để mặc cho ngày mai gió sẽ sàng sẩy rơm trấu riêng đi. Nhưng trong số đó ông cũng đã gặt hái được nhiều thiện-chí sốt-sắng đáng khen. Trong hàng đệ-tử lúc ấy không một ai

quí-giá hơn cho ông _ trừ Gì Christine ra _ là J.J. Goodwin, người Anh, đã hiến cho ông cả cuộc đời của y : kể từ cuối năm 1895, y làm thư-ký cho ông, cánh tay phải của ông như Vivekananda hay tuyên-bố ; và chính nhờ y, mà chúng ta chịu ơn, đã giữ được những lời reo-rắc của ông ở nước Mỹ còn đến ngày nay .

Thời-gian cư-ngụ ở Hợp-Chủng-Quốc ấy bị gián-đoạn từ tháng tám đến tháng chạp năm 1895, bởi chuyến du-lịch sang Anh-quốc, sẽ nói tới sau, lại tiếp-tục vào mùa đông và kéo dài cho tới giữa tháng tư 1896. Ở đấy, Vivekananda đã theo đuổi công việc diễn-giảng giáo-lý Vedanta trong hai chương-trình diễn-thuyết và lớp dạy học riêng tại New-York : một khoá giảng vào tháng 12 - 1895 về đề-tài Karma-Yoga ( Đạo Nghiệp-báo _ con đường dẫn tới Thượng-Đế bằng hành-động ) bài diễn-giảng này là một kiệt-tác của ông, và một khoá giảng thứ hai vào tháng 2 - 1896 về đề-tài Bhakti-Yoga ( Đạo Sùng-Ái, con đường của Tình-yêu ) .

Ông thuyết-giảng trong tất cả các giới ở New-York, ở Boston, ở Detroit cho các thính-giả bình-dân, cho " Hội Siêu-hình-học " ( Société Métaphysique ) Hartford, cho " Hội Luân-lý-học " ( Société Ethique ) Brooklyn, hay là cho các sinh-viên và giáo-sư triết-học Đại-học Harvard, người ta mời ông giữ một giảng-đường triết-học Đông-phương. Ở Đại-học Colombia là giảng-đường Phạn-văn ( Sanscrit ). Tại New-York, ông tổ-chức với Sir Francis Leggett chủ-tịch Vedanta Society, nó đã trở nên trung-tâm vận-động Vedanta tại Mỹ-châu .

Khẩu-hiệu của ông lúc bấy giờ là : thông-cảm và đại-đồng tôn-giáo. Ba năm du-lịch này qua Tân-Thế-giới, những tiếp-xúc thường-xuyên với tư-tưởng Tây-phương đã làm cho lý-tưởng một tôn-giáo đại-đồng của ông chín mùi. Trí-thức Ấn-Độ đã nhận được súc-động phản-ứng lại. Để cho đại tư-tưởng tôn-giáo và triết-học Ấn-Độ lấy lại được cái đà chinh-phục và

tiến lên của nó, như ông đã tuyên-bố ở Madras năm 1893 :

"_ " Đã đến thời-kỳ để truyền-bá tín-ngưỡng. Tín-ngưỡng của Thấu-thị (Rishis ) phải trở nên động-lực... Sau hàng thế-kỷ cuốn thu vào mình, người Ấn-Độ phải thoát ra khỏi cái vỏ của mình ", để nó có thể du-nhập vào Tây-phương mà làm cho nẩy-nở. Ông cảm thấy cần phải cải-tổ lại từ đầu đến cuối. Xếp lại trật-tự trong cái rừng rậm những ý-tưởng và hình-thức vấn-vít. Xếp loại những đại hệ-thống chung-quanh một vài cái trục bền vững của tinh-thần đại-đồng. Điều-hòa các quan-niệm siêu-hình Ấn-Độ, bề ngoài có vẻ mâu-thuẫn với nhau _ ( Duy-nhất tuyệt-đối của Bất-nhiị-luận ( Advaïtisme ), Duy-nhất hòa-dịu hay là biến-thái, và Lưỡng-tính ), chúng xung-đột với nhau trong Áo-Nghĩa-Thư ( Upanisads ). Xây đắp con đường giao-thông nối chúng với các quan-niệm siêu-hình-học Tây-phương, bằng sự lập nên cái bảng đối chiếu để có thể nhận thấy những nét thân-thuộc giữa các quan-điểm thâm-thúy của cái triết-học cổ xưa nhất và của

Hy-Mã-Lạp-Sơn với dữ-kiện được khoa-học cận-đại công-nhận. Ông dự-định viết bộ Thánh Kinh Đại-đồng ấy ( Maximum Testamentum ). Ông giục các đệ-tử ở Ấn-Độ giúp ông trong việc sưu-tập những tài-liệu cần-thiết cho cái kiến-trúc ấy. Như lời ông nói, vấn-đề cốt-yếu là phiên-dịch tư-tưởng Ấn-Độ sang ngôn-ngữ Âu-Tây, " làm cho cái triết-học khô-khan, cái thần-thoại phức-tạp, khó hiểu, cái tâm-lý-học kỳ-khôi thành một tôn-giáo dễ hiểu, giản-dị, bình-dân và thỏa-mãn cho những đòi hỏi của tinh-thần cao nhất " _ " Bất-Nhị-Luận " ( Advaïta ) trừu-tượng phải trở nên sống động và pha trộn thi-ca của nó vào đời sống hàng ngày. Phải làm sao cho cái bụi rậm chằng chịt của thần-thoại nầy sinh ra các hình-thể luân-lý cụ-thể, và từ cái khoa Đạo-dẫn ( Yoga ) điên cuồng, nẩy ra một khoa tâm-lý khoa-học và thực-tiễn ... "

Một công-trình như thế không thể tránh khỏi làm thương-tổn bức họa chính-xác của tấm thảm cổ-kình ngàn năm, đấy là điều mà các nhà chính-thống Ấn-Độ-giáo và Ấn-Độ-

học Tây-phương có thể trách và nói thế. Nhưng Vivekananda không nghĩ như thế, trái lại ông cho rằng phải gỡ ra những nét chính bị những thêu-thùa che phủ, làm cho sai lầm mất ý-nghĩa căn-bản nguyên-thủy và thâm-thúy của chúng. Và ông đã nhiều lần giải-thích về điểm ấy vậy .

Vả lại, đối với một tinh-thần loại ấy thì tôn-giáo chẳng bao giờ được cố-định mãi mãi vào một số văn-kiện, bất cứ ở hình-thức nào. Nó tiến-triển, nếu nó dừng lại một phút thôi là nó chết. Cái lý-tưởng đại-đồng của ông luôn luôn vận-động. Nó phải được bồi-dưỡng bằng sự phối-hợp bền vững. Đông-phương với Tây-phương, cả hai không phải đóng khung cố-định vào một học-thuyết và ở tại một điểm thời-gian, nhưng cả hai sống động và tiến-triển. Đấy là một trong những mục-tiêu của Hội Vedanta : giữ sao cho có một sự liên-tục về nhân-sự và tư-tưởng để cho mạch máu tư-tưởng lưu-thông điều-hòa và thấm-nhuần khắp toàn-thể nhân-loại .

# - VI -

# SỰ GẶP-GỠ GIỮA ẤN-ĐỘ VÀ ÂU-CHÂU

Dưới khí-hậu khô-ráo và trong sáng của New-York, trong bầu không-khí điện-lực, trên cái đất hoạt-động tấp-nập, tài-năng hành-động của Vivekananda bốc cháy như một ngọn đuốc. Ông tự thiêu đốt. Sự tiêu-hao năng-lực vào tư-tưởng, vào viết sách, vào những lời nói nhiệt-thành, chúng đe-dọa nguy-kịch đến sức khoẻ của ông. Khi ông ra khỏi đám đông ấy, trong đó ông đã thổi vào tinh-thần giác-ngộ của ông, ông đã muốn tìm " một xó hẻo-lánh và ở lại đấy mà chết ". Cuộc đời ngắn-ngủi của ông, mà chứng-bệnh làm ông ngã gục đã ngấu-nghiến ông, từ nay bị vết thương suy-tư quá độ đánh dấu : ông không hồi phục được nữa .

( Những nhân-chứng lúc bấy giờ đều đồng-tình chứng-nhận sự tiêu-hao năng-lực ghê-gớm của ông trong các buổi họp, nó đã truyền vào công-chúng như là một luồng điện. Một số thính-giả ra về kiệt-sức và phải nghỉ để lấy lại sức mấy ngày, như thể họ bị một súc-động thần-kinh. Bà Gì Christine nói : " Năng-lực của ông đè bẹp lên một số người ". Người ta gọi ông là nhà " hùng-biện sấm sét ". _ Trong những ngày chót của ông ở Mỹ-quốc, có khi ông diễn-giảng đến mười bẩy buổi một tuần, thêm các lớp học tư, hai buổi mỗi ngày. Và đấy không phải là những thuyết-trình trừu-tượng và sửa-soạn trước. Mỗi tư-tưởng là nhiệt-tình, mỗi lời nói là tin-tưởng, mỗi diễn-thuyết là xuất-thần như thác .

( Vào khoảng thời-gian này, ông thấy cái chết lại gần. Có khi ông buột miệng thốt : " Ngày giờ của tôi đã điểm "

( Nhưng cái tấn-tuồng luôn luôn bắt ông

biểu-diễn và cả sứ-mệnh anh-hùng của ông nữa .

( Người ta thu-xếp cho ông một cuộc du-hành sang Âu-châu để giải-trí. Nhưng bất cứ đi đến đâu vẫn là để tiêu-hao năng-lực. Ông sang bên Anh-quốc ba lần, một lần từ 10 tháng 9 đến cuối tháng 1 năm 1895, kỳ thứ hai từ tháng 4 đến cuối tháng 7 và lần cuối từ tháng 10 đến 16 tháng 12 năm 1896 .

( Cái ấn-tượng của ông về Anh-quốc còn sâu xa và bất ngờ hơn nhiều so với Mỹ-quốc .

( Chắc hẳn là ông không phải phàn-nàn về Mỹ-quốc. Mặc dầu các sự ác-cảm mà ông có thể đã vấp phải, với cái cảnh Hội-chợ quảng-cáo mà ông đã phải cẩn-thận đề-phòng, ông đã thấy được ở đấy những cảm-tình tế-nhị nhất, những thiện-chí hợp-tác trung-thành nhất, và một miếng đất mới mẻ sẵn sàng để gieo hạt ươm cây .

( Một trong những cử-chỉ làm ông rất cảm-động là vào cuối năm 1894, sau một buổi diễn-thuyết về những lý-tưởng của phụ-nữ Ấn, trong ấy ông có bầy tỏ tình mẫu-tử đối với thân-mẫu _ một lá-thư của các bà ở tỉnh Boston đã gửi cho chính thân-mẫu ông nhân dịp lễ Noël = Giáng-Sinh ) .

Ngay bước đầu trên Cựu Lục-địa, ông được thở một không-khí trí-thức khác hẳn. Ở đây không phải sự khao-khát man mọi, và hăm-hở của một dân-tộc trẻ, đề cao ý-chí quá-đáng để vồ lấy những khoa Đạo-dẫn ( Yogas ) của nghị-lực _ Rajayoga _ ngõ hầu cầu tìm ở chúng, đồng thời bóp méo chúng đi, những bí-quyết trẻ con và không lành-mạnh cho mục-tiêu chinh-phục thế-giới. Đấy vốn là công-phu lâu đời của trí-tuệ trong giáo-dục ở Ấn-Độ, nó đi thẳng vào điểm cũng cốt-yếu đối với nhà Bất-Nhị-Pháp Vivekananda, ấy là những phương-pháp của Tri-Thức-Luận (Jñãnayoga). Và không cần phải đi qua bước ấu-trĩ để giải-thích những phương-pháp ấy, nó phán-đoán

chúng với con mắt khoa-học chính-xác và chắc-chắn .

Tuy ở Hiệp-Chủng-Quốc, Vivekananda đã gặp-gỡ với một vài nhà trí-thức danh-tiếng như giáo-sư Wright, triết-gia William James và nhà điện-học nổi-tiếng Nicola Tesla, họ từng bầy tỏ sự chú-ý thông-cảm đối với ông. Nói chung thì các vị này, trên mảnh đất suy-luận siêu-hình Ấn-Độ, đều là những người mới nhập-môn, như là các sinh-viên tốt-nghiệp ở Đại-học Harvard, còn phải học-hỏi tất cả .

Ở Âu-châu, Vivekananda sắp đọ sức với các giáo-thụ về Ấn-Độ-học, như Max Muller và Paul Deussen. Sự vĩ-đại của khoa cổ-ngữ-học và triết-học Tây-phương biểu-lộ cho ông thấy thiên-tài nhẫn-nại và tinh-thần vô-tư thiêng-liêng của nó. Ông rất cảm-động sâu-xa, vì hơn ai hết, các ông ấy đã chứng-minh một thái-độ ái-mộ và tôn kính dân-tộc Ấn của ông, cũng như ông, cho tới bây giờ không ngờ đã biết được điều ấy .

Nhưng sự khám-phá nước Anh còn dành cho ông một sự súc-động đặc-biệt khác nữa là, ông đến như một kẻ thù, và ông đã bị khuất-phục. Trở về Ấn, ông liền tuyên-bố ngay với lòng trung-thực tự-hãnh :

> _ " Không một ai bước lên đất nước Anh với lòng căm hờn đối với một chủng-tộc hơn là tôi đã căm-thù người Anh... Không một ai trong các ông từng yêu dân-tộc Anh hơn là tôi yêu họ ngày nay ..."

Và trong một bức thư từ nước Anh gửi về cho một nữ đệ-tử Mỹ ngày 8 tháng 10 năm 1896 : _ " Những ý-nghĩ của tôi về người Anh đã đảo ngược ."

Ông đã khám-phá thấy một dân-tộc anh-hùng : _ " Những dòng Võ-sĩ ( Kshatriyas !... ) chân-chính !... Can-đảm và bền-bỉ... Giáo-dục của họ tập-luyện cho họ không biểu-lộ chút tình-cảm gì của họ. Nhưng bên trong cái thượng-tầng cơ-cấu của ý-chí anh-dũng ấy

tiềm-tàng một nguồn tâm-tình thâm-trầm. Một khi ai đã súc-động vào trái tìm ấy, thì nó thuộc về mình mãi mãi. Một khi có một ý-tưởng nào nhập vào não-bộ ấy, thì không có gì nhổ được nó ra nữa ; và cái tinh-thần thực-tiễn mạnh-mẽ của giống-nòi khiến nó đã sản-xuất những kết-quả tuyệt-vời... Chúng đã giải-quyết được cái bí-quyết phục-tòng không nô-lệ, và tự-do tuyệt-đối đi đôi với sự tôn-trọng pháp-luật... " _ ( theo bức thư năm 1896 và một bài diễn-thuyết trứ-danh ở Calcutta ) .

Chủng-tộc đáng cho người ta thèm ! Nó bắt cả đến những kẻ nó áp-bức phải tôn kính. Cả đến những vị đại-diện cho những ý-thức nồng-nhiệt của dân-tộc bị nô-lệ và muốn phục-hưng mình lên _ những vị Ram Mohan Roy, những Vivekananda, những Tagore, những Gandhi _ đều bắt-buộc phải công-nhận sự vĩ-đại của người thắng trận, sự chính-đáng của sự chiến-thắng và có lẽ sự ích-lợi của việc hợp-tác thành-thật với kẻ thắng. Dù sao, ví phỏng có phải đổi người chủ thống-trị mình, họ sẽ không

mong muốn người nào khác hơn là ông chủ ấy nữa. Sự thống-trị này, mặc dầu có những hà-lạm kinh-khủng của nó, vẫn tỏ ra trong tất cả các việc thống-trị của Tây-phương, gồm cả Âu lẫn Mỹ, thì nó đã là sự thống-trị đem lại nhiều triển-vọng hơn cả cho tự-do phát-triển tương-lai về những lý-tưởng riêng của dân bị-trị .

Vì rằng, đồng thời ngưỡng-mộ sự thống-trị ấy của đế-quốc Anh, một Vivekananda không bao giờ quên được sứ-mệnh Ấn-Độ của mình. Ông muốn dựa vào sự vĩ-đại của nước Anh để thực-hiện sự bá-chủ tinh-thần của Ấn-Độ. Ông viết cho Sir Francis Leggett, ngày 6 tháng 7 năm 1896 rằng :

> " Cái Đế-quốc Hồng-Mao ấy, với tất cả lỗi lầm của nó, là bộ máy lớn nhất đã từng có để truyền-bá tư-tưởng. Tôi có ý-định đặt tư-tưởng của tôi vào trọng-tâm của bộ máy, và nó sẽ lan tràn khắp thế-giới... Những lý-tưởng tâm-linh luôn luôn đã đến với nhân-loại do những dân-tộc bị dầy đạp ( dân Do-Thái và Hy-Lạp ). "

Ngay chuyến du-hành đầu tiên sang nước Anh, ông đã có thể viết cho một đệ-tử ở Madras :

_ " Ở nước Anh, công việc của thày thực là rực rỡ ."

Sự thành-công của ông đã có tức thì. Báo chí lớn đều biểu-thị một lòng ngưỡng-mộ ông hoàn-toàn. Người ta ví diện-mục tinh-thần Vivekananda với diện-mục của các hiện-thân tôn-giáo cao cả nhất _ và không phải chỉ với các tiên-phong Ấn của ông như Ram Mohan Roy và Keshab mà là với đức Phật và Cơ-Đốc. Ông được trịnh-trọng đón tiếp trong các giới quí-tộc ; và cả đến các giáo-chủ cũng chứng tỏ cảm-tình của họ đối với ông .

Trong chuyến lưu-trú ở nước Anh lần thứ hai, ông mở lớp giảng giáo-lý Vedanta thường-xuyên ; và ở đấy, vững dạ về một lớp thính-giả trí-thức, ông bắt đầu bằng khoa Đạo-dẫn ( Yoga ) của trí-tuệ : Đạo Chân-tri ( Jñãna-yoga). Ngoài ra ông còn làm một số diễn-giảng

ở phòng triển-lãm Piccadilly, ở Princess Hall, trong các Hội-quán, các Hội Giáo-dục, ở diễn-đàn của Annie Besant, trong các Trung-tâm tư. Ông công-nhận thính-giả Anh nghiêm-chỉnh, trái hẳn với su-hướng phù-phiếm của công-chúng Mỹ, họ hưởng-ứng một cách dè-dặt hơn nhiều, nhưng một khi họ đã hưởng-ứng, thì họ không bao giờ hưởng-ứng nửa vời. Vững tâm, Vivekananda càng cởi mở hơn. Ông nói về con người mà ông vẫn thận-trọng che giấu trước những con mắt phàm-tục, về Sư-phụ kính yêu của ông là Ramakrishna. Với lòng nhiệt-thành khiêm-tốn, ông nói rằng " tất cả con người của ông nếu được như hiện này là đều nhờ vào Sư-phụ, tự ông không có được một chút tư-tưởng nhỏ nào là của mình, tất cả tư-tưởng của ông đều do Sư-phụ mà có... " Và ông báo tin về Sư-phụ ấy là " khởi-nguyên cho một kỷ-nguyên mới về sinh-hoạt tôn-giáo của nhân-loại " .

Chính nhờ danh Ramakrishna mà ông đã liên-lạc được với Max Muller. Nhà Ấn-Độ học lão-thành này, mà con mắt trẻ-trung theo dõi

với sức tò-mò luôn luôn mới mẻ, với tinh-thần thông-cảm rộng mở tất cả những nhịp đập của trái tim tôn-giáo Ấn-Độ, đã cảm thấy như một trong những ông Vua Giáo-chủ, ngôi sao Ramakrishna xuất-hiện ở phương Đông. ( Trong tạp-chí Nineteenth Century, ông có bài " Ramakrishna một bậc Thánh ( Mahatma ) chân-chính ). Ông có ý muốn hỏi thẳng một chứng-nhân trực-tiếp của vị Giáng-thế mới ; và theo yêu-cầu của ông, Vivekananda đã phải soạn thảo những kỷ-niệm của mình với Sư-phụ để Max Muller sử-dụng trong quyển sách nhỏ về Ramakrishna. Vivekananda cũng rất chú-ý về ông Vua Đạo-sĩ này, từ đài quan-sát thiên-tượng xa, đã báo tin con hạc bay qua vòm trời Bengale. Vivekananda được ông ta mời đến nhà chơi ngày 28 tháng 5 năm 1896 ; và nhà đạo-sĩ trẻ của Ấn-Độ đã cúi chào nhà hiền-giả lão-thành của Âu-châu, và coi ông này như một tinh-thần của chủng-tộc mình, một Rishi cổ xưa tái sinh còn nhớ lại các kiếp trước khởi-thủy, vào thời cổ-điển của Ấn-Độ Vệ-Đà _ " một tâm-hồn hàng ngày thực-hiện sự đồng-

nhất-thể của mình với Brahman ( Phạn-Thiên...) " .

( Trong tinh-thần bồng-bột, ông viết ngay ngày 6 tháng 6 năm 1896 cho tờ báo Ấn-Độ của ông, tờ Brahmavadin :

> " Tôi mong có được một phần trăm tình-yêu Ấn-Độ như của ông ta. Những tiếng đập của trái tim ông ta đã thâu-nhận được nhịp điệu của Upanisads (Áo-Nghĩa-Thư )... Từ một nửa thế-kỷ nay, ông ta đã sống trong cái tư-tưởng ấy. Tâm-hồn ông đã nhuốm mầu ấy... Ông ta đã thâm-nhập vào hòa-điệu chân-thật của Vedanta... Chỉ có người thợ châu ngọc mới biết được giá-trị của châu ngọc ... "

Nước Anh còn cống-hiến cho ông nhiều hơn nữa : những bạn-hữu có lẽ đẹp nhất trong đời ông : J.J. Goodwin ; Margeret Noble ; Ông Bà Sevier . )

Tôi đã nói đến người thứ nhất. Sự tri-ngộ của Vivekananda với y là vào cuối năm 1895 tại New-York. Người ta đang tìm một người tốc-ký giỏi để bảo-tồn những bài giảng của Swami ; và không phải dễ mà tìm thấy được một người có học-thức khá. Người ta đã thuê người thanh-niên Goodwin, vừa từ Anh-quốc mới sang. Tuần lễ thử đầu tiên chưa xong, thì Goodwin được khải-ngộ bởi cái tư-tưởng mà anh ta ghi-nhận, anh bỏ hết để tự hiến-thân cho thày. Anh từ-chối tiền thù-lao, làm việc ngày đêm, theo Vivekananda đi khắp nơi, thân yêu săn sóc ông. Anh thụ-giới Brahmacharya ( Phạm Chí ). Anh ta đã hiến cho sư-phụ cả cuộc đời theo đúng nghĩa đen của nó, vì rằng anh đã mất sớm, ngày 2 tháng 5 năm 1898 ở Ấn-Độ, nơi anh đi theo hầu, người đã trở nên gia-đình anh, tổ-quốc anh, và anh ta đã nhiệt-thành phụng-sự đức tin .

Cô Margeret Noble cũng hiến mình toàn vẹn chẳng kém. Tương-lai luôn luôn hợp-nhất pháp-danh cô, Sister Nivedita ( Gì Nivedita )

với danh-hiệu của sư-phụ thân yêu của cô, khác nào danh-hiệu Sainte Claire với danh-hiệu Saint François : _ ( mặc dầu nhà Swami nghiêm-khắc có khác xa với lòng khoan dung của Poverello, và ông đã thử-thách nặng nề các tâm-hồn tự-hiến cho ông trước khi ông chấp nhận ) _ Cô này vốn đang là một vị hiệu-trưởng trẻ của một trường-học ở Luân-Đôn ( Londres ). Vivekananda đến thuyết giảng tại trường cô. Cô liền bị thu-hút bởi sức hấp-dẫn của ông. ( Cô có nhắc nhở rất tế-nhị cái kỷ-niệm về cuộc gặp-gỡ đầu tiên như sau :

> " Có một lần... Vào một buổi chiều chủ-nhật giá lạnh, của tháng 11, trong một phòng tiếp khách khu West-End... Ông ta ngồi trước mặt một vòng bán-nguyệt các thính-giả. Đàng sau ông là lò-sưởi cháy. Đêm đang xuống. Ông giải đáp giản-dị, đem lại những tin tức của miền đất xa xôi. Con mắt ông nhìn có vẻ hiền-từ và cao siêu... ( Nivedita ví con mắt ấy với con mắt Hài-nhi của Thánh Mẫu Sixtine )... Thỉnh-thoảng ông lên

tiếng : Çiva, Çiva... Ông ngâm những câu thơ Phạn-ngữ... " Và cô Nivedita nghe mà tưởng đến những điệu hát Thánh-lễ-ca của Giáo-hoàng Grégoire .)

Nhưng cô còn tự-vệ lâu mới hàng-phục. Cô là người, sau mỗi bài thuyết-giảng lại đến nói với Vivekananda :

_ " Thưa vâng, Swami... Nhưng ... "

Cô luôn luôn bàn cãi. Cô luôn luôn chống giữ. Nhưng một khi đã hàng-phục, thì hàng-phục mãi mãi. Cô là một trong hàng các tâm-hồn Anh khó chinh-phục được, nhưng một khi đã chinh-phục được rồi, thì trung-thành đến cùng. Vivekananda nói về những tâm-hồn ấy rằng :

_ " Không tâm-hồn nào chắc-chắn hơn ! "

Cô hai mươi tám tuổi khi cô quyết-định phó-thác cả tính-mệnh cô vào tay Swami. Ông gọi cô sang Ấn-Độ để cô chuyên vào việc giáo-

dục phụ-nữ Ấn. Và ông đã đòi cô tự mình trở nên phụ-nữ Ấn, ngõ hầu hành-động hiệu-nghiệm vào họ, " Ấn-Độ-hóa tư-tưởng cô, quan-niệm, tập-tục của cô, quên đi cả đến kỷ-niệm về quá-khứ của cô nữa." Cô thụ-giới Brahmacharya, và là người phụ-nữ Tây-phương đâu tiên được nhận vào tổ-chức tôn-giáo Ấn-Độ. Chúng ta sẽ lại thấy cô bên cạnh Vivekananda, mà cô đã bảo-vệ được những Đàm-thoại của ông, và hơn cả ai hết, cô đã có công làm cho phổ-biến diện-mục của ông ở Tây-phương vậy .

Tình bạn của ông bà Sevier cùng tính-chất yêu-thương và tín-nhiệm tuyệt-đối đã cúng hiến ông tất cả và mãi mãi. Ông Sevier vốn là một Đại-úy cũ, bấy giờ bốn mươi chín tuổi. Bà vợ và ông ta từng ưu-tư đến vấn-đề tôn-giáo. Tư-tưởng, lời nói và con người của Vivekananda đã rất khích-động ông bà. Cô Mac Leod đã kể cho tôi nghe : _ " Sau một trong các buổi diễn-thuyết, ông Sevier hỏi tôi : " Cô có biết

người thanh-niên này không ? Y có thật được như là y biểu-hiện không ? "

_ " Đúng đấy."

_ " Như thế thì phải đi theo y và cùng y tìm thấy Thượng-Đế ... "

Ông quay lại nói với bà vợ :

_ " Mình có cho tôi theo làm đệ-tử của Swami không ? "

Bà đáp : _ " Có chứ ! "

Bà hỏi lại ông : _ " Mình có muốn cho tôi làm đệ-tử của Swami không ?"

Ông ta đáp, với giọng hài-hước âu-yếm :

_ " Tôi không biết nữa ... "

Thế rồi sau khi đã thu xếp tất cả gia-tài nhỏ, cả hai vợ chồng liền đi theo Vivekananda. Nhưng nhà đạo-sĩ lo xa về tương-lai của hai

người bạn già, hơn là chính họ. Ông không cho phép họ cúng hiến hết cả vào sự-nghiệp của ông, bắt họ phải dành lại một phần. Họ coi Swami như là con họ. Hai ông bà, như chúng ta sẽ thấy, tự hiến thân cho công-trình xây-dựng trong núi Hy-Mã-Lạp-Sơn ( Himalayas ) Tùng-Lâm Bất-Nhị-Pháp ( Advaïta Ashram ) mà Vivekananda đã từng mơ-ước để tưởng-niệm về Thượng-Đế Vô-Ngã, vì chính là Phi-Nhị-Pháp-Luận đã thu hút ông bà Sevier vào tư-tưởng của Vivekananda ; và cũng chính là điều ách-yếu đối với Vivekananda. Ông Sevier qua đời vào năm 1901 ở tại cái già-lam ông đã dựng. Bà Sevier còn lại sau cả Vivekananda nhập-tịch. Trong khoảng mười lăm năm, bà sống một mình, là người Âu ở nơi hẻo-lánh xa-xôi ấy, dưới chân núi Tuyết vòi-vọi, hàng tháng, chăm lo giáo-dục con trẻ Ấn. Cô Mac Leod có lần hỏi bà :

_ " Như thế này bà không thấy buồn sao ? "

Bà trả lời đơn-giản :

_ " Tôi nghĩ đến y " ( tức là đến Vivekananda ).

Những bạn-hữu cao quí ấy mà người Anh đã hiến cho Ấn-Độ, chẳng phải chỉ một mình Vivekananda được ưu-đãi. Luôn luôn các vĩ-nhân Ấn đã tìm thấy ở đám người Anh những đệ-tử và phụ-tá đắc-lực và trung-kiên nhất. Người ta đều biết giá-trị đã và đang có đối với một Tagore hay một Gandhi như một Person, một Andrew hay là một nàng " Mirabhen ( Cô Madeleine Slade ) "... Say này, khi Ấn-Độ giải-phóng sẽ tính sổ về những đau khổ mà nó đã phải chịu vì Đế-quốc Anh, so với những điều mà nó mang nợ, thì những tình bạn thiêng-liêng ấy còn hơn là tất cả những ơn huệ nào khác sẽ làm cho cán cân nặng chĩu những bất công lắc-lư .

Tuy vậy, trên đất Anh này, mà lời nói của Vivekananda đã gọi lên những tiếng vang dội thâm-trầm như thế, vậy mà ông không thử xây-

dựng gì như ở bên Mỹ sau này, " Sứ-đồ Ramakrishna " được nẩy nở. Phải chăng, phải tin như có một trong số đệ-tử Mỹ của ông đã từng nói, là ông đã nhận thấy trình-độ trí-thức cao của nước Anh và Âu-châu đòi những giáo-sĩ Ấn một sự đào-tạo tinh-thần mà trong đạo-hữu của ông ở Baranagore hiếm có ?

( Tuy nhiên, một đạo-hữu như Saradananda mà ông đã gọi sang Londres ( tháng 4, 1896 ) và rồi ông lại gửi sang Mỹ-quốc, là một bộ óc triết-gia có thể coi ngang với các nhà siêu-hình-học Âu-Tây. Và Abhedananda nối gót ông này ở Londres ( tháng 10, 1896 ) đã rất được hoan-nghênh .)

Theo tôi thiết tưởng, phải nên để ý rằng ông bắt đầu cảm thấy mệt đến kiệt-lực. Ông mỏi mệt về thế-gian và sự nô-lệ của sự-nghiệp. Ông khao-khát được yên nghỉ vĩnh-viễn. Chứng bệnh âm ỷ gậm thể xác ông như con mọt, làm cho ông xa rời đời sống. Ở trong thời-kỳ này, ông từ-chối xây-dựng thêm nữa. Ông

nói ông  không có tài tổ-chức. Ông viết ngày 23 tháng 8 năm 1896 rằng :

> " _ " Sự-nghiệp tôi đã mở đâu ; người khác hãy hoàn-thành đi. Để làm cho guồng máy chạy đều, tôi đã bị nhiễm-ố vào tiền tài, của cải. Bây giờ, phần của tôi vào sự-nghiệp đã xong. Tôi không còn chú-ý đến Vedanta hay là đến một triết-học nào khác, hay là vào hành-động việc gì... Cái hình-thức làm thiện ấy, những công-nghiệp ấy, tôi đã chán rồi !... Tôi thu xếp để ra đi, ra đi không còn trở lại cái địa-ngục này nữa, thế-gian này ! "

Tiếng kêu thống-thiết, mà những ai biết được cái bệnh ghê sợ nó tiêu-hủy ông, sẽ cảm thấy nỗi đau đớn. Có nhiều lúc khác, trái lại, nó biểu-diễn ra bằng thái-độ hăng-hái cực-đoan : tất cả vũ-trụ hiện ra cho ông như là trò hý-lộng của một Thượng-Đế con nít, của một Hóa-nhi vô-lý. Trong một bức thư gửi ông Francis Leggett ngày 6 tháng 7 năm 1896 ông kết-luận bằng một cơn vui điên cuồng :

" _ " ... Tôi cảm tạ cái ngày tôi đã sinh ra... Người Yêu-mến của tôi là một người bạn chơi đùa. Không có điệu, không có lý gì trong vũ-trụ cả. Người vui-thích, người vui đùa với nước mắt, với tiếng cười, tất cả vai-trò của bản tuồng. Ôi, cái trò giải-trí của thế-gian !... Trường con nít ra chơi, tình bạn vui sướng của những lúc chơi đùa kết bạn !... Khen ai, chê ai ? Cái Ấy vô-lý, cái Ấy không trí-óc, và Nó lừa ta với cái trò trí-óc và cái trò lý-trí. Nhưng lần này, Nó không bắt được tôi !... Tôi đã biết khẩu-quyết của trò chơi : ở ngoài lý-trí, và khoa-học, và tất cả ngôn-ngữ, có Tình-yêu, có Người yêu... Hãy rót đầy chén, và chúng ta sẽ điên cuồng ! ... "

Những vui sướng hay buồn phiền, vẫn một điệu giải-thoát. Thế-gian buông ông ra. Sợi giây buộc diều đứt ...

***

*

Các bạn thân yêu săn sóc ông, một lần nữa kéo ông đi du-lịch sang Thụy-Sĩ ( Suisse ). Ông sang đấy vào giữa mùa hè năm 1896 và cảm thấy lấy lại sức-khoẻ, hưởng thú không-khí núi tuyết, suối rừng, núi non ở đây nhắc nhở ông núi Tuyết-sơn ( Himalayas ). Tại một làng kia trong núi Alpes, giữa Mont-Blanc và đèo Saint-Bernard, lần đầu tiên ông quan-niệm dự-án xây-dựng trong Himalayas một tu-viện để tụ-họp các đệ-tử cả Đông lẫn Tây. Và ông bà Sevier, đang theo ông, liền nắm lấy cái ý-niệm ấy : nó là trách-nhiệm của cả đời hai ông bà .

Khi ông còn đang ở trong núi thì có thơ của giáo-sư Deussen gửi đến mời ông lại chơi tại nhà ông ta ở Kiel. Ông phải rút ngắn thời-gian ở Thụy-Sĩ để có thể gặp mặt giáo-sư và quay về con đường cũ, qua Herdelberg, Coblenz, Cologne, Berlin : ông muốn ít nhất có thể nhận-xét được một quang-cảnh của nước Đức ( Allemagne ) mà ông rất chú-ý về thế-lực vật-chất và nền văn-hóa vĩ-đại của nó. Tôi đã

nói trong Jahrbuch của Schopenhauer Gesell-schaft về cuộc viếng thăm của Vivekananda ở Kiel, tại nhà vị sáng-lập Hội Schopenhauer. Cuộc tiếp đón đã rất là thân-mật và có những câu chuyện hết sức sôi-động như người ta có thể dự-đoán ở một nhà Vedantiste ( triết-học Veda ) nhiệt-thành như Paul Deussen, người đã coi triết-học Veda " không những là một trong hàng kiến-trúc huy-hoàng nhất của thiên-tài nhân-loại cầu tìm Chân-lý mà còn là trợ-lực mạnh nhất của nền đạo-đức tinh-túy nhất, và là sự an-ủi lớn lao nhất cho những mối thống-khổ của sự Sống, Chết nữa. "

Nhưng Deussen chỉ có cảm-tình với tác-phong cá-nhân của Vivekananda, với thiên-phú tinh-thần, với tri-thức của Swami, những giòng nhật-ký của Deussen không cho ta thấy rằng ông có cảm-thông cái định-mệnh lớn lao của vị khách trẻ của ông. Nhất là còn xa ông mới có thể tưởng-tượng thấy cái bi kịch nghiêm-túc ở đáy lòng con người kia, bề ngoài lực-lưỡng và vui-vẻ, đang mang nặng trong lòng nỗi thống-

khổ của dân-tộc mình, và trong da thịt, cái móng vuốt của thần chết. Ông gặp Deussen vào lúc thảnh-thơi và cởi mở, biết ơn, trước mặt một vị hiền-triết Đức, từng phụng-sự nhiều cho lý-tưởng của Ấn-Độ. Sự tri-ân ấy không phai mờ trong tâm trí Vivekananda, và ông giữ-gìn cái kỷ-niệm bừng sáng của những ngày ở Kiel cũng như những ngày Deussen cùng ông đi qua Hambourg, Amsterdam và Londres. Phản-ảnh ấy còn ghi lại trong một bài báo tuyệt hay trên tạp-chí Brahmavadin, mà Vivekananda về sau đã nhắc lại cho đệ-tử mình món nợ của Ấn-Độ đã mang nặng chĩu đối với các vĩ-nhân Âu-Tây, họ từng đã thấu hiểu và yêu mến nó hơn cả chính nó _ và đứng vào hàng đầu tất cả các vị ấy là Max Muller và Paul Deussen vậy .

Vivekananda còn ở lại nước Anh hai tháng nữa, thăm lại Max Muller, gặp Edward Carpenter, Frederick Meyers, thày tu Wiber-force, và làm một khoá-trình về triết-học Vedanta, về thuyết Ảo-Hóa ( Maya ) Ấn-Độ và về Bất-Nhị-Pháp-Môn ( Advaïta ). _ Nên để ý

là buổi diễn-thuyết sau hết, lời nói cuối cùng của ông là dành cho Advaïta-Vedanta ( triết-học Vệ-Đà Bất-Nhị-Pháp ) _ ( 10 - 12 - 1896 ) _ tư-tưởng cốt-yếu của ông . __

Nhưng thời-gian của ông ở Âu-châu sắp kết-thúc. Tiếng gọi của Ấn-Độ đòi ông về nước. Ông cảm thấy nhớ quê-hương. Con người mệt-mỏi, ba tháng trước đấy ông từ-chối một cách tức-giận, tuyệt-vọng tất cả hệ-lụy mới, chỉ muốn thoát khỏi bánh xe định-mệnh của sự sống và hành-động, thì nay lại hăm-hở nhẩy vào và tự buộc mình với chính bàn tay của mình vào cối xay. Bởi vì như ông đã nói với bạn người Anh khi ông từ-giã họ :

> " _ " Có thể rằng tôi thấy tốt là ra khỏi cái thể-xác này, ném bỏ nó đi như một cái áo cũ rích. Nhưng không bao giờ tôi thôi giúp nhân-loại ..."

Hành-động, phụng-sự, trong đời này, trong những đời sau, tái sinh, luôn luôn tái sinh

để phụng-sự... Không, một Vivekananda thì không được phép " không còn trở lại cái địa-ngục này nữa ! " Vì chưng, cái phận ông, cái lý-do tồn-tại chính là trở lại, trở lại hoài không thôi, ngõ hầu để chiến-thắng những ngọn lửa của địa-ngục ấy và để cứu vớt những nạn-nhân ra khỏi đấy. Vì chưng, định-mệnh của ông là cháy ở đấy để cứu vớt kẻ khác ...

Ông rời nước Anh ngày 16 tháng 12 năm 1896, qua Douvres, Calais, Mont-Cenis và kết-thúc cuộc viếng thăm Âu-châu bằng một cuộc du-hành ngắn qua nước Ý ( Italie ), đến Milan chào bức họa " bữa cơm cuối cùng " ( Cène ) của Vinci, nhất là cảm-xúc trước La-Mã ( Rome ) mà trong tưởng-tượng của ông, nó có một địa-vị tương-đương với Delhi. Bất cứ lúc nào ông cũng ngạc nhiên về những sự tương tự giữa nghi-lễ Da-Tô và điển-lễ Ấn-Độ-giáo. Ông rất cảm-động về sự huy-hoàng của La-Mã và bênh-vực vẻ đẹp tượng-trưng và sự rung-động chống đối với các bạn người Anh cùng đi với ông. Ông cảm-động thâm-trầm về kỷ-niệm

các tín-đồ Cơ-Đốc đầu tiên và những tử-đạo trong Hầm-mộ ( Catacombes ), cảm-thông lòng tôn thờ của dân Ý đối với các diện-mục của Đấng Cơ-Đốc ( Christ ) giáng sinh và Đức Mẹ Đồng-trinh ( Vierge ). Luôn luôn những hình-ảnh ấy hiện lên trong tâm-hồn ông. Chúng ta thấy qua bao nhiêu lời nói của ông mà tôi đã trích-dẫn. Khi ông ở Thụy-Sĩ ( Suisse ), đứng trước ngôi Nhà-Thờ nhỏ trong núi, ông đã hái hoa và đặt dưới chân tượng Đức Mẹ Đồng-trinh, tay chỉ bà Sevier, ông nói :

_ " Bà cũng là Đức Mẹ đấy . "

Có một đệ-tử sau này có ý-nghĩ kỳ-khôi, đem hình-ảnh của Madone Sixtine đến trước mặt ông để cho ông ký phúc, ông đã khiêm-tốn từ-chối, và kính-cẩn sờ vào chân của Thánh-Nhi, nói :

" _ " Tôi có thể rửa chân Ngài, không phải với nước mắt của tôi mà với máu của tim tôi ."

( __ Trên tầu chở ông từ Âu-châu về Ấn-Độ, Vivekananda suy-tư lung-tung về sợi giây thần-linh ấy, nó nối liền hai thế-giới.

( Chính trên chiếc tầu này, vào một đêm cuối năm, ông đã có một giấc-mộng kỳ-lạ, có thể làm cho các nhà chống-đối ngẫu-tượng cận-đại về đấng Cơ-Đốc lịch-sử thích-thú : _ Một cụ già hiện ra bảo ông : " Hãy nhìn kỹ chỗ này. Đây là đất khởi-điểm của Cơ-Đốc-giáo. Tôi là một trong hàng các nhà trị bệnh ở đô-thị Essen, tôi từng sinh sống tại đây. Những chân-lý và lý-tưởng do chúng tôi truyền-bá đã được đưa ra như là giáo-lý của Jésus. Nhưng nhân-vật Jésus không từng có ra đời. Những bằng-chứng khác nhau chứng-minh thực-kiện ấy sẽ được đem ra ánh-sáng khi nào người ta đào lên ."

( Lúc ấy vào nửa đêm, Vivekananda tỉnh dậy, hỏi người thủy-thủ nơi đây là đâu : ông được trả lời là tầu đang đi ngoài khơi, cách 50 hải-lý đảo Crète. Cho tới ngày nay, ông không từng bao giờ nghi-ngờ về lịch-sử tính của

Jésus. Nhưng đối với một tinh-thần nhiệt-thành tín-ngưỡng như ông, thì thực-tại lịch-sử về một Thượng-Đế là một thứ yếu của những thực-tại ấy. Thượng-Đế là kết-quả của tâm-hồn một dân-tộc thì có thật hơn là thực-tại của kết-quả trong bụng Mẹ Đồng-trinh. Chắc-chắn hơn nữa, nó là tia lửa từ Thần-linh bắn ra . __ )

Sự thực người ta có thể nói rằng, suốt cả Châu-Âu và Châu-Mỹ, không một bộ mặt nào gần với ông như đấng Cơ-Đốc. Và không có gì làm người ta cảm thấy hơn rằng Môi-giới lớn giữa Thượng-Đế và nhân-loại cũng được gọi đến để làm Môi-giới giữa Đông-phương và Tây-phương, bởi vì Đông-phương có quyền chính-đáng nhận Ngài là của mình. Không phải chỉ có một môi-giới ấy thôi. Còn môi-giới mà các nhà bác-học vĩ-đại vô-tư đã tìm thấy trong đêm tối, không cần trợ-lực, con đường đưa đến hiểu-biết cái tinh-thần tối-cổ, thuần-túy nhất của Ấn-Độ. Có ngọn lửa tâm-linh bất ngờ đã làm bốc lên ngay khi đụng chạm đầu tiên, ở đám đông thiện-chí của Cựu-Thế-giới và Tân-

Thế-giới, do lời nói nông-nhiệt của Đạo-sĩ Swami ! Có cái đà bồng-bột tín-ngưỡng cởi mở kia, cái tấm lòng phong-phú kia _ ( dù ông có nghĩ đến chăng, cái Tây-phương kia, đế-quốc thế-giới, hay là cái vỏ của nó, bằng gươm của lý-trí hay là quả đấm của sức mạnh ) _ tất cả những tâm-hồn kia, tinh-khiết và trong trắng, đã tự hiến cho ông. Những bạn cao-quý ấy, những người phụng-sự vì tình-yêu mà ông đã cuốn vào làn sóng của ông ; _ ( hai người trong bọn họ là vợ chồng già Sevier, luôn luôn ở bên ông trên một chuyến tầu : họ rời bỏ Âu-châu, tất cả dĩ-vãng để đi theo ông ... ) .

Chắc hẳn là khi ông ôn lại cuộc du-hành lâu bốn năm trường và món quà ông mang về cho dân-tộc Ấn-Độ của ông thì không phải ít đâu, cái món quà linh-hồn ấy, cái tài-sản tâm-linh ấy mà Ấn-Độ sẽ có lợi ! Nhưng phải chăng đấy là vật cấp-thiết nhất mà sự khổ-thống của Ấn-Độ đang đòi hỏi ? Sự giúp đỡ khẩn-cấp mà ông đã đi hành-khất, cái bó lúa mót trên ruộng phú-túc khủng-khiếp của Tây-

phương, nó có thể cứu-vớt nạn diệt vong của hàng triệu dân Ấn, những viện-trợ tiền-tài ông đang cần để làm lại sức khoẻ vật-chất và tinh-thần của dân ông, cái ấy ông có mang được về không ? __

Không. Về điều ấy thì cuộc du-hành của ông đã thất-bại .

( Hai năm sau, vào năm 1899, ông còn nổi cơn thất-vọng bởi vì tất cả thành-công của ông, tất cả vinh-quang của ông không đem lại nổi cho ông hơn ba trăm triệu đồng tiền Ấn ( roupie ) mà ông đòi-hỏi cho cái mộng tái-tạo vật-chất cho Ấn-Độ. Nhưng vào thời-gian này, ông đã học hỏi được một điều là chúng ta không sinh ra đời để thấy sự thành-công :

> ( " _ " Không phút nào nghỉ-ngơi. Tôi chết trên yên-cương như con ngựa. Đời sống là một chiến-trận. Tôi hãy sống và hãy chết như là một chiến-sĩ ! " _ )

Ông phải bắt đầu trên một cơ-sở mới, làm lại Ấn-Độ bằng sức của Ấn-Độ. Sự cứu giúp phải tự mình ra .

Nhưng để thành-tựu công-trình khổng-lồ ấy, như việc làm của Thần Lực-sĩ Hercule ấy, người anh-hùng trẻ bị thần chết rình chờ kia, liền bắt tay gánh-vác. Cuộc du-hành sang Tây-Âu đã mang lại cho ông điều mà ông thiếu trước khi ra đi, ấy là uy-tín .

*****
*

# - VII -

# TRỞ VỀ ẤN-ĐỘ

Sự thành-công của Vivekananda ở Hội-nghị Tôn-giáo đã báo tin về Ấn-Độ rất chậm. Nhưng đến khi tin ấy được biết, thì một sự vui-sướng và kiêu-hãnh của dân-tộc bùng nổ. Tin ấy lan tràn khắp nước. Các tu-sĩ ở Baranagore mãi sáu tháng sau mới hay. Họ không có thể ngờ rằng người chiến-thắng vinh-quang ở Chicago lại là đạo-hữu của họ : một bức thư của Vivekananda báo tin cho họ hay ; lòng hân-hoan của họ gợi lên lời tiên-tri xưa kia của Ramakrishna : _ " Naren sẽ rung-động thế-giới cho tới nền-móng của nó ."

Vua chúa, bác-học và nhân-dân hớn-hở vui-mừng. Cả nước Ấn ăn mừng nhà quán-quân thắng trận của nó. Sự hân-hoan lên đến

cực độ ở tỉnh Madras và ở xứ Bengale, là đất say mê về trí tưởng-tượng nhiệt-đới. Một năm sau Hội-nghị Chicago, một cuộc họp mặt tại nhà đô-sảnh Calcutta, ngày 5 tháng 9 năm 1894 : tất cả các giới trong nhân-dân, tất cả giáo-phái Ấn-Độ-giáo đều có đại-biểu ở đấy. Họ đoàn-kết hợp-nhất để làm lễ mừng Vivekananda và cảm-tạ dân-tộc Mỹ. Một bức thư dài, có tên ký của các danh-nhân được gởi sang Hiệp-Chủng-Quốc. Một số chính đảng không bỏ lỡ cơ-hội lợi-dụng khai-thác hành-động của Vivekananda. Và khi Vivekananda được biết đã phản-đối mạnh-mẽ. Ông không muốn dính dáng vào một vận-động nào có mục-đích vụ lợi .

( " Không một ý-nghĩa chính-trị nào được liên-hệ vào bất cứ điều gì tôi viết và nói . Vô lý ! " __ tháng 9 năm 1894 )

" Tôi không muốn có liên-quan gì với những ngu-xuẩn chính-trị cả, tôi không tin-tưởng vào một chính-trị nào hết. Thượng-Đế và chân-lý là chính-trị

duy-nhất ở trên đời. Tất cả còn lại chỉ là hư-không ". _ (ngày 9 tháng 9 năm 1895)

"_ " Tôi không cần thành-công hay thất-bại. Tôi giữ vận-động của tôi thuần-khiết, hay là tôi không muốn có vận-động nữa ."

Nhưng ông không từng để mất liên-lạc với những đệ-tử trẻ của ông ở Madras, và ông không ngớt khích-động chúng, làm cho chúng hăng-hái lên, ông muốn tạo chúng thành đội-quân của Thượng-Đế, sống nghèo-khó và trung-thành đến chết ...

" _ " Chúng ta nghèo khó, các con ơi, chúng ta chẳng là cái gì cả ; nhưng chính những kẻ không là cái gì mới là khí-cụ của Tối-cao . "

Những bức thư từ bên Tây-phương gửi về vạch trước những kế-hoạch chiến đấu, bổn-phận duy-nhất : Nâng cao quần-chúng Ấn-Độ". Và vì mục-tiêu ấy, " tập hợp và tập-trung

những năng-lực tản mát của những cá-nhân, tu-luyện đức tính phục-tòng, học tập làm việc tập-thể cho người khác ." _ Ông theo dõi ở xa những tiến-bộ của họ. Ông gửi cho họ tiền để lập nên một giáo-đoàn về tinh-thần Vedanta. Trong khi vắng mặt ông, tạp-chí Brahmavadin của Madras đã kéo cờ của ông. Và càng ngày, ngày trở về của ông càng gần, mặc dầu nhọc mệt còn đè nặng lên mình, những Sứ-đồ-thư cho nước Ấn của ông kêu vang như kèn trận :

> " _ " Nhiều đại sự sắp thành tựu... Không sợ gì, các con ạ ! Can đảm lên !... Thày về Ấn thày sẽ dựng lên cái gì cần-thiết. Hãy làm việc đi, các tâm-hồn can-đảm ! Chúa ở sau các con ... "

Ông báo trước sẽ lập hai bản-doanh ở Madras và ở Calcutta, hai cái nữa sau này ở Bombay và ở Allahabad. Chung-quanh một trung-tâm cùng các đạo-hữu thuộc về dòng Ramakrishna, và chính đệ-tử của ông với phụ-tá Tây-phương, sẽ cùng ông tổ-chức Giáo-hội

tương-trợ và yêu-thương đại-đồng để chinh-phục Ấn-Độ và thế-giới bằng phụng-sự chúng .

Bởi vậy, ông dự tính khi về tới nhà, thấy được đội-quân của mình sẵn-sàng đến nhận khẩu-lệnh. Nhưng không bao giờ ông trông đợi, có một dân-tộc, những bộ-tộc Ấn-Độ, đứng cả dậy ngóng trông chiếc tầu mang về người anh-hùng của nó, người chiến-thắng Tây-phương. Ở các đô-thị lớn, các ủy-ban được lập lên với tất cả các thành-phần xã-hội để đón rước ông. Người ta dựng những khải-hoàn-môn, người ta tô-điểm đường phố và nhà cửa. Sự khích-động cực độ đến nỗi nhiều người không thể chờ đợi, chạy vội xuống Nam-Ấn, đến tận bến tầu ở Ceylan ( Tích-Lan ) để được hoan-nghênh trước tiên .

Ngày 15 tháng 1 năm 1897, khi ông đến bến thì tiếng hoan-hô nổi vang lên trong đám đông như kiến, đầy ngập cả các bến Colombo. quần-chúng xô nhau đến sờ chân ông. Người ta tổ-chức một đám rước có cờ quạt đi trước.

Người ta hát Thánh-ca. Người ta ném hoa dưới chân ông. Người ta rẩy nước hoa hồng hay nước thánh-lễ, múc ở sông Gange ( Hằng ). Trầm nhang đốt ở trước cửa các nhà. Hàng trăm khách giầu và nghèo đến thăm, đem quà đến dâng biếu .

Và Vivekananda, một lần nữa lại du-hành qua đất Ấn, từ Nam lên Bắc, cũng như trước kia ông đã hành-khất dọc đường, nhưng ngày nay, thì trên con đường vinh-quang được nhân-dân vui-sướng say cuồng hộ-tống. Và các tiểu-vương quỳ vái trước mặt hay là kéo xe cho ông, như trường-hợp Rajah Ramnad vậy. Súng đại-bác bắn chào ; và trong những đám rước kiểu Á-đông có voi và lạc-đà biểu-diễn, người ta đồng ca hợp xướng điệu khải-hoàn " Judas Macchabée " của nhạc-sĩ Haendel .

Ông không phải loại người trốn-tránh khải-hoàn hay là chiến-trận. Ông không nhận vinh-dự ấy về cho mình mà là cho chủ-đích. Và ông công-nhiên ghi-nhận cái tính-cách lạ lùng

ở việc đón rước ấy của cả một dân-tộc đối với một đạo-sĩ lang-thang ( Sannyasin ) tay không, không tên tuổi, không cửa không nhà, chỉ mang theo với mình có Thượng-Đế thôi. Ông lấy hết sức mình để giơ cao trên đầu quần-chúng cái gánh nặng linh-thiêng. Con người mang bệnh ấy, đáng lẽ phải tiết-kiệm sức sống, lại đã đem ra phụng-sự một cách phi-thường. Dọc đường dài, ông đã gieo tung trước gió lời nói thành những bài diễn-thuyết nẩy lửa, hay nhất, hùng-hồn nhất mà Ấn-Độ từng được nghe, mà Ấn-Độ toàn thân đã rùng-mình. Tôi sẽ dừng lại đây, vì những lời nói ấy đánh dấu điểm tuyệt đỉnh hành-động của ông. Sau cuộc Viễn-chinh khắp thế-giới, kết-liễu, ông đem tất cả vốn-liếng kinh-nghiệm của ông về nhà. Sự tiếp-xúc lâu với Tây-phương đã làm cho ông cảm thấy thâm sâu bản-ngã của Ấn-Độ. Và cái bản-ngã ấy, phản lại, lại khiến ông thấy giá-trị của bản-ngã mạnh-mẽ và đa diện của Tây-phương. Và cả hai bên bổ-túc lẫn cho nhau, đòi hỏi tiếng nói để liên-hệ chúng lại, Kinh Thánh chung, cả hai vạch cho ông con đường phải khai-thông .

Dù những bài diễn-thuyết của ông ở Colombo có cảm-động đến mấy ( " Ấn-Độ Đất Thánh " " Triết-lý Vedanta " ), bài diễn-văn dưới bóng cây vả ở Anadapure, trong ấy mặc dù có một nắm Phật-tử phá rối, ông làm lễ khai-giảng " Tôn-giáo Đại-đồng ", phúc-âm cho nhân-dân của Rameswaram vang dậy lời nói vĩ-đại, bà con của Cơ-Đốc :

> "_ " Hãy thờ Çiva ở kẻ nghèo, kẻ bệnh tật và ở những kẻ yếu hèn ! ... ", lời nói làm nổi dậy trong lòng tiểu-vương ngoan đạo một bầu từ-thiện cuồng-nhiệt. ( Ngay ngày hôm sau, nhà Vua phát chẩn cho hàng ngàn kẻ nghèo và cho xây một đài khải-hoàn ) ".

Chính tại Madras ông dành sức nỗ-lực mạnh nhất của ông. Madras từ mấy tuần chờ đón ông, Madras cuồng nhiệt đã dựng lên mười bẩy khải-hoàn-môn, dâng ông hai mươi bài chúc từ trong tất cả các ngôn-ngữ của các xứ

Ấn-Độ, tất cả sinh-hoạt xã-hội đình lại khi ông đi qua, chín ngày liền ăn tết hân-hoan ...

Đối với sự chờ đón say mê của một dân-tộc, ông trả lời bằng một bài " Thông-cáo Của Ấn-Độ ", tiếng cồng vang động, nó kêu gọi sự phục sinh của đất Rama, Çiva, Krishna, và sự ra trận của Tinh-thần anh-hùng, của Bản-ngã Atman bất-tử. Ông là một tướng-quân trình bầy " Trận-đồ " của mình và triệu-tập nhân-dân mình đứng cả lên :

" _ " Ấn-Độ của ta ơi ! Hãy đứng dậy ! Sức mạnh căn-bản của người đâu ? Ở tại Linh-hồn bất-tử của người ...

" Mỗi dân-tộc cũng như mỗi cá-nhân, mang ở trong đời sống của nó một chủ-đề duy-nhất làm trọng-tâm cho sinh-mệnh mình, âm-điệu cơ-bản để cho tất cả những âm-điệu khác của hòa-điệu đến tập-hợp chung-quanh... Nếu từ bỏ chủ-đề ấy đi, nếu từ bỏ cái nguyên-lý sinh-lực

riêng của mình, đường-hướng từng thế-hệ truyền lại cho mình, thì dân-tộc ấy tiêu-diệt... Trong một dân-tộc như nước Anh, cái nguyên-lý sinh sống ấy là quyền-thế chính-trị. Ở một dân-tộc khác, ấy là đà vươn nghệ-thuật. Ở Ấn-Độ đời sống tôn-giáo tạo nên chủ âm của toàn-thể hòa-điệu... Vậy thì bỏ mất tôn-giáo đi, anh đem cho nó chính-trị-học hay xã-hội-học làm trọng-tâm, kết-quả anh sẽ diệt tắt nó. Cải-cách xã-hội và chính-trị ở Ấn-Độ phải luôn luôn thực-hành tùy theo sức sống tín-ngưỡng tôn-giáo... Tất cả mọi người, tất cả các dân-tộc đều được đòi hỏi lựa chọn. Chúng ta đã lựa-chọn từ bao nhiêu thế-hệ rồi... Và ấy là tín-ngưỡng vào Linh-hồn bất-tử... Tôi dám thách đố các anh từ bỏ điều ấy... Anh không thay được bản-tính của anh đâu ...

" ... Đừng phàn-nàn nữa ! Phần của anh là hơn cả. Hãy ý-thức lấy cái sức mạnh ở trong tay mình ! Nó mạnh đến

mức mà nếu anh ý-thức được và anh xứng đáng với nó, anh được gọi ra để cách-mệnh cả thế-giới. Ấn-Độ là sông Hằng về tâm-linh. Những chinh-phục vật-chất của các chủng-tộc Anh, Mỹ còn xa mới có thể cản-trở được giòng sông ấy, mà chính những chinh-phục vật-chất ấy lại là để làm cho nó bành-trướng. Thế-lực của Anh-Cát-Lợi đã nối liền các dân-tộc trên hoàn-cầu, nó đã mở đường qua đại-dương, ngõ hầu trào-lưu tinh-thần Ấn-Độ lan tràn, cho chí biên-giới của trái đất ( cũng như đế-quốc La-Mã đã được dựng lên để cho vinh-quang của Cơ-Đốc vậy . )

" Vậy cái tinh-thần Ấn-Độ ấy là gì ? Cái tín-ngưỡng mới ấy thế nào ? Cái khẩu-hiệu mới mà thế-giới đang mong chờ đâu ? ...

" Điều mà cả thế-giới đang chờ đợi, và có lẽ các giai-cấp dưới hơn là giai-cấp trên, hạng thất học hơn là hạng học-thức,

nhân-loại bị áp-bức hơn là những kẻ áp-bức _ ấy là cái ý-tưởng vĩ-đại : Duy-nhất Tâm-linh Vũ-trụ... Cái Thực-tại độc-nhất và vô-biên, có ở tại nơi anh, nơi tôi, tại tất cả trong Bản-ngã, trong Linh-hồn... nhất tính vô-hạn của Linh-hồn, cái ý-tưởng rằng anh và tôi không phải chỉ là anh em ruột, mà anh với tôi, chúng ta là Một... Âu-Tây ngày nay cần đến nó, cũng như đại-chúng bị áp-bức của chúng ta ; và cái nguyên-lý vĩ-đại ấy, giờ này vô tình, là cơ-bản của tất cả những nguyện-vọng chính-trị và xã-hội của nước Anh ( Angleterre ), nước Đức ( Allemagne ), nước Pháp ( France ), nước Mỹ ( Amerique ) ."

_ ( trong " Le Vedanta et ses Applications à la Vie de l' Inde ", diễn-văn ở Madras )

Song, đấy là chính cơ-bản của tín-ngưỡng Veda cổ xưa, của Phi-Nhị-Luận ( Advaïta ), Bất-Nhị-Pháp vĩ-đại, cái tinh-thần Ấn truyền-thống thâm-trầm nhất và thuần-túy nhất ...

" ... Người ta có khi trách tôi đã truyền-bá Phi-Nhị-Luận ( Nhất nguyên tuyệt-đối luận ) nhiều quá, và quá ít Nhị-nguyên-luận. Phải, tôi hiểu các tôn-giáo Nhị-nguyên lớn lao biết chừng nào, tuôn ra hàng bể yêu-thương, phúc-đức và lạc-thú thần-hóa là nhường nào. Tôi biết lắm. Nhưng đối với chúng ta thì không phải lúc để khóc, dù là khóc vì vui, chúng ta đã khóc quá nhiều rồi. Đối với chúng ta ngày nay không phải lúc để mủi lòng súc-cảm. Chúng ta súc-động lâu quá đến nỗi chúng ta đã biến thành những bị bông... Điều mà tổ-quốc chúng ta đang cần, ấy là bắp thịt sắt, ấy là gân thép, những ý-chí khổng-lồ không cái gì có thể chống nổi, và để đạt tới đích, nếu cần, sẵn-sàng lặn xuống tận đáy biển và đương đầu với cái chết, diện đối diện. Đấy là điều chúng ta cần. Và những điều ấy chỉ có thể tạo nên, thiết-lập và củng-cố, chừng nào các anh hiểu, và nếu các anh thực-hiện lý-tưởng

Bất-Nhị, Nhất-tính Đại-đồng. Tín-ngưỡng, tín-ngưỡng nơi mình !

" ... Nếu các anh đặt tín-ngưỡng vào ba trăm ba mươi triệu thần-linh huyền-thoại và vào tất cả các thần-linh khác nữa mà người ngoại-quốc đã đem vào, mà nếu các anh không tín-ngưỡng nơi mình thì không có gì để cứu vớt cho mình được cả. Hãy tin vào mình, và tiến lên với tín-ngưỡng ấy. Tại sao chúng ta, một dân-tộc ba trăm ba mươi triệu đã bị một nhóm người ngoài xa-lạ cai trị chúng ta một ngàn năm. Bởi vì họ tín-ngưỡng vào nơi họ, mà chúng ta thì đã bỏ mất lòng tự-tin... Tôi đọc trong một tờ báo, thấy có một người dân Ấn khốn-nạn, bị một người Anh hành-hạ hay giết chết ; và tất cả nước kêu lên. Tôi đọc tin đó và tôi khóc. Nhưng rồi nghĩ lại, tôi tự hỏi : " Ai là kẻ thủ-phạm ? " và tôi tự đáp : " Không phải lỗi ở người Anh. Chính là ở chúng ta. Chúng ta có trách-nhiệm về sự sa-đọa

của chúng ta. Tiên-tổ những người quí-tộc của chúng ta đã chà đạp lên đầu quần-chúng của xứ sở chúng ta, thậm chí chúng đã trở nên bất-lực, thậm chí, dưới sự đàn-áp, những kẻ khốn nạn, hạng người khốn cùng kia đã quên mất cả rằng chúng cũng là người. Chúng bị dồn vào điều-kiện thấp-hèn nhất, đến mức tột cùng, tự tin rằng mình sinh ra để làm nô-lệ ."
_ ( Triết-học Vedanta và sự Ứng-dụng vào Đời sống Ấn-Độ )

" Các anh tự cho mình là những người ái-quốc, các anh tự xưng là các nhà cải-cách xã-hội, các anh có cảm thấy trong lòng rằng hàng triệu con cháu chư thần và hiền-triết đã biến thành gần như súc-sinh ; rằng hàng triệu chết đói chết khát ngày nay, hàng triệu chết đói từ mấy thế-kỷ rồi ? Các anh có cảm thấy rằng sự ngu-dốt đã phủ ngập cả xứ-sở này như một đám mây mù ? Các anh có hoảng sợ không ? Các anh có vì thế mà mất ngủ

không ? Các anh đã quên mất tên tuổi mình, danh-dự mình, vợ con mình, tài-sản của mình, cả đến thân-thể mình, trong cái sự ám-ảnh duy-nhất của thống khổ và đồi bại rồi sao ? ... Đấy là bước đầu để thành người ái-quốc. Kể từ hàng thế-kỷ, người ta nhồi sọ dân mình những học-thuyết trụy-lạc. Người ta bảo quần-chúng khắp trên mặt đất rằng chúng không là cái gì hết. Người ta đã làm cho chúng khiếp sợ từ bao nhiêu thế-kỷ, đến nỗi chúng hầu như biến thành đàn súc-vật. Không bao giờ người ta cho phép chúng nghe nói đến Atman... Chúng hãy nghe nói về Atman ! Chúng hãy biết rằng, những kẻ hèn nhất trong những kẻ hèn cũng mang tại mình Atman, bất tử, bất sinh. Cái mà gươm không thể xuyên thủng, lửa không thể đốt cháy... Cái bất tử, vô-thủy vô chung, thuần-khiết, toàn-năng, cái Atman viên-mãn hiện-tại... Phải đấy, mỗi người chúng ta, mỗi phụ-nữ chúng ta, mỗi đứa trẻ, không phân-biệt dòng-dõi giai-cấp, yếu

hay khỏe, hãy học hỏi và biết rằng đàng sau kẻ yếu và kẻ khỏe, đàng sau người quyền-thế và kẻ thấp hèn, đàng sau tất cả mọi người, đều có cái Atman vô-hạn ấy, nó bảo-đảm cho tất cả tiềm-năng vô-hạn và những khả-năng vô-biên về vĩ-đại và nhân-từ ! Đứng lên ! Tỉnh dậy ! Và không dừng nữa cho đến chừng nào tới đích ! Tỉnh dậy, tỉnh dậy khỏi giấc thôi-miên của hèn yếu ! Chẳng một ai là thực hèn yếu cả : Linh-hồn thì vô-biên, toàn-năng, toàn-trí. Đứng lên ! Đấy là một tôn-giáo tạo nên hạng người chúng ta cần. Đấy là một giáo-dục đào tạo hạng người chúng ta cần. Đấy là những học-thuyết sản-sinh hạng người chúng ta cần. Và đấy là hòn đá thử vàng của Chân-lý : tất cả cái gì làm cho chúng ta yếu hèn về thể-chất, trí-thức và tâm-linh thì hãy vứt đi ! Nó là thuốc độc đấy. Sự Sống không ở đấy. Chân-lý không ở đấy. Chân-lý là sức mạnh. Chân-lý là tinh-khiết. Chân-lý là ánh-sáng. Nó là nguồn năng-lực... Hãy bỏ

đi những thần-bí-học, nó làm bạc-nhược các anh đi, và hãy khỏe lên ! Những Chân-lý vĩ-đại nhất của thế-giới đều là cái giản-dị nhất, giản-dị như chính đời sống của mình ... "
_ ( Le Vedanta et son Application à la Vie de l'Inde )

" ... Bởi vậy nên chương-trình của tôi là xây-dựng lên ở Ấn-Độ những trường đào-luyện những thanh-niên của chúng ta để truyền-bá những Chân-lý vĩnh-cửu ở trong và ở ngoài nước Ấn. Những người và người ! Các điều khác sẽ thấy sau. Nhưng là những người trẻ-trung, khỏe-mạnh, có nghị-lực cương-cường, đầy tín-ngưỡng thành-thật đến cốt-tủy, đấy là điều tôi muốn. Hãy cho tôi một trăm con người như thế, tôi sẽ cách-mệnh thế-giới. Ý-chí còn mạnh hơn cả thế-giới. Tất cả phải nhường bước cho ý-chí. Vì ý-chí là của Thượng-Đế. Một ý-

chí thuần-túy và dũng-mãnh có thể làm được tất cả . "
_ ( Mon Plan de Campagne = Trận-đồ của tôi )

" ... Và nếu người ta bảo rằng người Bà-La-Môn, vì dòng-dõi có năng-khiếu học hiểu hơn là kẻ cùng-đinh, thì không nên tiêu tiền cho việc giáo-dục người Ba-La-Môn nữa mà tiêu cho kẻ cùng-đinh ! Hãy cho kẻ yếu, và tất cả cúng hiến cho họ là cần-thiết ! Nếu người Bà-La-Môn sinh ra vốn thông-minh, họ sẽ tự học lấy không cần giúp đỡ. Đấy là công-lý và hợp-lý như là tôi hiểu vậy .

" ... Trong khoảng năm mươi năm tới đây, tất cả những Thần Thánh hão-huyền khác hãy để biến đi khỏi tinh-thần các anh. Chỉ một Thượng-Đế được các anh tỉnh-thức, ấy là chính dân-tộc mình. Bất cứ đâu cũng là tay dân-tộc. Bất cứ đâu cũng là chân, tứ-chi, thân-thể dân-tộc

cả. Dân-tộc bao-phủ tất cả. Tất cả chư Thần khác để ngủ yên. Các anh định đi tìm Thần-linh vô-dụng nào, nếu các anh không tôn-thờ vị Thần các anh nhìn thấy chung quanh mình, Thần Sống, Sinh-lực ( Virât ) ? ... Sự thờ-phụng đầu tiên là thờ Thần Sống, những người sống chung-quanh mình... Đấy là tất cả chư vị Thần của chúng ta : những người sống sinh-hoạt ! Và những Thần đầu tiên chúng ta phải tôn thờ, chính là đồng-bào ruột thịt của chúng ta ! ... "
_ (L'Avenir de l'Inde = Tương-lai Ấn-Độ)

Thử tưởng-tượng tràng sấm vang rền của những lời nói ấy ! Người ta cũng như đại-chúng Ấn-Độ, cũng như chính Vivekananda sắp phải muốn kêu lên : _ " Chúa tôi ! Chúa tôi ! ( Çiva ! Çiva ! ) .

Trận bão-tố qua ; nó đổ xuống đồng-bằng những thác nước và lửa. Tiếng gọi mãnh-liệt về Năng-lực tâm-hồn, về Thượng-Đế ngự trong

con người và về khả-năng vô-hạn của nó ! Tôi nhìn thấy Pháp-sư đứng lên, cánh tay giơ cao, khác gì Jésus de Lazare trên ngôi mộ trong bức họa của Rambrandt ; và khí lực như suối tuôn của cái cử-chỉ điều-khiển, chỉ-huy nâng cái xác chết dậy và lôi ra khỏi lòng đất ...

Người chết đã đứng lên chưa ? Ấn-Độ, mà những lời nói ấy đã rung-động đến rùng mình, đã đáp-ứng lòng mong đợi của người kêu gọi chưa ? Sự hoan-nghênh rầm rộ ồn-ào của nó đã biến thành hành-động chưa ? Lúc này hầu hết tất cả ngọn lửa bùng lên ấy có vẻ đã tan ra khói. Hai năm sau, Vivekananda chua chát tuyên-bố rằng ở Ấn-Độ không thấy xuất-hiện cái mùa lúa những thanh-niên cần-thiết cho đội-quân của ông. Người ta không có thể một sớm một chiều thay đổi thói quen của một dân-tộc vốn chìm đắm trong giấc Mộng, nô-lệ thành-kiến, trôi theo dốc ươn lười. Nhưng lần đầu tiên chiếc roi của thày đã làm giật-mình trong cảnh nửa thức nửa ngủ của nó ; và cũng lần đầu, điệu kèn anh-dũng đã cất tiếng trong

giấc mơ của nó, ra hiệu tiến lên của Ấn-Độ, ý-thức Thượng-Đế của nó. Nó sẽ không quên được nữa. Kể từ ngày ấy, bắt đầu người khổng-lồ li-bì thức tỉnh dậy. Nếu thế-hệ kế-tiếp đã nhìn thấy _ ba năm sau khi Vivekananda qui tiên _ cuộc nổi dậy của xứ Bengale, mở đầu cho đại vận-động của Tilak và Gandhi. Nếu Ấn-Độ ngày nay nhất quyết đi vào hành-động tập-thể của quần-chúng tổ-chức, ấy là nhờ vào cái đập khởi đầu của tiếng gọi mãnh-liệt :

_ " Đứng lên, Lazare !

của Thông-điệp Madras .

***

*

Cái Thông-điệp nghị-lực ấy có ý-nghĩa sinh-đôi : _ một ý-nghĩa dân-tộc _ một ý-nghĩa đại-đồng. Và tuy đối với nhà tu-sĩ Bất-Nhị-Pháp ( Advaïta ) chính ý-nghĩa đại-đồng nó chi-phối, nhưng lại là ý-nghĩa thứ nhất kia nó rung-động tơ-lòng của Ấn-Độ. Vì nó đáp-

ứng cho những điệu đập của cơn sốt rét đang bao-trùm thế-giới ở giai-đoạn lịch-sử hiện-tại, nó đáp-ứng cho cái su-hướng bất-hạnh của chủ-nghĩa Dân-tộc, mà chúng ta hiện nay đang mục-kích cái hậu-quả gớm ghê. Vậy vô-tình ông chịu trách-nhiệm những cái hiểm-họa. Có chỗ đáng ngại rằng, cao độ tâm-linh của ông có thể lợi-dụng vào lòng kiêu-hãnh thú-tính của chủng-tộc hay là dân-tộc với những con thú dữ của nó. Chúng ta biết lắm, chúng ta đã từng thấy nhiều về những chủ-nghĩa lý-tưởng ấy _ và tôi dám nói là những loại thuần-túy nhất _ bị lợi-dụng phục-vụ cho những dục-vọng dân-tộc bẩn-thỉu nhất. Nhưng một mặt khác, làm thế nào cho những quần-chúng có tổ-chức kia của Ấn-Độ đạt tới ý-nghĩa Đồng-nhất nhân-loại, mà không cho chúng cảm thấy cái đồng-nhất-tính ấy, trong phạm-vi của chính dân-tộc mình. Cái này là con đường của cái kia. Và tuy vậy, đối với tôi, tôi chuộng một con đường khác, vất-vả hơn nhưng thẳng-thắn hơn. Bởi vì tôi quá rõ biết đa số những người đi qua vào giai-đoạn dân-tộc đều sa-lầy ở đấy. Chúng đã phao-

phí trên đường những năng-lực tín-ngưỡng và tình-yêu của chúng đi... Đấy hẳn không phải tư-tưởng của một Vivekananda, cũng hệt như Gandhi, các ông chỉ quan-niệm sự thức tỉnh của Ấn-Độ là để phục-vụ nhân-loại, mà nó phải là cái ý-thức giải-phóng, ngọn đuốc soi sáng về vĩnh-cửu. Hơn nữa, Vivekananda còn thận-trọng hơn Gandhi, có lẽ không thừa-nhận nỗ-lực tuyệt-vọng của Gandhi đã cố-gắng đem tinh-thần tín-ngưỡng thâm-nhập vào hành-động chính-trị : vì rằng bất cứ trong trường-hợp nào _ ( như chúng ta đã thấy trong những bức thư từ Mỹ-quốc gởi về ) Vivekananda đã đặt giữa chính-trị với mình một lưỡi kiếm tuốt trần... " Đừng chạm vào ta ! ... ". " Tôi không muốn có quan-hệ gì với những ngu-xuẩn chính-trị cả !... " _ Nhưng một người như Vivekananda luôn luôn phải xét, không những với tinh-thần ông mà với tính-tình của ông nữa. Và con người Ấn cao ngạo ấy, từng bao phen đụng chạm với những ngược đãi hay xúc-phạm ngu-xuẩn của kẻ chinh-phục Hồng Mao ( Anglo Saxon ), phản-ứng lại mãnh-liệt khiến cho trái

với ý muốn của mình, Vivekananda đã tham-gia vào những phẫn-nộ nguy-hiểm của chủ-nghĩa dân-tộc, mà tín-ngưỡng của ông cấm chỉ. Cuộc chiến-đấu nội-tâm phải kéo dài cho tới cuộc khủng-hoảng những ngày đầu tháng mười năm 1898, khi ông rút lui về một mình ở Kachemir, gần một ngôi đền thờ Kali (Đức Thánh Mẫu ), bấy giờ ông làm mồi cho làn sóng súc-động ( do những đau khổ và suy sụp của Ấn-Độ đã gây ra ) _ Ông trở về với diện-mục biến-đổi, ông nói với Nivedita :

> _ " Tất cả chủ-nghĩa ái-quốc của tôi đã biến đi rồi. Tôi đã phạm lỗi lớn. Đức Mẹ ( Kali ) bảo tôi : " Ví dụ cả đến kẻ không tín-ngưỡng bước vào trong cung-điện của Ta và làm ô-uế hình-ảnh Ta, việc ấy có can dự gì đến mi ? Phải chăng mi che-chở Ta hay là Ta che chở mi ? ... " Như thế là không có chủ-nghĩa ái-quốc nữa ; và tôi chỉ còn là một đứa con nít thôi ... "

Nhưng trong tiếng thác đổ của những bài diễn-thuyết ở Madras, một dân-tộc không có khả-năng, thay vì nghe theo tiếng nói khinh-thị và bình-thản của Đức Mẹ Kali, nó kiềm chế lòng kiêu-ngạo nhân-loại, ông đã bị lôi cuốn vào giòng say-cuồng và phẫn-nộ của dân-tộc .

*****
*

# - VIII -

# XÂY-DỰNG GIÁO-HỘI RAMAKRISHNA

Một nhà lãnh-đạo không thể không biết điều ấy, Vivekananda đã biết rằng, muốn dẫn dắt người ta trên đường chinh-phục lý-tưởng, không phải chỉ thổi bùng lòng hăng-hái, mà còn phải quy-tụ vào một đội-quân của linh-hồn. Ai muốn tạo nên một dân-tộc, hãy đào-tạo lấy cấp ưu-tú ! Những mẫu người mới. Những hạng tiên-phong, không những đi trước mà còn dọn đường tương lai. Vì rằng chỉ có đời sống của họ là một sự thực-hiện trước cho trật-tự của những ngày sắp tới .

Bởi vậy nên Vivekananda, ngay sau khi giải-thoát xong những cuộc khải-hoàn ở

Madras và Calcutta, vội vàng bắt tay vào tu-viện ở Alumbazar .

Ông phải mất nhiều công lắm để làm cho những sư-đệ ông vươn lên kịp bình-diện tư-tưởng của mình. Nhà chu-du mãnh-liệt kia đã đi qua thế-giới, còn sư-đệ ông ngoan đạo ở lại tổ nhà và bảo-tồn những thói xưa, nhút nhát. Họ yêu mến sư-trưởng của họ, nhưng họ không nhận ra ông nữa. Họ không thể nào quan-niệm được cái lý-tưởng mới mẻ về phục-vụ xã-hội và quốc-gia nó nung-nấu tâm-hồn sư-trưởng. Họ thấy đau lòng phải hy-sinh những thành-kiến chính-thống của họ, chủ-nghĩa tôn-giáo cá-nhân, đời sống tự-do bình-thản của sự trầm-tư mạc-niệm cô-độc của họ đi ; và rất thành-thật, họ không thấy khó-khăn viện chứng vào lý-do Thánh-giáo để bênh-vực chủ-nghĩa cá-nhân sùng-tín của họ. Họ gọi cả đến gương-mẫu của sư-phụ Ramakrishna với sự xuất-thế-gian của Ngài. Nhưng Vivekananda muốn là người thừa-tự chân-chính tư-tưởng thâm-thúy của Ramakrishna. Trong những diễn-thuyết

vang dội của ông ở Madras và Calcutta : " Hiền-triết Ấn-Độ " ( Madras ) ; " Vedanta trong tất cả giai-đoạn của nó " ( Calcutta ), ông luôn luôn nhân-danh Ramakrishna mà nói : " Sư-phụ tôi, lý-tưởng của tôi, anh-hùng của tôi, Thượng-Đế của tôi tại đời này ... " Ông tự nhận chính mình như là lời nói của Thánh Paramahamsa, ông đi đến cả từ-chối danh-dự của bất cứ sáng-kiến nào, của tất cả tư-tưởng mới nào, để chỉ nhận cái danh-dự làm người chấp-nhận sự trung thực thi-hành đứng đắn mệnh-lệnh của Thày :

> _ " Nếu có khi nào tôi thành-tựu được điều gì ở tư-duy, ở lời nói hay ở hành-vi, nếu ở miệng tôi khi nào có một lời thốt ra, đã giúp được một ai ở đời này, thì tôi không không có chút quyền nào cả, tất cả đều là của Thày tôi ... Về phần tôi chỉ có nhu-nhược. Tất cả cái gì ở tôi là mạnh-mẽ, lành tốt, sống động đều khởi hứng ở nơi Thày, đấy chính là Thày tôi vậy ! "

Hai Ramakrishna __ một của các đệ-tử ở lại tổ đã ấp-ủ _ và một đã được người cao-đệ mang đi, đã xòe cánh phủ lên thế-giới _ tất nhiên, hai con người ấy phải đụng độ. Nhưng người thắng trận thì đã chắc chắn, chẳng còn nghi-ngờ : ông được lợi thế trước, không những về hy-vọng lớn lao của người chiến-thắng trẻ tuổi, về tài-ba vượt bậc và tiếng hoan-hô khắp nước Ấn, mà là về tình-yêu của sư-đệ ông cũng như của Sư-phụ Ramakrishna đã chứng-tỏ đối với ông nữa. Ông là cao-đệ truyền nhân của Sư-phụ .

Bởi vậy nên họ tiếp nhận những chỉ-thị của Vivekananda, bắt họ theo, mà không phải luôn luôn họ thừa-nhận trong đáy lòng. Ông cưỡng ép sư-đệ ông chấp-nhận các đệ-tử Âu-Tây vào trong cộng-đồng của mình. Ông bắt họ phải thi-hành sứ-mệnh phục-vụ và tương-trợ xã-hội. Ông nghiêm-khắc cấm họ nghĩ đến cá-nhân họ, nghĩ đến giải-thoát cho họ. Ông tuyên-bố, ông ra đời để tạo lập một giáo-đoàn mới của khất-sĩ ( Sannyasin ), sẽ xuống địa-

ngục nếu cần để cứu-vớt những kẻ khác. Đủ rồi, Thượng-Đế cằn cỗi của những cầu-nguyện cô-liêu ! Hãy thờ Thượng-Đế _ Sống, Đồng-loại , Người ( Virât ) ngự tại trong tất cả tâm-hồn sống động, sinh-hoạt ! Và hãy nổi dậy theo tiếng gọi của chúng, "con sư-tử Brahman" đang ngủ trong lòng tất cả mọi người !

Dù giọng truyền mệnh-lệnh của người thày trẻ có cấp-bách mấy mà các sư-đệ rất tốt của ông tuân theo _ có lẽ trước cả sự tin-tưởng, trong số đó có mấy người tuy là các anh, cả của ông nữa. Và người thứ nhất để nêu gương dứt khỏi tu-viện lại chính là người lấy sự dứt khỏi tu-viện ấy làm nặng-nề nhất : vì rằng ông này, từ mười hai năm chưa từng rời xa tu-viện, ấy là Ramakrishnananda. Ông đi đến Madras và thiết-lập ở đấy một trung-tâm truyền-bá những giáo-lý Vedanta tại miền Nam Ấn. Rồi đến Saradananda và Abhedananda bỏ đi. Và người nhiệt-thành, thấu-triệt nhất tinh-thần "phục-vụ" là Akhandananda ( Gangadhar ) đến Murchi-

dabad đang có nạn đói để hiến thân cho những kẻ khốn-nạn .

Như thế là bắt đầu thử những Trung-tâm Phục vụ ( Sevashramas ), chưa có trình-tự và kế-hoạch cho cái đại cộng-đồng Ấn-Độ. Nhưng Vivekananda đã sốt ruột để thiết-lập tập-đoàn và kế-hoạch, càng sớm càng tốt, và để tồn-tại. Ông không có ngày giờ bỏ phí. Ông phải hao tổn năng-lực phi-thường trong những tháng đầu khi ông hồi-hương để khích-động quần-chúng, đã khiến cho bệnh cũ của ông tái diễn kịch-liệt. Bắt buộc ông phải rút lui ngay mùa xuân năm ấy, hai lần vào núi ở Darjling, ở Almora ngõ hầu nghỉ ngơi, lần đầu mất mấy tuần, lần thứ hai mất hai năm rưỡi ( từ 6 tháng 5 đến hết tháng 7 ) .

Trong khoảng thời-gian ấy, ông đã có sức thành-lập nên giáo-hội mới : Sứ-đồ Rama-krishna ( Ramakrishna Mission ) ngày nay đang sinh-hoạt và theo đuổi hành-động của nó .

Ngày 1 tháng 5 năm 1897, tất cả những đệ-tử tu-sĩ và cư-sĩ của Ramakrishna được triệu-tập đến Calcutta, tại nhà riêng của một trong các người ấy là Balaram. Vivekananda nói giọng sư-phụ. Ông nói rằng không có tổ-chức chặt chẽ, thì chẳng có gì có thể thiết-lập được bền vững lâu dài. Trong một nước như nước Ấn, để bắt đầu thành-lập cái tổ-chức ấy trên cơ-sở một hệ-thống dân-chủ, trong ấy mỗi người một phiếu bình-đẳng và những nghị-quyết căn-cứ vào đa số thì không khôn-ngoan chút nào. Khi nào các thành-phần hiểu-biết đặt quyền-lợi và thành-kiến của mình riêng dưới hạnh-phúc chung, bấy giờ ứng-dụng cái thể-thức đó mới hợp thời. Hiện nay cần phải có một người độc tài. Vả lại, ông cũng như các sư-đệ chỉ hành-động như tôi tớ của Sư-phụ chung _ " nhân danh-hiệu của Ramakrishna " .

Ông cho biểu-quyết những quyết-nghị sau đây :

I._ Thành-lập một Hội lấy tên là " Sứ-đồ Ramakrishna "

II._ Mục-đích truyền-bá những chân-lý mà Ramakrishna, vì hạnh-phúc của nhân-loại, đã biểu-diễn và chứng-minh, và để giúp mọi người đem ra thực-hành vào cuộc đời của họ, ngõ hầu tiến-triển về thế-tục, trí-thức và tâm-linh .

III._ Phận-sự của tôi là hướng-dẫn trong tinh-thần đứng đắn những hoạt-động của vận-động ấy, do Ramakrishna đã mở đầu " để thiết-lập tình anh em ruột thịt giữa những tín-đồ của các tôn-giáo khác nhau, biết rằng tất cả đều là những hình-thức khác nhau của một Tôn-giáo vĩnh-cửu .

IV._ Phương-trâm hành-động là :

1/ Huấn-luyện những người giảng-dạy trí-thức và khoa-học, có thể phục-vụ hạnh-phúc vật-chất và tinh-thần đại-chúng .

2/ Khuyến-khích và nâng-đỡ nghệ-thuật và kỹ-nghệ .

3/ Giới thiệu và truyền-bá trong dân-gian những tư-tưởng Vedanta và các tư-tưởng tôn-giáo khác như là họ đã được soi sáng trong đời sống của Ramakrishna .

V._ Hội sẽ có hai ngành hoạt-động :

1/ Một ngành Ấn, nhằm thiết-lập các Tu-viện ( Math ) và các Tùng-lâm ( Ashram ) ở các xứ trên đất Ấn để huấn-luyện Khất-sĩ ( Sannyasin ) và Cư-sĩ tại gia " mong muốn hiến cuộc đời cho giáo-dục nhân-dân " đi hết tỉnh nọ sang tỉnh kia .

2/ Ngành nữa là ở ngoại-quốc ; nó sẽ gửi các hội-viên ra các nước ngoài để xây-dựng các trung-tâm tâm-linh-học, và " để tạo nên một tinh-thần tương-trợ và cảm-thông giữa Ấn-Độ với ngoại-quốc ."

VI._ Mục-tiêu và lý-tưởng của Sứ-đồ hoàn-toàn thuộc về tâm-linh thuần-túy và nhân-đạo, nó sẽ phải đứng ngoài liên-hệ chính-trị .

Người ta nhận thấy tính-cách xã-hội rõ rệt, nhân-đạo và nhân-bản đại-đồng, phi chính-trị của Giáo-hội do Vivekananda lập ra. Đáng lẽ như phần lớn các tôn-giáo, đem đối-lập tín-ngưỡng với lý-trí và với cái đà sống cận-đại. Ông dọn chỗ đứng hàng đầu cho khoa-học, ông muốn cộng-tác với tiến-bộ về vật-chất cũng như về tâm-linh, và ông khuyến-khích cả nghệ-thuật lẫn kỹ-nghệ. Nhưng mục-tiêu chính của ông là hạnh-phúc của quần-chúng. Còn về tín-ngưỡng, ông xác-nhận rằng thực-chất của nó là nguyện-vọng thiết-lập tình anh em giữa các tôn-giáo khác nhau mà sự tổng-hợp thành Tôn-giáo Vĩnh-cửu. Tất cả đặt dưới sự bảo-hộ của con người có tâm-hồn quảng-đại rộng mở, bao-hàm tất cả nhân-loại trong tình yêu-thương của mình : Ramakrishna .

Chim " hạc thiêng " cất cánh. Lần đầu vỗ cánh, ông bao-trùm thế-giới. Nếu người ta muốn ngắm trong tinh-thần người sáng-lập cái mộng vươn lên hết mức, thì ngưởi ta hãy đọc trong bộ sách lớn về " Vie de Vivekananda "

( Cuộc Đời của Vivekananda ) câu chuyện vấn đáp viễn tưởng của Vivekananda với Sarat Chandra Chakravarti tháng 11 năm 1898 tại Belur .

Hiện giờ đây, trước hết hãy bắt đầu bầu lên những người quản-lý. Vivekananda, tổng chủ-nhiệm, đề cử Brahmananda, và Yogananda làm chánh và phó chủ-nhiệm của trung-tâm Calcutta. Các thành-phần hội họp tất cả ngày chủ-nhật vào buổi chiều tại nhà Balaram. Và Vivekananda tức thì châm ngòi cho hành-động song hành về Phục-vụ công-chúng và giảng-dạy triết-lý Vedanta .

***
*

Các sư-đệ tu-sĩ trong khi phục-tòng mà theo không kịp ông ; và giữa họ nổi lên các cuộc tranh-biện khá sôi nổi, tuy rằng luôn luôn thân-mật. Vivekananda không phải thường giữ được bình-tĩnh, làm chủ khát-vọng, và tính-khí

mình do bệnh-tật ngấm ngầm kích-thích ; các người phản-đối ông, có những ngày cảm thấy móng vuốt sắc nhọn của ông. Nhưng họ vẫn cho ông là trung-thực ; đấy là trò đùa quân-tử ! Họ tin chắc, cả ông lẫn họ vào lòng trung-thành của nhau .

Có đôi khi, hoài-niệm còn nổi lên trong lòng họ về đời sống trầm-tư mặc-niệm và về Ramakrishna của họ, là Vua khoa Thần-hóa. Đem Giáo-đoàn Ramakrishna Mission trở về một nhà-thờ thích-hợp cho lối sống bất động, mơ-mộng thì êm-đềm cho họ biết là chừng nào ! Nhưng Vivekananda thúc đẩy họ mãnh-liệt :

> " _ " Vậy các anh muốn giam-hãm Ramakrishna trong giới-hạn riêng của các anh sao ? Tôi sẽ phá tan những giới-hạn ấy !... Ramakrishna còn vĩ-đại nhiều hơn là đệ-tử của Người nhìn thấy. Người là hiện thân của Ý-tưởng tâm-linh vô-biên, có khả-năng phát-triển vô-hạn. Chỉ một cái nhìn của Người có thể tạo nên hàng

ngàn Vivekananda... Tôi sẽ gieo rắc những tư-tưởng của Người khắp thế-giới ... "

Dù con người Ramakrishna đối với ông có quý-mến mấy đi nữa, lời của Người còn đáng quý hơn. Ông không muốn xây-dựng một điện thờ cho một vị Thần mới, nhưng ông muốn rót cho loài người nước cam-lộ của tư-tưởng Người. Và cái tư-tưởng ấy, trước hết phải là hành-động. " Tôn-giáo phải là thực-hành mới gọi là tôn-giáo ". Và " hình-thức hay nhất của tất cả tôn-giáo " trong con mắt ông là " nhìn thấy Thần-linh Çiva ở tại tất cả người sống, và đặc-biệt là ở tại người nghèo khổ ."

Như ý ông muốn là làm sao " mỗi người chúng ta đem được về nhà mình, mỗi ngày một hay sáu hay mười hai người mù, bệnh-tật, tàng-tật, đói rét, để nuôi dưỡng, chữa chạy, cúng-hiến cho chúng cũng như thờ cúng Thần Çiva

và Vishnou trong đền vậy ." _ ( Diễn-thuyết cho công-chúng ở Lahore )

Ở đấy không phải là từ-thiện theo nghĩa Âu-Tây " Cầm lấy và đi cho khuất mắt " " Quan-niệm sai lầm tai hại cho người bố-thí cũng như cho người nhận bố-thí... " Vivekananda bài-bác nghĩa ấy. " Trong tôn-giáo Phục-vụ hay Phụng-sự, như ông quan-niệm, người thụ lĩnh cao quí hơn là người bố-thí : vì rằng người thụ nhận lúc bấy giờ trong động-tác là Thượng-Đế ."

Vả lại, ông đề-phòng không để cho tái nhập vào đây, bất cứ dưới hình-thức hóa-trang nào cái cảm-tình nhu-nhược mà ông sua-đuổi khắp nơi. Một khuynh-hướng tinh-thần ấy rất dễ nẩy nở ở xứ Bengale. Nó đã làm chết ngạt tất cả sức cương-cường và Vivekananda ra công chống đối với nó hết sức gay-gắt, nhất là ông phải dứt khỏi ở chính nơi mình cũng như ở người khác ngõ hầu để hoạt-động .

Một bữa kia, một trong các sư-đệ vui vẻ trách ông đã đem vào giáo-lý, hoàn-toàn thần-hóa của Ramakrishna, những tư-tưởng Tây-phương : _ nào tổ-chức, nào hành-động, nào phụng-sự _ mà sinh thời Ramakrishna không thể thừa-nhận được. Vivekananda, mới đầu còn trả lời miả mai, với giọng hài-hước hơi chua chát, đối-phương của ông và gián-tiếp tất cả tập-đoàn có mặt ; vì ông cảm thấy họ rất cảm-tình với người đang giải đáp :

_ " Chú biết gì về tất cả điều ấy ? Chú là người ngu dốt !... Cái học của chú dừng lại như cái học của kẻ ngu dốt kia ở hai chữ, cái mẫu-tự Bengali : KA, bởi vì nó nhắc nhở danh-từ Krishna "._ Rồi sau, ông không có thể tiếp-tục trả lời nhẹ nhàng được nữa vì nước mắt ràn rụa chảy xuống hai bên má..._ " Các chú là hạng ngốc đa cảm. Các chú hiểu gì về tôn-giáo ? Các chú chỉ đủ tư-cách để ngồi chắp tay mà cầu-nguyện :“ Lạy Chúa tôi ! Mũi Ngài mới đẹp làm sao, mắt Ngài sao mà dịu-dàng thế ! ” Và những ngu xuẩn

tương-tự khác !... Và các chú nghĩ rằng sự giải-thoát của mình được bảo-đảm, và đến phút cuối cùng Sư-phụ Ramakrishna sẽ đến dắt tay các chú để dẫn lên tầng trời cao nhất... Học hỏi, thuyết-pháp công-cộng, công việc từ-thiện nhân-đạo, theo các chú đều là Ảo-hóa ( Maya ) vì có một bữa Người đã nói : " Cầu tìm, và hãy thấy Thượng-Đế trước hết ! Làm việc thiện cho đời là một sự tự-phụ !... " Làm như là Thượng-Đế là vật dễ đạt tới vậy. Làm như Người, khá khờ dại để tự biến mình thành trò chơi trong tay một kẻ ngu xuẩn ! ... "

Rồi thình-lình, ông nói lớn :

_ " Các chú tưởng các chú đã hiểu Sri Ramakrishna hơn tôi sao ? Các chú tin rằng con đường Tri-thức Giác-ngộ là một tri-thức khô-khan, mà người ta đi tới, qua bãi sa-mạc, tâm-tình héo khô ? Con đường Sùng-bái Tình-yêu của các chú là một thứ tình-cảm ngây-ngô, nó đã làm

cho các chú bất-lực. Có phải các chú muốn tuyên-truyền Ramakrishna như các chú đã hiểu chăng ? Thế thì thiếu lắm, quá ít ỏi !... Hãy buông tay xuống ! Ai tha-thiết với Ramakrishna ? Ai tha-thiết đến con đường Sùng-bái và Giải-thoát của các chú ? Ai tha-thiết những gì nói trong Thánh-Thư ? Tôi sẵn-sàng vui vẻ xuống ngàn địa-ngục, nếu tôi có thể đánh-thức được đồng bào chìm đắm trong sự bất động, gọi họ đứng dậy, độc-lập và trở nên những con người do tinh-thần Đạo-nghiệp khích-động... Tôi không phải một đứa đầy-tớ của Ramakrishna, hay là của bất cứ ai ! Tôi là tôi tớ cho ai chỉ phục-vụ và giúp đỡ người khác, không nghĩ gì đến việc Sùng-bái và Giải-thoát của riêng mình ... "

Một người chứng-kiến lúc ấy nói : mặt ông nóng như lửa, mắt nẩy tia sáng, tiếng nói nghẹn-ngào, thân mình run lên từng cơn. Thình lình, ông chạy vào trong buồng ông... Mọi

người ngã ngửa, im-lặng. Sau vài phút, một sư-đệ đi đến nhòm vào trong buồng thì thấy Vivekananda đang chìm trong mặc-niệm. Tất cả yên-lặng chờ đợi... Một giờ sau, Vivekananda trở lại. Trên mặt ông còn mang dấu vết của một trận bão-tố. Nhưng ông đã tìm lại được bình-tĩnh. Ông dịu-dàng nói với họ :

_ " Khi nào người ta đã đạt Đạo Sùng-bái ( Bhakti ) thần-kinh và trái tim mền nhũn và tế-nhị đến nỗi chúng không chịu-đựng nổi cả đến sự va-chạm của một bông hoa. Các chú có biết là lúc này tôi không còn có thể đọc được một bộ tiểu-thuyết nữa. Tôi không sao nghĩ đến Sư-phụ Ramakrishna mà không bối rối. Vậy nên tôi cố ngăn giữ lòng bồng-bột của Sùng-bái nơi tôi. Tôi không ngừng cố buộc chặt tôi vào giây xích sắt của Chân-tri ( Jñãna ). Vì rằng công-trình phục-vụ Mẹ Tổ-quốc của tôi chưa hoàn-thành, và sứ-mệnh của tôi ở thế-gian chưa được truyền-thông đầy đủ. Vậy nên hễ tôi thấy

tình-cảm Sùng-bái bắt đầu rào rạt vào tâm-hồn, tôi liền phải hắt hủi nó tàn tệ, tôi tự làm mình thành sắt đá mà cầu cứu Tri-thức ( Jñãna ) nghiêm-khắc... Ôi ! Tôi có một phận-sự phải làm tròn ! Tôi là nô-lệ của Sư-phụ Ramakrishna, Người đã để lại cho tôi sự-nghiệp của Người để thành-tựu, và Người không muốn cho tôi nghỉ ngơi trước khi hoàn-thành... Ôi ! Tình-yêu của Người đối với tôi !... "

Ông cảm-động đến nghẹn thở. Yoga-nanda bèn tìm giải-trí cho ông, vì họ sợ có một sự bùng-nổ nữa tái diễn .

Kể từ hôm ấy về sau, không còn một lời phản-đối nào nữa để chống với phương-pháp của Vivekananda. Họ còn có gì để phản-đối, tất cả mọi điều ông đã nghĩ tới hết cả rồi. Họ đã đọc thấu đáy lòng của cái tâm-hồn vĩ-đại đang vật-lộn .

***

Tất cả sứ-mệnh là một tấn kịch. Nó thi triển tùy theo với người tiếp-nhận được nó, một phần tùy theo tính tình người ấy, sự an-nghĩ, sức-khoẻ thường thường là tùy theo với nguyện-vọng bẩm sinh của mình. Tính-tình của Vivekananda chia sẻ với tính-tình các người của Sứ-đồ ông, mơ-mộng của họ vào Thượng-Đế, nhu-cầu của họ trốn-tránh cuộc đời và thế-gian, hoặc bằng trầm-tư mạc-niệm, bằng học-vấn hay bằng thần-hóa của Yêu-thương, hoặc như là tu-sĩ lữ-hành bằng cách bay bổng vĩnh-viễn của tinh-thần không hệ-lụy, không trụ vào nơi nào, ngõ hầu không một phút nào mất tiếp-xúc với cái Một đại-đồng. Ai quan-sát kỹ ông, sẽ thường nghe thấy ông từ trong lòng thốt ra những lời thở dài mỏi mệt và tiếc nhớ .

Nhưng không phải tự ông đã chọn lấy cuộc đời mình. Sứ-mệnh đã lựa chọn ...

> _ " Không có chút nghỉ ngơi đối với tôi. Cái mà Ramakrishna gọi là Kali đã ốp thân-thể và tâm-hồn tôi ba, bốn ngày trước khi ông từ-trần. Và cái Năng-lực ấy

bắt tôi phải làm việc, làm việc mà không lúc nào để cho tôi nghĩ đến nhu-yếu cá-nhân của tôi ."

( Vào lúc trước khi mất, nói chuyện với một đệ-tử của ông là Saratchandra Chakravarti, Vivekananda đã kể lại sự truyền pháp huyền-bí, hành-động nơi ông, ba hay bốn hôm trước khi Ramakrishna mất :

" _ " Ramakrishna gọi tôi đến riêng một mình, bảo tôi ngồi trước mặt ông, nhìn tôi thẳng vào mắt, và nhập vào thiền-định tam-muội ( thần-hóa ). Lúc ấy tôi tri-giác thấy một luồng năng-lực mạnh, tế vi như là những luồng điện giật. Thân-thể tôi bị xuyên qua. Tôi bất tỉnh nhân sự. Bao lâu ? Tôi không biết... Khi tôi tỉnh lại, tôi nhìn thấy Sư-phụ đang khóc. Thày nói với tôi, với giọng vô cùng âu-yếm : _ Ôi, Naren con, bây giờ thày chỉ còn là một anh thuật-sĩ khốn nạn, thày đã trao cho con tất cả. Với cái đức của ân-điển

ấy, con sẽ làm nên nhiều việc lớn ở thế-gian này ; và chỉ sau đấy con mới được phép trở về... " _ Hình như chính cái Năng-lực ấy nó cuốn tôi vào trong cơn lốc của nó, và nó bắt tôi làm việc, làm việc ... "

Ông phải tự quên mình đi, quên những dục-vọng của mình, hạnh-phúc của mình, cả đến sự giải-thoát của mình nữa, vì hạnh-phúc của người khác, của tha-nhân .

Và ông phải in sâu cái tín-ngưỡng ấy vào trí-não đội-quân Sứ-đồ của ông. Song, điều ấy chỉ có thể thành được bằng cách thổi bùng năng-lực và hành-động. Ông phải làm việc với một dân-tộc bị " bệnh khó tiêu-hóa " đang say sưa với tình-cảm của nó .

_ " Một dân-tộc bị bệnh khó tiêu-hóa, sô vào trò nhẩy nhót với điệu trống và đàn hát theo giọng lãng-mạn... Tôi muốn khích-động năng-lực, dù có phải

dùng đến nhạc trận và quét sạch tất cả điệu nhạc mơm man tình-cảm lả lướt ... "
_ ( Vần đáp với Saratchandra, 1901 )

Bởi thế nên ông tự làm cứng dắn để cho cái dân-tộc ấy thành chai-đá. Ông muốn " trong tất cả phạm-vi hoạt-động, dựng lên tinh-thần cao ngạo, nghiêm-khắc để thổi bùng chí khí anh-dũng ". Bằng lao-động chân tay và trí óc, bằng khảo-cứu khoa-học, bằng phục-vụ nhân-dân. Nếu ông coi trọng yếu việc giáo-dục về giáo-lý Vedanta đến thế là vì ông nhìn thấy ở đấy một âm-điệu tối cao :

"_ " Làm sống lại xứ-sở bằng những tiếng sấm sét của nhạc điệu Veda ."

Ông cưỡng ép cái tâm _ tâm các người _ tâm ông. Tuy nhiên ông biết rõ, tâm cũng là một nguồn thần-linh. Ông không muốn bóp nghẹt con tim. Nhưng là người lãnh-đạo, thì phải bắt nó ở vị-trí của nó trong hàng-ngũ. Ở đâu mà con tim muốn thống-ngự thì ông dẹp xuống. Ở đâu mà con tim bị hạ thì ông nâng

cao. Bất cứ ở đâu, ông cũng muốn làm sao những năng-lực nội-tâm ngự-trị quân-bình, để hướng vào mục-tiêu cốt-yếu : mục-tiêu Phụng-sự nhân-loại, bởi vì công việc ấy đang cấp-bách : sự dốt nát, đau khổ, khốn nạn của quần-chúng không chờ đợi được .

Hẳn rằng sự quân-bình không bao giờ bền vững, cũng khó mà chinh-phục, càng khó hơn để bảo-trì ở các dân-tộc cực-đoan ấy, chúng trong một lúc đi từ lò than hồng nhiệt-vọng sang đống tro lạnh của diệt-dục. Còn khó gấp hai mươi lần hơn nữa đối với con người kia, bị giằng co xâu xé trong tay hai mươi quỷ-sứ chống-đối, tín-ngưỡng, khoa-học, nghệ-thuật và hành-động, tất cả những dục-vọng chiến-thắng và vận-động. Ông đã có thể giữ được trong tay sốt nhiệt cho đến phút cuối cùng, cán cân quân-bình giữa hai cực-đoan : Sức hấp-dẫn nóng bỏng của Tuyệt-đối ( Advaïta ) và tiếng gọi não lòng của Nhân-loại đau thương. Như thế là đẹp rồi đấy. Và điều làm cho ông gần với chúng ta lắm, là vào những lúc không có thể

giữ nổi thế quân-bình, mà phải lựa chọn, thì trong hai đầu, ông chọn một đầu thứ hai hơn : ông hy-sinh tất cả cho Tình-Thương : _ Nói với sư-đệ của ông ở Belur, có một lần ông bảo ( 1899 ) :

> " _ " Trong cuộc xung-đột giữa trí não và con tim các anh, hãy theo con tim ! "

cũng như Beethoven, người anh cả Âu-châu của ông, " Der armen leidenden Menschheit " .

Một bằng-chứng cảm-động là câu chuyện lý-thú về Girish .

Độc-giả còn nhớ người bạn của Rama-krishna, nhà kịch-sĩ nổi tiếng, văn-sĩ và hài-kịch Bengale, sống cuộc đời phóng-túng theo cả hai nghĩa thời cổ-điển, cho đến khi nhà thuyết-pháp sông Hằng đại-độ bắt được tâm-hồn nó vào lưới. Từ đấy, ông ta trở nên ngoan đạo nhiệt-thành nhất mà vẫn sống tại gia. Bây giờ ông ta sống trong tín-ngưỡng của Tình-yêu

( Bhaktiyoga ) luôn luôn hân-hoan. Nhưng ông vẫn giữ luận-điệu bộc trực, và tất cả đệ-tử của Ramakrishna một niềm kính-trọng trong kỷ-niệm về Sư-phụ .

Một hôm ông ta đến trong khi Vivekananda đang giảng giải với sư-đệ về triết-lý trừu-tượng nhất. Vivekananda dừng lại nói với Girish, giọng hài-hước kính mến : _ " Này Girish, có bao giờ ông nghĩ đến học hỏi những điều này, ông đã sống mải miết đêm ngày với Chúa Krishna và Nữ-thần Vishnu của ông rồi mà ? "

Girish đáp :

_ " Này, Naren, anh đọc đi đọc lại kinh Vedas và Vedanta... của anh ư ? Nhưng ở đấy, anh có tìm thấy liều thuốc chữa nỗi rên xiết và kêu gào của những miệng đói lả, những tội lỗi xấu sa, những đau thương và khốn nạn, người ta thấy hàng ngày ? Bà mẹ nhà này, từng nuôi nấng mỗi ngày hàng năm chục miệng ăn,

nay không có gì để nuôi con và chính mình đã ba bữa rồi. Vợ người kia đã bị hiếp và hành-hạ cho đến chết bởi những đồ quỉ-sứ. Người vợ góa của một người nọ đã quỵ vì những cách đọa thai để giấu sự xấu-hổ... Naren, anh hãy cho tôi biết thuốc gì để ngăn-ngừa những tệ-hại ấy mà anh có thể tìm thấy trong kinh Vedas ? ... "

Rồi Girish tiếp-tục với giọng hài-hước, chua sót để mô-tả bức họa tối đen của xã-hội. Vivekananda không cầm nổi nghẹn-ngào ; ông bỏ đi thình-lình. Bấy giờ Girish mới quay lại phía các đệ-tử nói :

_ " Các anh đã thấy cái tâm mênh-mông của sư-phụ các anh chưa ? Tôi kính phục ông ta về sự hiểu-biết và thông-minh hết sức, chẳng kém gì về tấm lòng của ông ta thương sót nỗi khổ đau của nhân-loại. Hãy nhận kỹ lấy, khi ông nghe thấy nói đến sự đau khổ của nhân-loại, tức thì kinh sách Vedas và Vedanta

đều biến đi ; tất cả hiểu-biết bác-học mà ông đã chứng-tỏ trước đấy, đã bị ném đi sạch, và toàn thể tâm thân ông thì tràn ngập bầu sữa nhân-từ, bi thương. Sư-phụ yêu mến của các anh vừa là đạo-sĩ trí-tuệ và trí-thức, vừa chẳng kém là người tin yêu Thượng-Đế và Nhân-loại ... "

Vivekananda trở lại phòng họp. Ông nói với Sarananda, với giọng cảm-thấu vào tâm-hồn rằng tâm ông bị vò xé vì đau-đớn khi nghĩ đến những thống khổ của đồng-bào, và phải thành-lập ngay một tổ ấm cho những kẻ nghèo khổ ấy. Và quay về phiá Girish, ông nói :

_ " Ôi ! Girish ơi ! Dù tôi có phải chịu ngàn lần tái sinh để cứu giúp nỗi đau khổ của thế-gian, hơn nữa để cất đi một sự đau khổ nhỏ thôi, tôi sẽ thấy biết bao sung sướng mà cam chịu ."

***

*

Cái tình-cảm bồng-bột bao-la của cái tâm vĩ-đại bị vò xé ấy, đã choán lấy các sư-đệ và đệ-tử của ông. Tất cả tự hiến thân cho các hình-thức vô kể của việc Phụng-sự nhân-loại do ông chỉ-định .

Suốt trong bốn hay năm tháng hè 1897, Akhananda với hai đệ-tử phụ-tá mà Vivekananda phái đến đã nuôi và chữa bệnh sốt rét rừng cho hàng trăm dân nghèo ở quận Murchidabad, xứ Bengale ; ông này thu lượm những đứa trẻ vô thừa nhận, và lập một viện cô-nhi ở Mohula, và các viện khác nữa. Với lòng kiên-nhẫn và một tình thương theo kiểu tu-sĩ dòng François D'Assise, Akhananda chuyên vào việc giáo-dục những đứa trẻ ấy, không phân-biệt giai-cấp và tín-ngưỡng. Năm 1899, ông dạy chúng biết đọc, biết viết, môn tính và tiếng Anh cùng với các nghề : dệt vải; khâu vá ; thợ mộc ; nuôi tằm .

Vào cùng năm ấy 1897, Triganutita mở một trung-tâm cứu-trợ nạn đói ở Dinajpar ;

trong vòng hai tháng, ông đến giúp đỡ cho 84 làng. Nhiều trung-tâm tương-tự khác được thành-lập tại Dakshineswar và Calcutta .

Người ta sẽ thấy năm sau, vào tháng 4, tháng 5, 1898 Giáo-hội Ramakrishna tổng động viên toàn-thể chống với bệnh dịch vừa xẩy đến cho Calcutta. Vivekananda đang dưỡng bệnh phải bỏ Hy-Mã-Lạp-Sơn để vội trở về, cầm đầu công-cuộc cứu trợ. Thiếu tiền, tất cả tiền quỹ của Hội vừa đem đi mua một miếng đất để xây cất một tu-viện mới. Vivekananda không lưỡng-lự, bảo :

> " _ " Bán hết cả, nếu cần. Chúng ta là những đạo-sĩ hành-khất ( Sannyasin ) chúng ta luôn luôn phải sẵn sàng ngủ dưới gốc cây và sống khất-thực hàng ngày ."

Người ta thuê một khoảnh đất rộng lớn , đặt các trại cứu-thương, vừa để thỏa-mãn điều-kiện vệ-sinh và giới-luật tôn-giáo Ấn. Những thiện-chí trợ-cấp dồn-dập đến nhiều. Viveka-

nanda thống-lĩnh chúng, bắt quét rửa phố sá nhà cửa. Những cứu-trợ xã-hội làm cho tên ông phổ-cập trong dân-gian ở Calcutta.

Năm 1899 bệnh dịch tái hiện ; và công việc phục-vụ của Giáo-hội đã hoạt-động ráo riết. Vivekananda đi đến các lều lụp sụp để khích-động những người làm việc. Ban giám-đốc của cơ-quan phục-vụ giao cho Chị Nivedita ( Magaret Noble ) mới ở Âu-châu tới, và cho các Swami Sadananda và Shivananda với một số phụ-tá khác. Họ trông-nom việc tẩy uế và quét rửa ở bốn khu phố nghèo chính của Calcutta. Vivekananda triệu-tập một cuộc mít-tinh các sinh-viên ( tháng 4 - 1899 ) để nhắc bổn-phận của họ trong những ngày thiên-tai ấy. Họ tổ-chức thành đoàn để đi kiểm-soát các nhà khốn-khổ, phân-phát sách vệ-sinh và nêu gương làm đường sá. Mỗi chủ-nhật họ đến hội-họp tại Giáo-hội Ramakrishna, trình báo-cáo cho Sister Nivedita .

Giáo-hội cũng lập tục-lệ thiêng-liêng lấy kỵ-nhật Ramakrishna làm ngày Tết của kẻ nghèo, mà ngày nay còn hàng ngàn người được nuôi dưỡng bữa cơm trong ngày đó ở các trung-tâm Tập-đoàn .

Như thế là ở Ấn-Độ, nẩy sinh một tinh-thần mới về sự đoàn-kết và cộng-đồng anh em giữa tất cả các giai-cấp của dân-tộc .

Đi đôi với công-cuộc tương-trợ xã-hội ấy, giáo-dục và truyền-giáo Vedanta được tổ-chức. Vì rằng theo lời tuyên-bố của Vivekananda, ông muốn rằng Ấn-Độ có được " một thân-thể Hồi-Hồi với một con tim Vedanta ". Ngay từ năm 1897, Vivekananda, đang tiếp-tục làm các buổi diễn-thuyết ở Madras và miền chung-quanh, đồng thời mở các lớp học ở các miền ngoại-ô Madras ; Ông vừa lo về giáo-dục lẫn cứu-trợ những kẻ nghèo đói. Giữa, cùng năm ấy, Vivekananda phái Shivananda đến Tích-Lan ( Ceylan ) để truyền-bá giáo-lý Vedanta. Một nhiệt-vọng thiêng-liêng chinh-phục các

nhà giáo. Vivekananda thấy vui sướng được nghe một bà hiệu-trưởng trường nữ-sinh, mà ông đến thăm, nói với ông :

_ " Tôi yêu các nữ-sinh kia như là tôi thờ Thượng-Đế ( Bhagavad ), tôi không còn thờ-phụng nào khác ."

Không đầy ba tháng sau, khi thành-lập Giáo-Hội Ramakrishna Mission, Vivekananda bắt buộc phải nghỉ hoạt-động để theo phép dưỡng bệnh vài tuần ở Almora, ông đã có thể viết :

_ " Vận-động đã có đà. Nó sẽ không dừng nữa ." _ ( 9 - 7 - 1897 )

" ... Đầu óc tôi chỉ có một ý-niệm, mà nó đốt cháy : mở cái máy cho nó quay để phục-hồi quần-chúng Ấn-Độ ; và tôi đã thành-công đến một mức nào. Lòng bạn sẽ mừng reo khi nhìn thấy những thiếu-niên của tôi chúng làm việc, giữa nạn đói, nghèo khó, bệnh tật, cứu chữa kẻ cùng đinh, thổ-tả trên manh chiếu, và

nuôi-dưỡng kẻ bị hắt hủi ( chandala ) đang đói lả. Chúa ban trợ-lực cho tất cả mọi người... Chúa yêu quý ở bên tôi ngày nay cũng như Ngài phù-hộ cho tôi trong khi tôi sống ở Mỹ-châu, ở nước Anh, bất cứ ở đâu, khi tôi lang-thang trên đất Ấn ... Tôi cảm thấy nhiệm-vụ của tôi đã thành tựu. Bất quá, tôi chỉ còn ba bốn năm nữa ở đời. Tôi đã mất hết ý muốn tự cứu. Không bao giờ tôi mong mỏi những thích-thú trần-gian. Tôi phải nhìn thấy bộ máy của tôi chạy đều ; rồi chắc-chắn là tôi đã đem vào Ấn-Độ, vì hạnh-phúc của nhân-loại, một cái cán bẩy, không một sức mạnh nào có thể hủy-bỏ, bấy giờ tôi sẽ nhắm mắt không còn lo lắng ngày mai sẽ ra sao. Và tôi sinh ra và tái sinh, và tôi hãy chịu đau đớn muôn phần để thờ phụng một Thượng-Đế Duy-nhất, một Thượng-Đế mà tôi tin-tưởng : Toàn-thể tổng-cộng tất cả chúng-sinh ! ... "

Ông lợi-dụng từng những thời-gian ngắn, bớt đau bệnh, để tăng bội hành-động của ông. Từ tháng tám đến tháng chạp, 1897 ông bay vù như cơn lốc lên miền Bắc Ấn, đến Penjab và Kachemir, reo rắc lời nói của mình và nghiên-cứu với tiểu-vương thiết-lập một đại tu-viện Bất-Nhị-Pháp tại Kachemir, thuyết-pháp cho sinh-viên ở bốn Đại-học tỉnh Lahore về năng-lực và tín-ngưỡng vào con người như là bước dự-bị cho tín-ngưỡng vào Thượng-Đế, tổ-hợp chúng thành một hội-học độc-lập với tất cả giáo-phái, nhằm mục-đích cứu-trợ, vệ-sinh và giáo-dục dân-chúng, không bỏ việc xây-dựng lại nhân-cách cá-nhân để giúp con người tạo-sinh Thượng-Đế. Luôn luôn ông đem hành-động để thử-thách tín-ngưỡng. Ông cố gắng tu sửa những bất công xã-hội bằng cách tạo thân-thích qua sự hôn-nhân giữa các giai-cấp chính và giai-cấp phụ, cải-thiện điều-kiện sinh-tồn cho giới ngoại-cấp ( outcast ), lo cho số-phận goá-phụ Ấn và phụ-nữ chưa chồng, bài trừ khắp nơi nạn biệt-phái, những hình-thức hão-huyền, những chủ-nghĩa " bất thân cận " ( non

touchisme ) như ông nói. Và đồng thời-gian ấy _ ( hai nhiệm-vụ bổ-túc cho nhau ) _ ông làm công-việc kiến-thiết lại tinh-thần Ấn bằng phổ-biến cái biết Phạn-Văn ( Sanscrit ) chân-chính, tìm cách thâu-hóa khoa-học Tây-phương, dựng lại nền Đại-học Ấn để biết đường đào-tạo, không phải những bằng-cấp hay công-chức mà còn đào-tạo nên những con Người .

Không chút tư-tưởng "Bế quan tỏa cảng" ( Hind Swaraj ), độc-lập chính-trị Ấn-Độ đề-kháng nước Anh. Ông cậy vào sự hợp-tác của nước Anh cũng như của cả thế-giới. Và sự thực nước Anh đã hợp-tác, thay vì hợp-tác của Chính-phủ Anh, các đệ-tử Hồng-Mao đem lại cho Swami từ Londres hay New-York sự tận-tâm cá-nhân của họ và tiền của đủ để mua đất và xây cất Đại Tu-viện Belur .

Năm 1898, phần lớn dành cho công việc tạo thêm các guồng máy mới của Thánh-thất Ramakrishna, như là thành-lập các tạp-chí, là

cơ-quan trí-thức của đoàn-thể và là dụng-cụ giáo-dục của Ấn-Độ .

Nhưng điều trọng-yếu chính của năm 1898 là sự đào-tạo các đệ-tử Tây-phương của Vivekananda .

Theo tiếng gọi của ông, họ đã kéo đến, Cô Margaret Noble vào cuối tháng giêng để thành-lập với Cô Muller các trường kiểu-mẫu giáo-dục phụ-nữ Ấn _ Bà Ole Bull và Cô Josephine Mac Leod vào tháng hai _ Tháng ba Cô Margaret Noble thụ-giới Phạm-Chí ( Brahmacharya ) với Pháp-danh Nivedita ( người đã hiến thân ). Vivekananda nhiệt-liệt giới-thiệu nàng với công-chúng Calcutta, như là một ân-điển của nước Anh cho Ấn-Độ. Và để nhổ hết ở nàng tất cả di-tích kỷ-niệm, thành-kiến và tập-quán của xứ-sở nàng, ông đem nàng với một nhóm đệ-tử đi du-hành suốt mấy tháng trong lòng quá-khứ Ấn-Độ .

Nhưng điều đáng lạ, là khi muốn dìm tâm-hồn của các bạn đồng-hành của mình vào trong ấy, thì chính ông, tự mình lăn xuống vực-thẳm tín-ngưỡng của dân-tộc mình, thậm chí đến tràn ngập. Và người ta thấy nhà Bất-Nhị-Pháp ( Advaïta ) vĩ-đại, người nhiệt-thành với Tuyệt-đối vô-hình và vô-tướng, trải qua một cuộc khủng-hoảng đam mê nồng-nhiệt về Chư Thần huyền-thoại, về Cặp Vua Chúa tối-cao : Çiva - Kali ( Thánh Mẫu ) _ Hẳn rằng như thế, ông chỉ noi theo gương của Sư-phụ ông là Ramakrishna, mà trong tâm-hồn có cả Thượng-Đế vô-hình lẫn tất cả Thần-linh hữu-hình ngự-trị. Ramakrishna cũng thế, trong bao nhiêu năm từng biết khủng-hoảng của tình-yêu đối với Thánh Mẫu mỹ-lệ. Nhưng ở đây, điều đáng chú-ý là Vivekananda đi tới đấy sau, chứ không phải trước, khi quán-thông Tuyệt-đối ; và trong nhiệt-tình đối với chư vị Thần-linh, ông đem vào cái lòng hăng-hái bi-kịch của bản-tính mình, nó nhuộm chư Thần, nhất là Thánh-Mẫu Kali, một sắc-thái khác hẳn với sắc-thái mà Ramakrishna đã bao bọc trong tình âu-yếm.

Sau một độ nghỉ ở Almora, nơi ông bà Sevier định-cư và sắp dựng lên Tùng-lâm Bất-Nhị-Pháp ( Advaïta Ashram ) _ rồi sau, một chuyến du-lịch đến Kachemir, trên ba chiếc ghe nhỏ ngược giòng sông, trong thung-lũng Srinagar. Vivekananda, vào cuối tháng bẩy năm 1898, tổ-chức với Nivedita một cuộc hành-hương trọng-yếu vào động Amarnath ở đèo tuyết lạnh núi Hy-Mã-Lạp-Sơn, phiá Tây. Họ nhập bọn với một đoàn-thể gồm hai hay ba ngàn người, cắm lều lên cả một tỉnh ở mỗi độ đường tạm nghỉ. Và Nivedita quan-sát sự biến-đổi thình-lình hiện ra ở Sư-phụ nàng. Ông là một trong hàng ngàn lữ-hành, tuân theo tỉ-mỉ những tập-tục khiêm-tốn nhất. Muốn đi tới nơi, người ta phải leo trèo hàng ngày những sườn núi khấp khểnh, những nẻo đường nguy-hiểm, vượt qua hàng mấy cây-số tuyết, lội ngụp trong những suối thiêng mặc dù giá lạnh. Ngày 2 tháng 8 là ngày Tết hàng năm, người ta đến cái hang vĩ-đại, có thể chứa được cả một ngôi giáo-đường : bên trong cùng là một tượng Thần Çiva lớn bằng nước đá dựng lên theo hình-

tướng Lingam ( Dương-vật Linh-phù ). Mỗi người phải đi vào trần truồng, mình thoa đầy tro than. Vivekananda ở lại trong đó, ra sau các người khác, run lên vì súc-động, khi đi vào thì ngất xỉu ; Và nằm gục xuống lễ tại đấy trong đêm tối ấy, trước mặt cái hình trắng muốt, chìm trong âm-nhạc của hàng trăm giọng hát, ông đã thấy một huyễn-ảnh... Çiva hiện lên cho ông... Ông không bao giờ muốn kể lại cái gì mà ông đã nhìn và nghe thấy... Nhưng sự xuất-hiện đập mạnh vào thần-kinh căng-thẳng của ông đến nỗi ông suýt chết tại chỗ. Khi ông ra khỏi hang, con mắt bên trái của ông có máu đọng lại và trái tim bị nở, không còn trở lại như cũ nữa __ Từ đấy, trong hàng tuần-lễ, ông chỉ nói đến Çiva, chỉ nhìn thấy Çiva khắp nơi ; ông tràn đầy : Núi Hy-Mã phủ tuyết và Thần Çiva ngự trên ngai...

Một tháng sau, chính Thánh-Mẫu Kali lại đến giáng ốp vào ông. Bà hiện ở bất cứ đâu, Tình Mẫu-tử Linh-thiêng ! Ông thờ Bà đến cả ở một đứa con gái bốn tuổi. Nhưng không phải

chỉ trong trạng-thái dịu-hiền mà Bà biểu-hiện ra cho ông. Ông có một ảo-tưởng dữ-dội về Thánh-Mẫu Kali _ là Năng-lực hủy-diệt ngự đàng sau bức màn của sự sống __ cái Một ghê-gớm, bao-phủ trong khói bụi của chúng-sinh đi qua, của tất cả ảo-ảnh do gót chân Ngài tung lên. Trong đêm tối, trong cơn nóng sốt, ông sờ-soạng viết ra bài thơ nổi tiếng : " Kali la Mère = Đức Mẹ Kali ", và rồi gục xuống lả đi :

" ... Trăng sao lặn ,
" Đám mây chồng đám mây ,
" Bóng đêm rung động và vang rền .
" Trong những gào thét của thống khổ ,
" Linh-hồn cả triệu người điên ,
" Vượt khỏi ngục thất .
" Nhổ bật rễ cây ,
" Quét sạch thế-giới trên đường đi .
" Biển sôi động,
" Ném những ngọn sóng như núi ,
" Tấn công bầu trời dầy như mực .
" Tia chớp sáng ngời ,
" Soi chiếu khắp nơi .

" Hàng ngàn bóng tối ,
" Của người chết hung tợn và đen xì ,
" Chúng reo rắc tai họa, đau khổ ,
" Và nhẩy múa, vui sướng, điên cuồng ...
" Đến đây, ôi, đến đây Mẹ ơi !
" Khủng khiếp là danh-hiệu Mẹ .
" Thần Chết là hơi thở của Mẹ .
" Mỗi bước của Mẹ làm rung chuyển ,
" Và hủy diệt một thế-giới vĩnh-viễn .
" Ôi, Thời-gian, hủy hoại tất cả !
" Hãy đến, ôi, đến đây Mẹ ơi ! ...
" Ai dám yêu đau khổ ,
" Ghì lấy thân thể của Thần Chết ,
" Và nhẩy múa trong vòng Hủy-diệt .
" _ Người ấy được thấy Mẹ Kali ... "

Ông nói với Nivedita :

" _ " Hãy biết nhận thấy Đức Mẹ ở trong Tội Ác, Hung-dữ, Đau khổ, Hư-không, cũng như trong Dịu ngọt và Vui sướng ! ... Ôi, Mẹ ! Những kẻ điên rồ quấn cổ Mẹ những vòng hoa và rồi chúng lùi lại, ghê sợ và gọi Mẹ bằng danh-hiệu

Từ-Thiện... Hãy niệm về cái Chết ! Hãy thờ cái Hung-dữ ! Chỉ bằng thờ phụng Hung-dữ thì Hung-dữ mới có thể bị chinh-phục và Bất-tử mới đạt được... Có sự hoan-lạc trong cả điều hành-hạ... Đức Mẹ cũng là Tuyệt-đối Brahman. Cả đến sự nguyền-rủa cũng là ban phúc. Con tim phải trở nên mảnh đất để thiêu người chết. Kiêu-ngạo, Ích-kỷ, Dục-vọng, tất cả hãy quy về than tro. Bấy giờ, và chỉ đến bấy giờ Đức Mẹ sẽ hiện ! "

Và người thiếu-nữ Anh, như cái cây bị cơn bão nhổ bật rễ, nhìn thấy kinh-hoảng trong bão-tố Vũ-trụ mà nhà huyễn-tượng Ấn gợi lên, cái trật-tự đẹp đẽ êm-đềm của tín-ngưỡng Tây-phương của mình sụp đổ. Cô viết :

" _ " Trong khi ông nói, tôi rùng mình kinh-hãi mà khám-phá ra cái lòng vị-kỷ ở tại cơ-sở của sùng-bái Thượng-Đế Thiên-mệnh, hiền-từ, an-ủi, và gạt đi Thượng-Đế ở trong núi lửa. Tôi khám phá rằng sự sùng-bái phụng-thờ ấy ở trong

căn-bản ( như người Ấn-Độ-giáo gọi ) chỉ là một sự mặc cả ( một sự mua bán phúc ký kế-toán ) với Thượng-Đế. Và tôi nhận ra cái chân-lý mạnh bạo, vô cùng cao cả của cái giáo-lý nó bầy tỏ cho chúng ta Thượng-Đế tự biểu-hiện qua điều Ác cũng như qua điều Thiện. Tôi thấy rằng thái-độ chân-chính thích-hợp cho tinh-thần, theo lời đanh thép của Vivekananda, là cầu tìm cái Chết hơn là sự Sống, sô thẳng vào ngọn kiếm, là trở nên Đồng-Nhất-Thể với Khủng-khiếp, Vĩnh-Viễn..."

Chúng ta lại thấy ở đấy cái ý-chí anh-dũng đến cực độ, vốn là cái hồn của tất cả hành-động của Vivekananda. Chân-lý không lay chuyển, nó chối từ tất cả che đậy, nó muốn người ta chiêm-ngưỡng trong bộ mặt lột trần ghê sợ. Cái Tín-ngưỡng không có gì mong đợi hoàn lại sự hiến dâng vô-tư của nó, _ nó khinh bỉ cái trò lái buôn của sự " có đi có lại " hứa hẹn Thiên-đường, _ mà năng-lực bất diệt khác nào như thép trên đe, dưới những nhát búa thợ

rèn. ( Cả đến Ramakrishna cũng biết diện-mục ghê sợ của Đức Mẹ. Nhưng ông thích nhìn nụ cười và mái tóc đẹp của Bà hơn.) Sivanath Sastri kể lại rằng :

> _ " Một hôm, tôi chứng-kiến trong khi một số người bắt đầu bàn cãi về các thuộc-tính của Thượng-Đế, xem những thuộc tính ấy có hợp lý chừng nào, Ramakrishna chặn họ lại mà nói :
> _ " Thôi ! Thôi ! Có ích gì bàn cãi xem các thuộc tính Thần-linh có hợp lý hay không ? Các anh bảo Thượng-Đế là thiện, các anh có thể chứng-minh cho tôi bằng lý-luận cái đức tính thiện của Ngài không ? Hãy nhìn cái nạn lụt vừa làm chết hàng ngàn người ! Làm thế nào các anh có thể chứng-minh một Thượng-Đế từ-thiện đã sai làm điều ấy ? Các anh, có lẽ sẽ giải đáp tôi rằng cái nạn lụt ấy đã tẩy sạch những ô-uế và tăng mầu mỡ cho ruộng đất... Nhưng phải chăng một Thượng-Đế tốt lành không có thể làm việc ấy mà không phải dìm hàng ngàn

nam phụ lão ấu vô tội ? " Đến đây, một trong các thính-giả nói : _ " Như vậy thì chúng tôi phải tin là Thượng-Đế độc ác sao ? " _ Ramakrishna bèn kêu lên : _ " Ồ, ngu xuẩn, ai bảo anh như thế ? Hãy chắp tay lại, khiêm-tốn nói : " Ôi, Thượng-Đế, Chúa tôi, chúng con quá hèn yếu, quá bất lực để hiểu biết tính-chất và hành-động của Ngài. Hãy rũ lòng soi sáng chúng con ! ... " Không lý-luận ! Hãy yêu ! "

Sự hiểu biết Thượng-Đế khủng-khiếp thì ở Ramakrishna cũng giống hệt như ở Vivekananda. Nhưng thái-độ thì khác nhau. Ramakrishna cúi xuống hôn chân Thần-linh chà đạp tim ông, còn Vivekananda, thì ngẩng mặt nhìn vào tận mặt cái chết ; và lạc-thú hành-động của ông càng thêm hăng-hái. Ông chạy sô vào " đầu mũi gươm trần " .

Các nhà Thần-hóa-học Cơ-Đốc danh-tiếng của chúng ta cũng vậy, họ từng có biết _

còn biết _ cái thú hùng-dũng ấy. Chính Pascal đã nếm mùi. Nhưng thay vào chỗ nó kéo họ rời xa với hành-động, thì Vivekananda lại nhận thấy ở đấy sức nóng bỏng của sắt hồng làm cho ý-chí bồng-bột và tăng bội lên để lại trở vào chiến-trận .

Ông phối-hợp với tất cả những đau khổ của thế-gian. Cô Nivedita viết :

> _ " Người ta có cảm-tưởng rằng, không một sinh-vật nào có thể bị đánh đập mà ông không cảm thấy đòn. Và không một đòn nào, và cả đến cái chết cũng chỉ có thể gợi lên ở nơi ông tình-yêu và ơn phúc ."

Ông nói :

> " _ " Tôi hôn diện-mục của Tử-Thần ! "

Ông bị ốp mấy tháng vì cái hình-ảnh ấy. Ông không thể còn nghe thấy tiếng nào khác hơn là tiếng của Đức Mẹ. Sức khỏe của ông bị

ảnh-hưởng. Lúc ông trở về, sau chuyến đi hành-hương, các sư-đệ thấy hoảng-sợ vì sự biến-đổi ở ông. Ông ngồi lặng chìm trong định-niệm, mà cùng một câu hỏi, nhắc đi nhắc lại hàng mười lần cũng không thể lôi ông tỉnh lại được. Ông nhận ra cái nguyên-nhân của sự-kiện ấy là " một trạng-thái nhiệt-độ của lửa Thần-hóa tam-muội " :

> " _ " Kể từ đấy, Thần Çiva đã nhập vào trong tâm-hồn tôi, và không muốn xuất ra nữa ... "

Đối với tinh-thần duy-lý ở Âu-Tây, vốn ác-cảm với những việc Thánh-ốp của Thần cách hóa như thế, tưởng nên nhắc lại giải-thích của Vivekananda cho đạo-hữu của ông một năm sau :

> " _ " Toàn thể tất cả sinh linh _ ( không phải chỉ có nhân-loại mà thôi ) _ là Thượng-Đế nhân-cách-hóa. Không có gì cưỡng lại được ý-chí của toàn-thể. Đấy là cái mà chúng ta biết được dưới danh-

hiệu Định-Luật, Luật-Pháp. Và đấy là cái mà chúng ta muốn gọi là Çiva, Kali v.v.."

Nhưng cái cảm-tình mãnh-liệt của Người Ấn danh-tiếng ấy, phóng chiếu thành hình-ảnh nẩy lửa tất cả cái gì trong trí não người Âu còn ở trạng-thái lý-luận. Chưa một phút nào tín-ngưỡng Bất-Nhị-Pháp thâm sâu của ông ta từng bị lay chuyển . Nhưng ngược lại, đường lối của Ramakrishna, ông đạt tới trình-độ thông hiểu đại-đồng _ cái vọng đài của tư-tưởng, mà ở đấy, người ta vừa là vành bao, vừa là trung-tâm của vòng tròn : tất cả tâm-hồn, và mỗi tâm-hồn _ và Nguyên Thanh A.U.M. toát-yếu và tự thân thu về vĩnh-cửu Nada _ điểm khởi thủy và chung cục của vận-động song đôi bất tận. ( A.U.M. là tiếng thiêng, theo tín-ngưỡng cổ-truyền Ấn-Độ và định-nghĩa chính của Vivekananda : " Mẫu âm của tất cả âm-thanh và là phù-hiệu của Brahman = Phạm-Thiên... Vũ-trụ do nguyên-âm, nguyên-thanh ấy tạo nên." _ Nada - Brahma ( Phạm - Hồng ) ông

nói là Phạm-Âm ( Brahman - Son ) tế vi nhất của vũ-trụ." ( Bhakti-Yoga ) .

Các Sư-đệ ông từ lâu đã có tin tưởng kín-đáo, thân-mật về đồng-nhất-tính của ông với Sư-phụ Ramakrishna. Premananda đã có lần hỏi ông :

" _ " Phải chăng anh với Rama-krishna có gì khác nhau không ? "

Vivekananda đã trở về tu-viện mới ở Tùng-lâm Belur, mà ông làm lễ khai-trương ngày 9 - 12 - 1898. Ở Calcutta, vài ngày trước đó, vào ngày 12 - 11 là ngày Hội Đức Mẹ, trường nữ-sinh của Nivedita khai-trương. Mặc dù có bệnh, cơn hen suyễn làm ông nghẹn thở, mặt mày tím bầm như người chết đuối, ông cũng mạnh mẽ tổ-chức Sứ-đồ với Saradananda phụ-tá. Tổ ong đang làm việc. Người ta dạy tiếng Phạn ( Sanscrit ), các triết-học Đông-phương và Tây-phương, các nghề thủ-công và Thiền-định. Chính ông làm kiểu-mẫu sau các bài học siêu-hình, ông cuốc vườn, đào giếng,

ngào bột làm bánh. Ông là cả một bài ca sinh-hoạt về Lao-động .

" _ " ... Chỉ có một đại tu-sĩ ( theo nghĩa rộng, là một người hiến thân phụng-sự Tuyệt-đối ) mới có thể là một đại công-nhân : vì nó không có ràng buộc... Không có công-nhân nào vĩ-đại hơn là Đức Phật ( Buddha ) và Đức Cơ-Đốc ( Christ )... Không một công việc nào là thế-tục. Tất cả công việc đều là sùng-bái và phụng-thờ ... "

" Và không có chút đẳng cấp nào giữa hình-thức việc làm ! Tất cả công việc hữu ích cho nhân-loại đều cao thượng ...

" _ " Ví phỏng Sư-đệ tôi bảo tôi phải quét rửa cống rãnh của Tùng-lâm cho chọn đời tôi ; các anh hãy tin chắc là tôi sẽ làm. Chỉ có kẻ nào biết phục-tòng vì hạnh-phúc chung, kẻ ấy mới là người chỉ-huy vĩ-đại ... "

Bổn-phận đầu tiên là " Hy-sinh " :

" _ " Không hy-sinh, không có tôn-giáo gì ( có thể nói không có một nền móng thâm sâu gì về tinh-thần ) có thể lâu bền ... "

Và hạng người đã " hy-sinh ", đạo-sĩ hành-khất ( sannyasin ) đứng trên đầu các Vedas, như chính giới Vedas tuyên-bố, " vì nó giải-thoát khỏi các giáo-phái, các Nhà-thờ và các nhà tiên-tri ". Nó ở tại Thượng-Đế, Thượng-Đế ngự tại nó. Nó hãy có đức tin !

" _ " Lịch-sử thế-giới là lịch-sử của một số người, họ đã có đức tin vào chính họ. Cái đức tin ấy làm thần-linh bừng hiện tự nơi bên trong. Anh có tất cả khả-năng. Anh chỉ thất-bại khi nào anh không nỗ-lực đủ để biểu-hiện một quyền-năng vô-biên. Một người hay một dân-tộc mất đức tin vào nơi mình, tức thì diệt vong ngay. Trước hết hãy tin vào mình, rồi sau vào Thượng-Đế ! Một nhóm người dũng mạnh sẽ rung động thế-giới ... "

Vậy hãy can đảm ! Dũng cảm là đức tính cao nhất. Dám nói hoàn-toàn sự thật ở bất cứ trường-hợp nào, " cho tất cả mọi hạng người, không phân-biệt, không hàm hồ, không sợ hãi, không nhân-nhượng, hòa-hoãn ! ... " Và anh đừng có nghĩ đến người giầu, người quyền-thế ! " Anh không có quan-hệ gì với nhà giầu. Nịnh bợ họ, tìm kiếm họ là một thái-độ của gái điếm. bổn-phận của anh là với kẻ nghèo khó. Hãy yêu lấy chúng, vui vẻ phục-vụ chúng ! Hãy hy sinh, quên mình đi ! "

" _ " Nếu anh tìm sự giải-thoát của mình, thì anh đi xuống địa-ngục. Chính là sự giải-thoát của tha-nhân mà mình phải cầu tìm... Và nếu anh phải xuống địa-ngục vì làm cho tha-nhân, thì như thế còn hơn là lên thiên-đường bằng cầu tìm giải-thoát cho chính mình... Ramakrishna đến để hy-sinh đời mình cho thế-giới. Tôi cũng thế, tôi muốn hy-sinh cuộc đời của tôi. Và các anh cũng thế, tất cả các anh phải làm đúng như thế. Và tất cả hy-sinh của chúng ta chỉ mới là bước đầu. Từ

trong máu của chúng ta đổ ra sẽ nẩy ra những vĩ-nhân, những công-nhân anh-dũng để cách mệnh thế-giới ... "

Luôn luôn điệu nhạc lớn lao ấy, những câu nói điệu Beethoven, những nhịp điệu hăng hái cổ võ các dân-tộc tiến lên như điệu hợp-ca tiến quân của Haendel ! Những chữ ấy vùi dưới vải liệm của sách vở, cách nay hơn ba mươi năm, mà tôi không thể sờ đến mà không thấy như điện giật vào thân-thể. Những rung-động, những phấn-khởi chúng đã tạo ra mạnh là nhường nào, khi chúng mới được nhà anh-hùng thốt ra nóng hổi từ trong trái tim, buồng phổi !

Ông cảm thấy đang chết. Nhưng ...

" ..... sống là một chiến-đấu. Tôi hãy chết trong chiến-trận ! Hai năm đau đớn về thể-xác, lấy mất hai mươi năm sống.

Nhưng tâm-hồn không thay đổi. Nó vẫn tại đây, vẫn là cùng một người điên, điên của một Ý-niệm : Atman ! Bản-Ngã ! ... "

# - IX -

## CHUYẾN DU-HÀNH THỨ HAI

## SANG TÂY - ÂU

Ông hoạch-định cuộc du-lịch thứ hai sang Âu-Tây để kiểm soát công-trình ông đã thiết-lập và để khêu thêm nhiệt-độ. Ông mang theo, chuyến-này, một trong các sư-đệ bác-học nhất của ông là Turiyananda, quí-phái, cao-thượng và thông-thái Phạn-học ( Sanscrit ). Ông bảo :

> " _" Kỳ trước họ đã được thấy người chiến-sĩ. Kỳ này tôi muốn họ thấy một người Bà-La-Môn ."

Ông ra đi với tâm-trạng khác hẳn khi ông phải trở về : mang một lò nghị-lực trong thân-

thể gầy ốm, cổ võ hành-động và chiến-đấu với lòng ghê-sợ về sự bạc-nhược của dân-tộc mình, thiếu sĩ-khí đến nỗi trên chuyến tầu đi ngang qua đảo Corse, ông phải ca bài " Chúa chiến-tranh " .

Trong tinh-thần khinh bỉ sự hèn nhát của tâm-hồn, ông có thể đi đến mong mỏi cường lực của tội ác. Và hơn bao giờ hết, ông tin-tưởng sự phối-hợp Đông-phương với Tây-phương là thiết-yếu. Ông nhìn thấy ở hai bên, Ấn-Độ và Âu-châu " hai cơ-thể đang tuổi hoa niên... Hai đại kinh-nghiệm sinh-tồn mà chưa một đàng nào đủ trưởng-thành và hoàn-bị ". Họ phải tương-trợ lẫn nhau, đồng thời tôn-trọng nhau trong sự phát-triển tự-do. Ông tránh không dám chỉ-trích những nhược-điểm của họ, ở cả hai bên, về tuổi trẻ thơ. Họ hãy trưởng-thành, tay cầm tay !

Một năm rưỡi sau khi ông trở về Ấn-Độ, ông hầu như hoàn-toàn thờ ơ, với đời sống và thất-vọng về bạo-lực mà bộ mặt hung-bạo lần

này đã vạch trần cho ông thấy chủ-nghĩa đế-quốc Tây-phương, với con mắt thù hận của những bọn tham tàn. Bây giờ ông phải tự nhận là chuyến du-lịch thứ nhất, ông đã quá chú-ý riêng về năng-lực, về tổ-chức và tinh-thần dân-chủ ảo-ảnh của Mỹ-quốc và Âu-châu. Nay ông mới thấy được tinh-thần vụ-lợi, tham-lam, ông thần Tiền và những kế-hoạch khổng-lồ của nó, những tranh-chấp khốc liệt để làm bá-chủ. Ông có thể kính phục sự vĩ-đại của một tổ-chức mạnh ...

_ " Nhưng có sự vĩ-đại gì trong một bầy sói ? "

" Đời sống Âu-Tây bây giờ hiện ra cho ông như địa-ngục ... " một chứng nhân đã ghi lại. Sự hào-nhoáng vật-chất đã làm cho ông hết ảo-vọng. Ông đã tri-giác thấy, cái bi-kịch ngấm-ngầm, sự mệt mỏi với năng-lực phung-phí gượng-gạo, sự đau khổ thâm-trầm dưới làn phấn phù-phiếm. Ông nói với Cô Nivedita :

_ " ... Đời sống xã-hội ở Tây-phương giống như một trận cười ; Tiếng cười vang kết-thúc vào nức-nở. Vui vẻ và phù-phiếm chỉ ở ngoài mặt. Sự thực tâm-hồn Tây-phương tràn-ngập một bi-kịch ảm-đạm... Ở đây ( tại Ấn-Độ ) bên ngoài thì buồn đau hay là rầu-rĩ, nhưng bên trong là vô-tâm và vui vẻ ."

Cái viễn-tượng quá tiên-tri ấy đã đến cho ông ta bằng cách nào ? Con sâu đục khoét não tủy Tây-phương đang rực-rỡ, con quái-vật của những ngày thù-hận và hấp-hối sắp đến của những năm chiến-tranh và cách-mệnh ở đâu và lúc nào, đã biểu-lộ ra trước con mắt soi-mói của ông ?

( Cô Sister Christine vừa mới thổ-lộ trong những " Ký-ức chưa xuất-bản " của Cô rằng : ngay chuyến du-hành thứ nhất vào năm 1895 Vivekananda đã tri-giác thấy tấn bi-kịch của Tây-phương :

" _ " Âu-châu hiện ở trên miệng một núi lửa. Nó sẽ nổ tung, trừ phi có một luồng tâm-linh nào dẹp tắt núi lửa ."

( Cô Christine còn cho chúng ta biết những lời nói khác đáng chú-ý, những trực-giác tiên-tri của Vivekananda :

" _ " Ba mươi hai năm trước đây, nghĩa là vào năm 1896, ông ta nói với tôi rằng : " Cuộc đảo-lộn xã-hội sắp tới, nó phải đem lại một kỷ-nguyên mới sẽ xuất-hiện ở nước Nga ( Russie ) hay nước Tầu ( Chine ). Tôi không có thể nói chắc là nước nào, nhưng sẽ là ở nước nọ hay nước kia ."

Lại nữa :

" _ " Thế-giới hiện ở vào thời-kỳ thứ ba dưới sự thống-trị của đệ-tam cấp là giới lái-buôn ( Vaiçva ). Thời kỳ thứ tư sẽ dưới sự thống-trị của giới lao-động ( Çudra ) ." )

Người ta không biết ở đâu và lúc nào, con mắt soi mói của ông đã khám-phá ra con sâu gặm trong ruột tủy Tây-phương. Nhật-ký du-lịch của ông chỉ ghi chép sơ-lược. Ông thiếu mất một Goodwin bên cạnh ông. Ngoài một hai hai lá thư thân-mật, trong đó có lá thư hay nhất gửi về Alamada cho Cô Mac Leod, người ta tiếc rằng chỉ được biết về những sự di-chuyển và thành-công về sứ-mệnh của ông thôi .

Sau khi chỉ ghé vào Luân-Đôn (Londres) một thời-gian ngắn, ông đi sang Hiệp-Chủng-Quốc và ở lại đấy gần một năm. Ông gặp lại Abhedananda và được thấy công-trình học-tập Vedanta đang phát-triển mạnh. Ông xếp đặt cho Turiyananda ở Cambridge. Chính bản-thân ông thì cư-ngụ ở Californie, nhờ khí-hâu nơi đó nó cho ông được vài tháng khỏe-mạnh. Ở đấy ông đã có nhiều buổi diễn-thuyết .

_ ( Đáng ghi là ở Lasadena, ông nói về " Cơ-Đốc, Người mang tin " ; ở Los Angelès về " Tâm-lý-học ứng-dụng " _ về " Kinh Gita " ;

ở các tỉnh khác của Californie, về " Sứ-mệnh của Bouddha, của Christ, của Krishna " _ về " Nghệ-thuật và Khoa-học ở Ấn-Độ " _ về " Năng-lực của Tinh-thần "... Đáng tiếc, nhiều bài diễn-thuyết ấy đã bị thất-lạc. Không tìm thấy được một Goodwin thứ hai để ghi chép .)

Ông lập ra nhiều trung-tâm Veda học mới ở San Francisco, ở Oakland, ở Alameda. Ông tiếp nhận một tư-sản một trăm rưởi sào đất giữa rừng trong quận Santa Clara, và ở đấy ông sáng-lập một Tùng-lâm để Turiyananda hướng-dẫn một số học-sinh ưu-tú vào đời sống tu-sĩ. Cô Nivedita đến sau, theo ông ở Mỹ và cũng diễn-thuyết ở Nữu-Ước ( New-York ) về những lý-tưởng của phụ-nữ Ấn và về nghệ-thuật cổ-điển Ấn-Độ. Tập-đoàn nhỏ của Vivekananda chọn lọc đang hoạt-động hăng-hái. Công-trình thịnh-vượng. Ý-tưởng lan rộng .

Nhưng người lãnh-tụ đã đến ba phần tư không còn thuộc về trần-gian này nữa. Bóng cây lên cao dần... Phải chăng là bóng đấy hay

là một thứ anh-sáng khác ? Nhưng không còn phải là ánh sáng mặt-trời của chúng ta nữa ...

_ " Hãy cầu-nguyện cho tôi, ngõ hầu công việc của tôi làm không bao giờ dừng lại và toàn-thể tâm-hồn tôi hãy nhập vào Đức Mẹ !... Tinh-thần tôi tốt, tốt lắm. Tôi cảm thấy tâm-hồn được an nghĩ hơn là thể xác. Chiến trận có bại, có thắng. Tôi sửa soạn hành-lý và tôi đợi đấng Giải-cứu vĩ-đại. Thần Çiva ! Çiva ! Xin Ngài đẩy thuyền tôi sang bên kia sông ! ... Tôi chỉ còn là đứa thiếu-niên ngơ ngác, nuốt những lời nói nhiệm-mầu của Rama-krishna dưới gốc cây đa ở Dakshineswar. Đấy là thật, là chân-tính của tôi ! Những sự-nghiệp, những hoạt-động, làm việc thiện v.v... Tất cả điều ấy là thêm thắt... Bây giờ đây, tôi lại nghe thấy tiếng nói của Thày, tiếng nói xưa, tiếng nói nó làm cho tôi rung-động. Những ràng buộc đứt, tình-yêu chết, công tác trở nên vô vị. Hào-nhoáng của đời sống đã đi khỏi. Bây

giờ chỉ còn có tiếng nói của Sư-phụ gọi : " _" Để cho người chết chôn người chết ! Lại đây ! Theo ta ! ... " _ " Con hãy đến đây !... " Niết-bàn ở tại trước mắt tôi... Cái biển an-lạc, không gợn sóng, không gió động... Tôi sung sướng được sinh ra, sung sướng đã đau khổ, sung sướng đã lang thang, sung sướng trở về an-lạc... Tôi không để cho một ai lệ-thuộc tôi, tôi không lệ-thuộc ai... Con người cũ đã đi khỏi, vĩnh-viễn. Người hướng-đạo, sư-phụ ( gourou ), người chủ đã biến mất ... "

Trong khí-hậu tuyệt vời, dưới bóng mặt-trời óng-ánh của xứ Californie, giữa cây cỏ phồn-thịnh của nhiệt-đới, cái ý-chí lực-sĩ của ông đã cởi mở ra, bản-thể ông thấm mệt, chìm vào trong mộng, thể-xác và thần-hồn tự buông trôi ...

" _ " ... Tôi không dám cả đến khua động với chân tay tôi để không làm thương tổn đến sự yên-tĩnh lạ lùng, nó

chứng-thực cái toàn-thể ảo-hóa. Đàng sau việc làm của tôi là cao-vọng. Đàng sau tình-yêu của tôi là chủ-nghĩa vị-ngã. Đàng sau sự thanh-khiết là lo sợ. Đàng sau năng-khiếu lãnh-đạo là khát-vọng chỉ-huy. Bây giờ chúng đều tan biến, và tôi tự buông trôi... Mẹ ơi ! Con đến, con đến trong lòng Mẹ ấm-áp, con đến đây, bất cứ đâu trong cõi Vô-thanh, trong cảnh-giới kỳ-diệu. Con đến như là khán-giả, không còn là diễn-viên nữa. Ôi ! Cảnh an-tĩnh ! Tư-tưởng tôi hình như từ chốn xa xăm vô-biên, trong nội-tâm nổi lên. Chúng là những tiếng thì-thầm, xa xôi, an-lạc và bao-phủ tất cả sự-vật. An tĩnh, an-tĩnh êm-đềm như là ý vị người ta nếm trước khi ngủ, khi người ta nhìn, cảm-giác như là những bóng tối, không sợ-hãi, không yêu, không súc-động... Con đến đây, hỡi Chúa ! Thế-giới có đấy. Không xấu, không tốt. Những cảm-giác không súc-động. Ôi ! Cảnh hoan-lạc ấy !... Tất cả sự-vật đều tốt và đẹp vì chúng đã mất

tính-cách tương-đối. Và thân-thể của tôi trước hết ... A.U.M ... Sinh-tồn này ! ... " _ ( Thư gửi Cô Mac Leod _ 18 - 4 - 1900, Alameda )

Cái tên bắn đi còn đang bay, nhờ cái đà vận-động nó sẵn có, nhưng nó đi đến điểm hết đà mà nó biết nó sắp rơi xuống... Cái lúc êm-đềm " trước khi ngủ đi " _ rơi xuống _ khi cái đà khắc-nghiệt của định-mệnh thúc-đẩy đã kiệt sức ; và cái tên lơ-lửng giữa không-trung, giải-thoát khỏi cả cung lẫn đích ...

Mũi tên Vivekananda đi hết thỉ tuyến. Nó lại vượt đại-dương ngày 20 tháng 7 - 1900. Ông đến Paris, được mời dự Hội-nghị Lịch-sử các Tôn-giáo, triệu-tập nhân Hội-chợ Quốc-tế. Nhưng đây không phải là một Hội-đồng Tôn-giáo ở như Chicago. Thế quyền Da-Tô đã ngăn-chặn. Đây chỉ là một Hội-nghị thuần-túy lịch-sử và khoa-học. Đến mức-độ giải-thoát mà cuộc đời Vivekananda đã tới, thì sự chú-ý về đường trí-thức của ông, không phải là nhiệt-

tâm của ông, không phải là tất cả tâm-hồn ông, có thể tìm thấy ở Hội-nghị này một chút nuôi-dưỡng. Ông được Hội ủy cho việc thảo-luận về vấn-đề tôn-giáo Veda có phải xuất-phát từ thờ phụng thiên-nhiên mà ra không. Ông thảo-luận với Oppert, ông nói về " Vedas, nền-tảng chung cho Ấn-Độ-giáo và Phật-giáo ". Ông chủ-trương Krishna và Kinh Gita có trước Phật-giáo, và bài-bác thuyết về ảnh-hưởng Hy-lạp vào kịch-nghệ, văn-nghệ và khoa-học Ấn-Độ .

Nhưng thời-gian quí báu nhất của ông là để dành cho văn-hóa Pháp. Ông rất chú-ý đến sự quan-trọng của Ba-Lê ( Paris ) về đường trí-thức và xã-hội. Trong một bài báo gửi về Ấn-Độ, ông nói " Paris là trung-tâm và nguồn suối của văn-hóa Âu-Châu ", rằng ở đấy tạo nên luân-lý và xã-hội Tây-phương, rằng Đại-học của nó là kiểu-mẫu cho tất cả Đại-học khác, rằng " Paris là lò của tự-do, và nó đã thổi một nguồn sống mới vào Âu-châu ."

Ông cũng đến nghỉ ít ngày ở Lannion, tại nhà người bạn là Bà Ole Bull. Ở đấy ông lại gặp Cô Nivedita, nay đã là Sư-muội. Ngày lễ Thánh Michel, ông lên Núi Saint Michel. Ông vẫn cảm thấy sâu sắc điểm tương-đồng giữa Ấn-Độ-giáo và Da-Tô-giáo La-Mã. Vả chăng, ông nhận thấy trong chính chủng-tộc Âu-châu dòng máu Á-châu pha trộn ít nhiều. Ông không có ý-nghĩ rằng có sự sai khác ở bản-chất giữa Âu và Á, ông tin chắc rằng, sự tiếp-xúc thâm sâu giữa Âu-châu với Á-châu tất nhiên phải đem lại cho Âu-châu một sự phục-sinh, nhờ có sự bồi-dưỡng mới về những tư-tưởng tâm-linh Đông-phương .

Điều đáng tiếc là một nhà quan-sát uyên-thâm như ông về đời sống tinh-thần của Tây-phương, chỉ đã có được, ở Paris, nhà Cố-đạo Hyacinthe và Jules Bois làm hướng-đạo-viên và chứng-nhân hàng ngày tinh-thần Pháp .

Ông hồi quy Đông-phương ngày 24 tháng 10, qua Vienne và Constantinople. Nhưng sau

Paris, không còn một tỉnh-thành nào đáng để ông lưu-ý nữa. Đến Autriche, nhân đi qua, ông có thốt lên lời nói lạ ; ông bảo " nếu nước Thổ-Nhĩ-Kỳ ( Turc ) là Nam-nhân bệnh-hoạn, thì Autriche là Phụ-nữ bệnh-hoạn của Âu-châu ". _ Ông mỏi mệt về Âu-châu và không thấy nó hấp-dẫn nữa. Ông ngửi thấy ở đấy mùi khói đạn chiến-tranh. Bất cứ ở đâu cũng thấy bốc lên. Ông nói : " Âu-châu là một bãi chiến-trường lớn ... "

Tuy ông có dừng chân ít bữa trên bờ Bosphore, trong những cuộc nói chuyện với các tu-sĩ Hồi-giáo, và ở Hy-Lạp trong những kỷ-niệm của Athènes và Eleusis _ sau cùng là viện bảo-tàng Caire ( Ai-Cập ) _ càng ngày ông càng xa rời với cảnh-tượng sự-vật bên ngoài. Ông lăn chìm vào trong nội định. Nivedita bảo rằng trong những tháng cuối ở Tây-phương, ông cho người ta cái cảm-tưởng là ông lãnh-đạm với tất cả ở chung-quanh. Ông đi sang chân trời khác rồi. Tại Ai-Cập, ông nói rằng :

_ " Hình như ông dở đến những trang kinh-nghiệm cuối cùng ... "

Thình-lình, ông nghe thấy tiếng gọi trở về khẩn-cấp. Không chờ thêm một ngày, ông đáp chuyến tầu thứ nhất, và một mình về Ấn.

__ Ông mang thể-xác lên đài hỏa-thiêu .

*****
*

# - X -

# GIẢI THOÁT

Người bạn già trung-thành của ông vừa mới đi trước ông. Ông Sevier đã mất ngày 28 tháng 10 tại Già-Lam ( Ashram ) trong núi Hy-Mã-Lạp-Sơn ( Himalayas ) do ông ta đã xây-dựng. Về tới Ấn-Độ, Vivekananda mới biết tin. Ông đã sớm có linh-cảm trên đường về. Không kịp nghỉ-ngơi ở Belur, ông điện ngay lên Mayavati là ông đi lên Ashram. Vào mùa ấy trong năm, con đường lên núi Himalayas khó-khăn, nguy-hiểm, nhất là đối với một người mà sức khỏe không tốt như Vivekananda. Phải mất bốn ngày đi trong tuyết, mà năm đó mùa rét lại đặc-biệt dữ-dội. Không kịp chờ người ta tập họp phu-pheng, những người khiêng vác, ông khởi-hành với hai sư-đệ ; và phái-đoàn từ Ashram gửi xuống đón gặp ông ở nửa đường ; nhưng mưa tuyết với sương mù khiến ông đi lên vất vả, ông nghẹt thở ; bạn đồng-hành lo-lắng đã phải vất-vả lắm mới cõng ông lên được

tới tu-viện Mayavati. Ông đến nơi vào ngày 3 tháng 1 năm 1901 ; và mặc dù nỗi vui sướng pha súc-động của ông khi được gặp lại Bà Sevier, được xét thấy công-trình đã thành-tựu, được nhìn ngắm cái Ashram đẹp, dựng trên những ngọn núi tuyết, ông không có thể ở lại đấy hơn mười lăm ngày ; bệnh hen làm ông nghẹt thở ; một chút cử-động gắng gượng làm ông mệt lả. _ " Thân-thể tôi hết rồi ! " ông nói. Và người ta ăn mừng kỷ-niệm ba mươi tám tuổi của ông, ngày 13 tháng giêng ! Nhưng tinh-thần ông, luôn luôn vẫn cường-kiện. Trong Tùng-viện Bất-Nhị-Pháp ( Advaïta Ashram ) này, theo ý muốn của ông, là chỉ dành riêng cho trầm-tư mạc-niệm về Tuyệt-đối, ông phát hiện thấy một gian dành riêng để thờ Rama-krishna. Ông luôn luôn chứng tỏ một lòng tôn thờ hoàn-toàn đối với Sư-phụ, nhất là vào những năm cuối về sau này ; ông tỏ ra bất bình với sự phụng thờ ấy mà bị coi như phạm-thượng ở một nơi như thế. Ông nhiệt-liệt nhắc lại rằng không có chút nhu-nhược tín-ngưỡng lưỡng-nguyên nào được dự vào cái cung-điện

này. Nó chỉ hiến riêng cho Nhất-nguyên tâm-linh tối-cao .

Lòng nóng sốt đã thúc đẩy ông lên đấy thế nào thì ông cũng nóng lòng trở xuống bấy nhiêu. Không gì có thể giữ ông ở lại. Ông rời Mayavati ngày 18 tháng Giêng, đi ngựa bốn ngày trong tuyết trên sườn núi trơn giốc, và trở về đến tu-viện Belur ngày 24 tháng Giêng .

Ngoài một chuyến đi hành-hương cuối cùng với thân-mẫu ông đến các Thánh địa xứ Bengale miền Đông và xứ Assam ở Dakka và Sillong, ông trở về, kiệt-sức và từ đấy ông không còn dời khỏi Belur nữa, trừ một buổi đi thăm Benarès ngắn ngủi vào đầu năm 1902. Cuộc hành-trình lớn của đời người đã kết-thúc... Ông kiêu-hãnh nói :

_ " Có hề chi ! Tôi đã hiến đủ rồi, còn cho năm trăm năm nữa ! "

***

*

Tại Tu-viện, ông ở một phòng trên lầu hai, rộng lớn, rất thoáng với ba cửa và bốn cửa sổ : " Trước mặt là giòng Hằng-Hà ( Gange ) rộng lớn lóng-lánh dưới ánh nắng. Một chiếc thuyền lướt qua làm tan cảnh yên-tĩnh, mái chèo đập nước tung-tóe... Tất cả đều xanh và vàng, cỏ non mướt như tấm thảm nhung ..." _ ( Thư ngày 19 - 12 - 1900 )

Ông sống đời sống quê mùa, một đời sống mục-đồng thánh-thần theo kiểu tu-sĩ dòng Thánh François d'Assise. Ông làm vườn, trông nom chuồng bò. Ông giống như các nhà khổ-hạnh trong kịch Sakountala, giữa các súc-vật ưa-thích : con chó Bagha ; con dê Hansi ; con dê con Matru cổ đeo nhạc, cùng ông nô đùa như đứa trẻ ; một con hiêu ; một chú cò ; các con vịt và ngỗng ; bò cái và cừu. Ông đi lại như ở trong thần-mộng, ngâm-nga với thanh-âm hay của ông, êm-dịu và thâm-trầm, hay là ông nhắc lại một vài tiếng hấp-dẫn tinh-thần, không để ý đến thời giờ đi qua .

Nhưng ông cũng biết làm một sư-trưởng của Tu-viện, cương-nghị, điều-khiển ở tại viện, mặc dầu đau bệnh, mỗi ngày cho đến phút cuối cùng với những lớp học Vệ-Đà, dạy các tu-sĩ những phương-pháp thiền-định, thổi vào lòng mọi người, làm cho tinh-thần họ tự-tin cương-cường. Ông bảo-vệ kỷ-luật chặt-chẽ, giữ-gìn vệ-sinh chung, thiết-lập chương-trình hàng tuần, theo dõi sát tất cả mọi công-tác hàng ngày đều đặn. Và không một sự cẩu-thả nào có thể qua mắt của Sư-phụ. Ông bảo-trì chung-quanh mình một không-khí anh-dũng, một Lò-Hồng tâm-hồn mà Thượng-Đế luôn luôn hiện diện. Khi thấy các tu-sĩ đi đến buổi chầu, ông đứng dưới gốc cây giữa sân bảo chúng :

> " _ " Các con đi tìm Brahman ( Thượng-Đế ) ở đâu vậy ?... Thượng-Đế không bao giờ tỉnh-dậy ở người nào không tự-trọng mình... Ngài ở tại tất cả, tiềm-tàng. Tại đây, tại đây là Thượng-Đế cụ-thể. Hổ thay cho những ai, thờ-ơ với

Thượng-Đế hữu-hình, chú ý vào các đối-tượng nào khác ! Tại đây là Thượng-Đế, trước mặt các anh, cũng cụ-thể như một trái cây nắm trong tay. Các anh không có thể nhìn thấy sao ? Tại đây, tại đây, tại đây là Thượng-Đế ( Brahman ) ấy ! ... "

Và giọng nói của ông mãnh-liệt đến nỗi tất cả bọn đều rung-động. Họ đứng chết lặng, gần mười lăm phút đồng-hồ, đóng đinh tại chỗ như bị tê-liệt. Phải đợi đến một lúc sau đó Vivekananda lại bảo họ :

_ " Bây giờ hãy đi chầu đi ! Đi đi ."

Tuy vậy, bệnh-tình của ông ngày càng nặng. Bệnh tiểu-đường biến-chứng ra thủy-thũng : chân ông phù-sũng, và có bộ-phận ở thân-thể trở nên nhậy-cảm đau đớn dữ-dội. Hầu như mất ngủ hẳn. Thày thuốc cấm ông không được cố sức chi hết nữa. Người ta bắt ông phải theo một sự kiêng-cữ nặng-nề : cấm uống nước, cả đến một giọt cũng không được. Ông kiên-nhẫn tuân theo rất khắc-khổ. Suốt hai

mươi mốt ngày trời ông không uống một giọt nước, cả đến lúc ông súc miệng nữa. Ông đã nguyện ...

> _ " Thân-thể chỉ là cái mặt nạ của tinh-thần. Tinh-thần ra lệnh, thân-thể phải tuân theo. Bây giờ tôi không còn nghĩ đến nước nữa, tôi không thấy thiếu-thốn... Tôi thấy rằng không còn điều gì mà tôi không có thể làm được trọn-vẹn . "

Mặc dầu viện-trưởng đang bệnh, công việc thường xuyên, cũng như những ngày lễ của viện đều thi-hành như thường-lệ. Ông muốn rằng những buổi lễ phải được tổ-chức theo nghi-lễ trọng-thể. Vì cái tinh-thần tự-do ấy, không từng e sợ gây sự tai tiếng khi những cải-cách xã-hội có đụng chạm với chính-thống bất-nhân của những kẻ mê-tín, lại giữ một thái-độ tôn-kính như-nhược đối với thi vị thần-thoại của các cuộc lễ trang-hoàng để bảo-tồn nguồn suối tín-ngưỡng linh-động trong lòng tín-đồ chất-phác .

Cô Mac Leod có nói với tôi rằng : Vivekananda về phương-diện cá-nhân thì thờ-ơ đối với nghi-lễ tập-tục ; ông không tuân theo như trong đời sống xã-hội. Nhưng ông cho phép làm theo tục-lệ, cả trong bữa cơm ăn mà người ta dành phần của mình cho chư-vị thần-linh ; và những ngày lễ kỵ thần-linh người ta dành chỗ ngồi cho chư-vị trong bữa ăn rồi tiếp dàng các món ăn. Ông nói là ông đã nhận-thức ra sự thiết-yếu của nghi-lễ ấy đối với sự nhu-nhược của loài người, không có khả-năng giữ được kỷ-niệm và dấu-tích linh-động của thực-nghiệm tôn-giáo, nếu thiếu những động-tác ấn-định và nhắc đi nhắc lại ấy, ông nói :

_ " Không có cái ấy thì ở chúng chỉ còn là trí-thức ( và ông để tay lên trán ), tư-tưởng chết khô ."

Vậy nên người ta đã long-trọng làm lễ như vào tháng 10 năm 1901, lễ lớn tôn-thờ Thánh Mẫu ( Durga Puja ) _ quốc lễ xứ Bengale, nó tương-đương với ngày lễ Phục-sinh ( Noël ), nỗi vui mừng của mùa thu thơm

ngát, trong ấy người ta giảng-hòa với nhau, người ta trao đổi với nhau quà, tu-viện nuôi ăn ba ngày hàng trăm người nghè-khó ; vào tháng 2 năm 1902, ngày lễ kỷ-niệm Ramakrishna, có hơn ba vạn khách đến hành-hương tụ-họp tại Belur. Nhưng Swami đang sốt và ở lại trong buồng vì chân phù-sũng. Ông nhìn qua cửa sổ xem nhẩy múa theo nhịp phách trống ( Samkirstans ) và an ủi người đệ-tử trông coi ông và ông khóc ; và một mình với những kỷ-niệm của mình, ông sống lại những ngày đã qua dưới chân Thày ở Darshineswar .

Ông còn có một cái vui lớn. Một nhân-vật danh-tiếng là Okakura cuối năm 1901. Ông này tới với một vị Hoà-thượng Nhật của một ngôi chùa Oda. Và ông này mời ông tới dự một Hội-nghị Tôn-giáo sắp triệu-tập. Sự gặp-gỡ rất cảm-động. Hai người đã nhận được ra nhau, thân-thuộc. Vivekananda nói :

_ " Chúng ta là hai anh em ruột tái ngộ từ nẻo xa xôi đối-lập nhất " .

Okakura yêu cầu Vivekananda đi cùng ông đến di-tích và đài kỷ-niệm Bhodgaya ( Gốc Bồ-Đề ). Vivekananda, nhân được vài tuần lễ đỡ bệnh, đã nhận lời để được nhìn lại lần chót Benarès .

***
*

Những vấn đáp, những kế-hoạch và nguyện-vọng của Vivekananda vào trong những năm cuối đã được đệ-tử ông chép lại trung-thực. Ông luôn luôn để tâm vào việc phục-hồi Ấn-Độ. Và có hai dự-án của ông thường thiết-tha nhất là thành-lập tại Calcutta một Đại-học Vedas để các giáo-sư lỗi-lạc giảng-dạy văn-hóa A-Lỵ-An ( Aryen ), và một tu-viện phụ-nữ tương-tự với tu-viện Belur trên bờ sông Hằng-Hà ( Gange ) đặt dưới sự chỉ-đạo của " Thánh-Mẫu " ( Góa-phụ của Rama-krishna ) .

Nhưng di-chúc tinh-thần chân-thật của ông là ở trong những lời tâm-sự đầy tâm-tình. Một hôm ông đã thổ-lộ với những công-nhân người Santals, một bộ-tộc bản-xứ của Ấn-Độ. Họ là những dân nghèo khó làm việc cho Viện ( Math ) và cuốc đất. Vivekananda rất mến họ, thường nhập vào trong hàng-ngũ họ, trò chuyện, gợi chuyện cho họ nói và khóc khi nghe họ kể chất-phác nỗi thống-khổ của họ. Một hôm ông thết họ một bữa tiệc thịnh-soạn và nói với họ :

" _ " Các anh là Thiên-Thần. Hôm nay tôi thết đãi Thiên Thần ... "

Rồi quay về phiá đệ-tử của mình, ông bảo :

" _ " Xem đấy, những người nghèo khó mù-chữ này có tấm-lòng chất phác biết bao ! Các con có khả năng làm nhẹ nỗi thồng-khổ của họ không ? Bằng không thì mặc áo nâu tu-sĩ để làm gì ?... Có đôi khi tôi tự hỏi : _ " Xây cất tu-viện có ích gì ? Tại sao không bán đi và phân

phát tiền ấy cho kẻ nghèo, cho những Thiên Thần ( Narayanas ) cùng khốn ? Chúng ta cần chi đến tổ ấm, nơi cư-trú của chúng ta vốn là dưới bóng cây. Chao ôi ! Làm sao chúng ta có thể nỡ lòng nào mà ăn một miếng khi đồng-bào của chúng ta thiếu ăn thiếu mặc ? Chúng sẽ không bao giờ được đền bù sao ?... Một trong các mục-đích của thày khi sang thuyết-pháp ở Tây-phương như các con đã biết đó là để giúp đỡ cho kẻ khốn cùng ở nước chúng ta. Khi thày mục-kích cảnh thống-khổ của họ, thày nghĩ : Vứt hết tất cả các huyền-thoại thờ cúng kia đi, cái con ốc người ta thổi, các cái chuông người ta rung, các ngọn lửa người ta trao trước Hình-ảnh ! Vứt bỏ tất cả kiêu-hãnh của khoa-học và học-vấn của Kinh-điển ( Çastras ), và tất cả các phép Đạo-dẫn ( Sadhanas ) nhằm mục-tiêu giải-thoát cá-nhân. Hãy đi từ làng nọ sang làng kia, và hiến thân mình, đời mình phục-vụ những dân nghèo khó ! Hãy thuyết-phục nhà

giầu về trách-nhiệm của họ đối với đại-chúng, bằng sức mạnh của nhân-cách chúng ta, bằng năng-lực tâm-linh và đời sống khổ-hạnh của chúng ta !... Chao ôi ! trong nước ta không có người nào nghĩ đến dân đen dân nghèo, dân khốn-nạn ! Hạng người là xương sống của dân-tộc, hạng người mà sức lao-động sản sinh thực-phẩm cho tất cả, hạng người mà chỉ một ngày bãi công của chúng, thì sẽ nổi dậy tiếng kêu cấp cứu của cả Đô-thị _ đâu là người có cảm-tình với chúng, san sẻ nỗi vui buồn, sướng khổ với chúng ? Hãy xem kià, vì thiếu cảm-tình của tín-đồ Ấn-Độ-giáo mà hàng ngàn dân cùng đinh đã trở nên tín-đồ Cơ-Đốc-giáo trong đô-thành Madras ! Không phải chỉ vì đói khổ đã thúc đẩy chúng mà là vì thiếu cảm-tình của các con. Các con luôn miệng nói với họ : " Chớ đụng chạm vào ta !... Chớ chạm vào cái này, cái kia !... " Ở xứ này không còn một mảy may tình-cảm anh em ruột thịt hay là Đạo-pháp

( Dharma ) nữa ư ? Chỉ còn có chủ-nghĩa " Không được đụng chạm " ( Non Touchisme )... " Đừng chạm vào ta !... " Hãy đá sạch hết tập-tục đồi-trụy ấy đi !... A ! Ước gì ta phá hủy được hết biên-giới của chủ-nghĩa " Không đụng chạm " và họp lại tất cả, vừa đi vừa kêu gọi : " Lại đây tất cả anh em, anh em nghèo khó và bị bóc lột hết hương-hỏa, lại đây, anh em bị chà đạp. Chúng ta là Một Thể, nhân danh Ramakrishna ! " Chừng nào chúng ta chưa được phục-hồi nhân-phẩm, thì Đức Mẹ Ấn vĩ-đại sẽ không bao giờ thức tỉnh... Chúng ta có ích-dụng gì ? Nếu chúng ta không có khả-năng trợ giúp chúng, nuôi ăn, nuôi mặc chúng ? Than ôi ! Chúng không biết gì về các đường lối thế-giới này, và chúng không sao kiếm sống nổi, mặc dù chúng đêm ngày khó nhọc. Hãy tập-trung tất cả năng-lực của các anh lại để gạt màng che trước mắt mình đi. Điều tôi nhìn thấy rõ như ban ngày, ấy là cùng một Đấng Tối-cao

( Brahman ), cùng một Năng-lực Çakti ở tại nơi chúng ta và bản thân tôi. Chỉ khác nhau ở trình-độ biểu-hiện mà thôi... Trong suốt lịch-sử thế-giới, đã bao giờ các anh thấy một nước có thể trưởng-thành và mở mang, mà mạch máu không chạy đều khắp thân-thể không ? Hãy biết lấy điều này là " Không một công-trình vĩ-đại nào có thể thành-tựu được ở một cơ-thể có một bộ-phận bị tê-liệt ... "

Một trong hàng đệ-tử tại-gia của ông nêu lên nghi-vấn về sự khó thành-lập việc hợp-nhất và hòa-điệu ở Ấn-Độ, Vivekananda giận-dữ trả lời :

" _ " Đừng đến đây nữa, nếu anh thấy có nhiệm-vụ gì quá khó-khăn ! Nhờ ơn huệ của Chúa tất cả trở nên dễ thành-tựu. Bổn-phận của anh là phục-vụ những kẻ đau khổ và nghèo khó, không phân-biệt đẳng cấp và tín-ngưỡng. Can chi anh phải nghĩ đến kết-quả và hành-động của mình ? Bổn-phận anh là tiếp-tục làm

việc, và thời-gian sẽ xếp đặt tất cả... Các anh đều là những thanh-niên thông-minh, các anh muốn làm đệ-tử của ta... Này ta bảo điều này : " Các anh đã làm được gì?" Các anh không có thể hy-sinh chỉ một đời vì yêu-thương tha-nhân sao ? Hãy dành cho đời sau đọc triết-lý Veda và thực-hành định-niệm ! Cái thân-thể này đây, hãy dùng để phục-vụ tha-nhân ! Và bấy giờ tôi mới biết là các anh đến với tôi không uổng ! "

Một lát sau, ông nói tiếp :

" _ " Sau bao nhiêu công-phu thần-hóa ( tapasaya ) ta biết rằng chân-lý tối-cao là đây : _ Nó hiện tại trong tất cả chúng-sinh. Tất cả chúng là thiên-hình vạn-tướng của Nó. Không có Thượng-Đế nào khác để cầu tìm. Chỉ người nào phụng-sự chúng-sinh, người ấy phụng-thờ Thượng-Đế ! ... "

Cái tư-tưởng vĩ-đại tự lột trần. Ví như mặt-trời sắp lặn, nó giải-tỏa sương mù trước khi chìm lắng. Nó bùng lóe sáng : _ Tất cả nhân-loại bình-đẳng. Tất cả chúng-sinh bình-đẳng, tất cả đều là con của Chúa, tất cả đều mang cùng một Thượng-Đế. Và không còn có Thượng-Đế nào khác. Ai muốn phụng-sự Thượng-Đế, hãy phụng-sự nhân-loại ! Và trước tiên là những kẻ hèn mọn nhất, nghèo khó nhất, bị bỏ rơi nhất ! Đập tan hết cả tường ngăn ! Đối với chủ-nghĩa " Không đụng chạm " vô-nhân-đạo, nó tuy biểu-hiện đau đớn nhất ở Ấn-Độ, mà không phải chỉ riêng cho Ấn-Độ ( vì rằng sự giả-dối ở Âu-Tây cũng có những dân cùng đinh của nó mà nó cũng sợ đụng chạm ), hãy trả lời chủ-nghĩa ấy bằng cách chìa tay ra với tiếng kêu Vui-sướng _ " Anh em ! ... "

Những đệ-tử của Vivekananda đã tuân theo tiếng gọi của thày. " Sứ-đồ Ramakrishna " ( Mission Ramakrishna ) cho tới nay không ngừng cứu-trợ dân nghèo khổ, dân ti tiện bị hắt hủi ; và đặc biệt nhất là nó săn sóc dân-tộc

thiểu-số Santals mà sư-phụ ( Swami ) khi hấp-hối đã trao lại cho nó .

Một vị khác đã tiếp nhận bó đuốc ở tay người đã kêu lên : _ " Đến đây, tất cả anh em, kẻ nghèo khổ và bị bóc lột ! Lại đây, những kẻ bị chà đạp ! Chúng ta là Một !

Và vị ấy đã tiếp-tục cuộc chiến-đấu thần thánh để trả lại công-quyền và nhân-phẩm cho hạng người bị hắt hủi, vị ấy là M.K. Gandhi ! Thánh Cam-Địa !

***

Lòng tự kiêu lớn của ông đã nhận thấy ra sự hão-huyền của kiêu-hãnh. Người đang hấp-hối bây giờ phát-hiện cái vĩ-đại thật, vĩ-đại của kẻ nhỏ mọn : _ " Đời sống nhỏ mọn anh hùng."

Ông nói với Cô Nivedita :

" _ " Với tuổi tác tôi càng tìm thấy sự vĩ-đại ở trong những sự-vật nhỏ-mọn...

Bất cứ ai đều có thể thành vĩ-đại ở trong một hoàn-cảnh vĩ-đại. Cả đến kẻ hèn-nhát cũng trở nên can-đảm, nếu nó được lên sân-khấu : thiên-hạ nhìn vào nó !... Càng ngày tôi càng thấy sự vĩ-đại chân-thật là của con sâu, cái kiến, nó làm phận-sự của nó, âm-thầm và bền bỉ, giờ ấy sang giờ khác và hết lúc này đến lúc khác ! "

Ông nhìn thấy ông sắp chết với con mắt đúng mức và chính-xác. Ông gọi tất cả đệ-tử về, cả những người ở hải-ngoại. Sự bình-tĩnh của ông làm cho họ có ảo-tưởng : họ cho rằng ông còn sống được ba, bốn năm nữa, trong khi ông tự biết mình sắp đi rồi. Ông không tỏ chút gì luyến-tiếc, phải nhường lại sự-nghiệp của mình vào tay người khác. Ông nói :

" _ " Đã bao phen một người thày chẳng đã làm hại đệ-tử của mình vì luôn luôn còn ở lại với họ ! "

Ông cảm thấy cần-thiết phải vắng mặt, ngõ hầu cho đệ-tử tự phát-triển. Ông từ chối,

kể từ đấy, phát biểu một ý-kiến gì về việc làm nhật dụng. Ông nói :

" _ " Thày không có thể lý vào những việc ấy nữa. Thày đã lên đường . "

Hôm cuối cùng vào thứ sáu 4 tháng 7 năm 1902, ông khỏe mạnh và vui vẻ hơn, kể từ mấy năm nay. Ông dậy thật sớm. Ông đến điện thờ, và khác với thói quen của ông là bảo mở tất cả các cửa, lần này ông đóng cửa sổ và khóa các cửa ra vào. Ông niệm một mình, từ tám đến mười một giờ sáng. Khi ông ra ngoài sân, bộ mặt ông biến đổi, ông nói một mình, và hát một bài tụng-ca thờ Kali rất hay của ông. Ông ăn rất ngon miệng bữa cơm với đám đệ-tử. Ngay sau đấy, ông giảng suốt ba giờ đồng-hồ một bài học Phạn-văn cho tu-sinh, ông đầy sức sống và vui vẻ. Sau đó, ông đi dạo mát với Premananda trên con đường đi tới Belur, và đã đi bộ hơn hai cây số ; ông nói về dự-án Đại-học Vedas của ông và nói về Vedas-học rằng :

_ " Cái này sẽ tiêu-diệt những mê-tín đi ."

Buổi chiều đến. Ông nói chuyện thân-mật lần cuối cùng với các sư-đệ. Ông nói về sự thịnh-vượng và suy-vong của các dân-tộc. Ông nói :

> " _ " Ấn-Độ thì bất-tử, nếu nó kiên-trì trong việc cầu tìm Thượng-Đế. Nhưng nếu nó đi vào chính-trị và những cuộc tranh-đấu xã-hội thì nó sẽ bị tiêu-vong ."

Bẩy giờ tối ... Chuông tu-viện rung lên gọi làm lễ ( Arati ). Ông về phòng của mình, ngắm giòng sông Hằng, và đuổi người tu-sĩ ở bên mình đi, yêu cầu người ta không được quấy ông trong khi ông định-niệm. bốn mươi lăm phút sau, ông gọi các sư-đệ lại, bảo mở hết cửa sổ, và ông nằm dài xuống sàn nhà, nằm yên lặng, ngoảnh mình nghiêng bên trái. Người ta tưởng ông mặc-niệm. Sau một giờ, ông lật mình lại, thở một hơi dài sâu _ yên lặng mấy giây _ đến một hơi thở sâu thứ hai... Và vĩnh-viễn yên-tĩnh. Người tu-sĩ nói :

_ " Ông có mấy giọt máu chẩy ra ở lỗ mũi, miệng và mắt ."

Hình như, rõ-ràng ông đã đi trong một vận-động quyết-chí ( Kundalini Çakti ) " Năng-lực Thần-hóa Tối-cao " trong trạng-thái cuối cùng mà Ramakrishna chỉ cho phép ông thực-hiện khi nào nhiệm-vụ của ông đã hoàn-tất .

_ Ông thọ ba mươi chín tuổi .

Ngày hôm sau, cũng như đối với Rama-krishna, người ta rước ông lên đài hỏa-thiêu, trên vai các sư-đệ Sannyasins của ông, trong tiếng reo chiến-thắng !

Và tôi, trong tin-tưởng như nghe thấy tiếng đồng-ca chiến-thắng của Jules Maccha-bée, chào-mừng người lực-sĩ dũng-mãnh và trận chiến cuối cùng .

_ Ông đã báo trước :

_" Tôi không sống đến bốn mươi tuổi đâu."

&&&&&&&&&&&&
&